


ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 15/10/2014)

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...**19**.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày **25** tháng...**4**... năm **2015**)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày /tháng.....năm tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ : Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 22205544

Fax : (84.4) 22200399

Website : www.bidv.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722

Fax : (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886

Fax : (84.8) 38218510

Phụ trách công bố thông tin:

Ông : Quách Hùng Hiệp – Phó Tổng Giám đốc BIDV

Điện thoại : (84.4) 22205544

Fax : (84.4) 22200399



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 15/10/2014)

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Mệnh giá	: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng phát hành	: 336.921.100 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành	: 3.369.211.000.000 đồng
(theo mệnh giá)	

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 62883568 Fax: (84.4) 62885678

Website : www.deloitte.com/vietnam

MỤC LỤC

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	12
1. Rủi ro về lãi suất.....	12
2. Rủi ro về tín dụng	12
3. Rủi ro về ngoại hối	13
4. Rủi ro về thanh toán	13
5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng.....	13
6. Rủi ro luật pháp	14
7. Rủi ro tác nghiệp	15
8. Rủi ro của đợt phát hành.....	15
9. Rủi ro pha loãng sau khi phát hành	15
9.1. Pha loãng giá thị trường sau khi phát hành	15
9.2. Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần sau khi phát hành (EPS)	15
9.3. Rủi ro pha loãng về quyền biểu quyết.....	16
10. Rủi ro sáp nhập.....	16
11. Rủi ro khác	16
PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	17
1. Tổ chức phát hành	17
2. Tổ chức tư vấn.....	17
PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	18
PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	19
1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.....	19
2. Lịch sử hình thành và phát triển:	20
3. Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý	24
3.1. Cơ cấu tổ chức	24
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	25
4. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông	28
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của BIDV và những người có liên quan tại thời điểm 31/03/2014	28
4.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2015.....	28
4.3. Danh sách cổ đông sáng lập	28

5.	Danh sách công ty liên quan.....	28
5.1.	<i>Công ty mẹ của BIDV.....</i>	28
5.2.	<i>Danh sách các công ty con của BIDV tại ngày 31/12/2014:</i>	28
5.3.	<i>Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV tại ngày 31/12/2014</i>	29
5.4.	<i>Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV.....</i>	30
6.	Quá trình tăng vốn điều lệ	30
7.	Hoạt động kinh doanh	31
7.1.	<i>Ngành nghề kinh doanh chính của BIDV.....</i>	31
7.2.	<i>Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn</i>	51
7.3.	<i>Công nghệ thông tin.....</i>	58
7.4.	<i>Thị trường hoạt động</i>	60
7.5.	<i>Các dự án kinh doanh đang thực hiện</i>	67
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
8.1.	<i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2013 - 2014</i>	70
8.2.	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo</i> <i>71</i>	
9.	Vị thế của BIDV so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	74
9.1.	<i>Vị thế của BIDV trong ngành.....</i>	74
9.2.	<i>Triển vọng phát triển của ngành.....</i>	79
9.3.	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của BIDV với định hướng của</i> <i>ngành 81</i>	
10.	Chính sách đối với người lao động.....	82
10.1.	<i>Số lượng và cơ cấu lao động</i>	82
10.2.	<i>Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....</i>	82
11.	Chính sách cổ tức	83
12.	Tình hình tài chính.....	84
13.	Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	85
13.1.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị.....</i>	85
13.2.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS.....</i>	103
13.3.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc.....</i>	110
14.	Tài sản	126
14.1.	<i>Tài sản cố định</i>	126

14.2.	<i>Tình hình quản lý và sử dụng đất</i>	126
14.3.	<i>Tình hình quản lý đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc, và hệ thống công nghệ thông tin</i> <i>127</i>	
15.	<i>Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo</i>	129
15.1.	<i>Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo</i>	129
15.2.	<i>Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức</i>	130
16.	<i>Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức</i>	131
17.	<i>Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của BIDV</i>	131
17.1.	<i>Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra</i>	131
17.2.	<i>Các cam kết khác</i>	132
18.	<i>Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới BIDV mà có thể ảnh hưởng đến việc phát hành cổ phiếu</i>	132
PHẦN 5. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI		133
1.	<i>Giới thiệu chung về tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi</i>	133
2.	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	133
3.	<i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</i>	133
4.	<i>Cơ cấu tổ chức quản lý của MHB</i>	135
4.1.	<i>Cơ cấu tổ chức</i>	135
4.2.	<i>Cơ cấu bộ máy quản lý</i>	135
5.	<i>Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông</i>	140
5.1.	<i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 31/03/2015</i> <i>140</i>	
5.2.	<i>Cơ cấu cổ đông</i>	141
5.3.	<i>Danh sách cổ đông sáng lập</i>	141
6.	<i>Danh sách công ty liên quan</i>	141
6.1.	<i>Danh sách công ty mẹ của MHB</i>	141
6.2.	<i>Danh sách công ty con của MHB</i>	141
6.3.	<i>Danh sách công ty liên doanh, liên kết của MHB</i>	141
6.4.	<i>Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi</i>	141
7.	<i>Quá trình tăng vốn của MHB</i>	141
8.	<i>Hoạt động kinh doanh</i>	142

8.1.	<i>Sản phẩm kinh doanh chính</i>	142
8.2.	<i>Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn</i>	146
8.3.	<i>Thị trường hoạt động</i>	149
8.4.	<i>Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện</i>	150
9.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	151
9.1.	<i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2013 - 2014</i>	151
9.1.	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của MHB trong năm báo cáo</i> <i>151</i>	
10.	Vị thế của MHB so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	152
10.1.	<i>Vị thế của MHB trong ngành;</i>	152
10.2.	<i>Triển vọng phát triển của ngành;</i>	152
10.3.	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.</i>	152
11.	Chính sách đối với người lao động	152
11.1.	<i>Số lượng và cơ cấu người lao động</i>	152
11.2.	<i>Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp</i>	153
12.	Chính sách cổ tức	154
13.	Tình hình tài chính	154
14.	Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	155
14.1.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị</i>	155
14.2.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát</i>	161
14.3.	<i>Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc</i>	164
15.	Tài sản	170
15.1.	<i>Tài sản cố định</i>	170
15.2.	<i>Tình hình sử dụng đất</i>	170
15.3.	<i>Tài sản khác (quản lý đầu tư, vật kiến trúc, hệ thống công nghệ thông tin, nếu có)</i> <i>177</i>	
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	178
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	178
PHẦN 6. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH		179
1.	Tên cổ phiếu	179
2.	Loại cổ phiếu:	179

3. Mệnh giá:.....	179
4. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:.....	179
5. Tỷ lệ hoán đổi.....	179
6. Căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi.....	179
7. Đối tượng chuyển đổi.....	180
8. Thời gian dự kiến phát hành.....	180
9. Phương thức phân phối.....	180
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	180
11. Cam kết tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2005, Luật cạnh tranh 2004 về sáp nhập doanh nghiệp.....	180
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	181
13. Các loại thuế có liên quan.....	181
PHẦN 7. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH.....	182
1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:.....	182
2. TỔ CHỨC BỊ SÁP NHẬP:.....	182
3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:.....	182
4. TỔ CHỨC TƯ VẤN:.....	182
PHẦN 8. PHỤ LỤC.....	185

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21
Bảng 2: Các danh hiệu & phần thưởng cao quý BIDV được trao trong thời gian qua.....	22
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2015	28
Bảng 4: Danh sách các công ty con tại thời điểm 31/12/2014	28
Bảng 5: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/12/2014.....	29
6: Nguồn vốn huy động giai đoạn 2013 –2014	32
7: Cơ cấu tiền gửi khách hàng giai đoạn 2013 – 2014	32
8: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn giai đoạn 2013 – 2014	33
9: Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền giai đoạn 2013 – 2014.....	33
10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn giai đoạn 2013 – 2014.....	34
11: Dư nợ tín dụng theo loại hình doanh nghiệp giai đoạn 2013 – 2014	35
12: Dư nợ tín dụng theo ngành nghề giai đoạn 2013 – 2014	35
13: Phân loại nợ giai đoạn 2013 – 2014	37
14: Dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2013 – 2014	37
15: Kết quả hoạt động bảo lãnh giai đoạn 2012 – 2014	39
16: Thu nhập hoạt động dịch vụ giai đoạn 2013 – 2014.....	39
17: Kết quả hoạt động thanh toán giai đoạn 2013 - 2014	40
18: Hoạt động kinh doanh thẻ giai đoạn 2013 – 2014	42
19: Tình hình quản lý các Dự án Tài chính Nông thôn BIDV giai đoạn 2013 – 2014	43
20: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2013 –2014.....	44
21: Tổng hợp danh mục đầu tư góp vốn dài hạn giai đoạn 2013 –2014.....	45
22: Tổng hợp chứng khoán kinh doanh của BIDV giai đoạn 2013 –2014.....	46
23: Tổng hợp chứng khoán đầu tư của BIDV giai đoạn 2013 – 2014.....	46
B 24: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BSC giai đoạn 2013 – 2014	48
25: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BIC giai đoạn 2013 – 2014	49
26: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BLC giai đoạn 2013 – 2014	50
27: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BAMC giai đoạn 2013 – 2014.....	51

Bảng 28: Số lượng các điểm mạng lưới truyền thống của BIDV năm 2013 – 2014	61
29: Một số chỉ tiêu tài chính của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2014.....	65
30: Các dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai đến thời điểm 31/12/2014	67
31: Các dự án đầu tư công nghệ đến thời điểm 31/12/2014	69
Bảng 32: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính	70
33: Mạng lưới của một số NHTM lớn của Việt Nam tính đến 31/12/2014.....	76
34: Tình hình chi trả cổ tức của BIDV giai đoạn 2012-2014.....	83
35: Chi tiết chỉ tiêu tài chính năm 2013- 2014.....	84
36: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV	85
37: Danh sách thành viên Ban kiểm soát BIDV	103
38: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV	110
39: Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2014	126
40: Tình hình sử dụng đất tại 31/12/2014.....	126
41: Kế hoạch năm 2015	129
Bảng 42: Chi tiết các khoản nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra tại 31/12/2014 của BIDV	131
Bảng 43: Chặng đường phát triển của MHB.....	133
Bảng 44: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2015.....	141
Bảng 45: Danh sách các công ty con của MHB.....	141
Bảng 46: Cơ cấu, tỷ trọng của hoạt động huy động vốn	143
Bảng 47: Cơ cấu, tỷ trọng của hoạt động huy động vốn	143
Bảng 48: Cơ cấu tiền gửi khách hàng.....	143
Bảng 49: Cơ cấu, tỷ trọng của hoạt động tín dụng	144
Bảng 50: Dư nợ của MHB theo ngành nghề	145
Bảng 51: Một số chỉ tiêu tài chính trong các năm gần đây	151
Bảng 52: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/03/2015.....	153
53: Chi tiết chỉ tiêu tài chính năm 2013-2014.....	154
Bảng 54: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị	155
Bảng 55: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	161

Bảng 56: Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....	164
57: Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2014.....	170
58: Tình hình sử dụng đất tại 31/12/2014.....	171

MỤC LỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV..... 24

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV 25

 3: Mô hình tổ chức chi nhánh của BIDV 27

 4: Mạng lưới khối ngân hàng của BIDV trong theo năm 75

 5: Quy mô Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu của một số NHTM tại 31/12/2014 76

 6: Quy mô Dư nợ và Huy động vốn của một số Ngân hàng TMCP 77

 7: Lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ nợ xấu của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2014 77

Hình 8: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của MHB 135

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sở ngân hàng và rủi ro lãi suất Sở kinh doanh. Rủi ro lãi suất Sở ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BIDV do sự biến động bất lợi của lãi suất. Trong khi đó rủi ro lãi suất Sở kinh doanh là khả năng xảy ra tổn thất đối với danh mục kinh doanh của BIDV do sự biến động bất lợi của lãi suất, ảnh hưởng đến giá trị danh mục.

- ❖ Đối với rủi ro lãi suất Sở ngân hàng: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng dải kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BIDV có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- ❖ Đối với rủi ro lãi suất Sở kinh doanh: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch giữa giá trị thị trường của danh mục kinh doanh và giá trị mua vào của danh mục. Khi lãi suất thị trường biến động bất lợi, tùy thuộc vào tính chất của danh mục, chênh lệch này có thể sẽ biến động và gây tổn thất cho BIDV.

2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro cơ bản đối với hầu hết các NHTM nói chung và BIDV nói riêng do hoạt động cho vay vẫn là hoạt động chính tại các ngân hàng. Rủi ro này xảy ra khi khách hàng được cấp tín dụng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo cam kết đã ký trong hợp đồng. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các nguyên nhân chính như:

- ❖ Từ bản thân các ngân hàng: Do chính sách và quy trình tín dụng chưa chặt chẽ, công tác quản trị rủi ro chưa hữu hiệu, việc xác định nhu cầu, thời hạn cấp tín dụng của khách hàng chưa phù hợp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ tín dụng còn chưa đáp ứng yêu cầu...
- ❖ Từ khách hàng: Do năng lực quản trị điều hành của bộ máy lãnh đạo đơn vị còn hạn chế, công nghệ sản xuất của khách hàng lỗi thời và không đủ khả năng tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao, khách hàng không có đủ tiềm lực về vốn để thực hiện phương án kinh doanh theo kế hoạch, khách hàng cố tình lừa đảo...
- ❖ Từ phía môi trường kinh doanh: Do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, dịch họa...), thay đổi từ chính sách kinh tế vĩ mô và môi trường pháp lý, suy giảm đối với ngành mà khách hàng hoạt động hoặc của nền kinh tế nói chung, nguyên nhân do thông tin không cân xứng.

Trong điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi như hiện nay và các chủ thể kinh tế có mối quan hệ qua lại lẫn nhau, việc quản lý rủi ro tín dụng trở nên phức tạp. Thực tế đó yêu cầu từng ngân hàng không ngừng tăng cường khả năng quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng.

3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là khả năng xảy ra tổn thất đối với trạng thái ngoại tệ của BIDV do sự biến động bất lợi của tỷ giá.

Rủi ro ngoại hối của BIDV hiện nay phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, phục vụ khách hàng và hoạt động đầu tư của Sở ngân hàng. Trạng thái ngoại tệ được quản lý tập trung tại Trụ sở chính.

4. Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BIDV không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giảm sút về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BIDV đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín đối với các khách hàng tiền gửi lớn/truyền thống, BIDV đã tích cực chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BIDV tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, BIDV đã xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với thông lệ, xây dựng văn bản quy định về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng.... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BIDV đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng..., trong đó:

- ❖ Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BIDV đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như một khoản vay (áp dụng quy trình như phê duyệt cho vay).

- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C: Bộ phận quan hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế; Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

6. Rủi ro luật pháp

BIDV là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện (ngân hàng – tài chính – tiền tệ), do vậy, bên cạnh việc phải tuân thủ các quy định pháp luật chung tại Luật Doanh Nghiệp, BIDV còn chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật chuyên ngành ngân hàng như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng nhà nước... Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được xây dựng nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng thương mại cổ phần như BIDV.

Từ năm 2010 cho đến nay, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, gồm: Luật số 46/2010/QH12 về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật số 47/2010/QH12 về Các tổ chức tín dụng (đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm và Luật số 68/2014/QH13 về Doanh nghiệp và Luật số 67/2014/QH13 về Đầu tư thay thế các luật cũ (sẽ có hiệu lực từ ngày 1/7/2015).

Trên thực tế, mặc dù Chính phủ, Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn luật nhằm chi tiết hóa các luật liên quan tới các tổ chức tín dụng, từ đó, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý và giúp cơ quan có thẩm quyền quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng và thị trường tài chính, nhưng cho đến nay, nhiều văn bản hướng dẫn luật, đặc biệt là Luật Các tổ chức tín dụng vẫn còn cần tiếp tục được hoàn thiện hoặc chờ ban hành. Việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành các chính sách, văn bản, quy định hướng dẫn luật có thể đặt ra các thách thức không nhỏ cho các tổ chức tín dụng (trong đó có BIDV) vì việc chưa được hướng dẫn áp dụng đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các văn bản pháp luật điều chỉnh có thể dẫn đến rủi ro về mặt pháp lý đối với hoạt động ngân hàng.

Sau khi cổ phần hóa và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, BIDV còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành dưới luật). Hiện nay, các văn bản luật và văn bản dưới luật điều chỉnh hoạt động của thị trường chứng khoán đang trong quá trình tiếp tục được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó nếu có sự thay đổi thì có thể ảnh hưởng đến tình hình giao dịch cổ phiếu và hoạt động của BIDV.

7. Rủi ro tác nghiệp

Rủi ro hoạt động là loại rủi ro có thể xuất hiện trong hầu hết các hoạt động của ngân hàng, là rủi ro cố hữu, gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó lường. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ yếu tố con người (cẩu thả, gian lận), do sơ hở trong các quy trình nội bộ, sự yếu kém trong hệ thống thông tin, hệ thống kiểm soát nội bộ; hoặc từ những thay đổi các yếu tố bất thường bên ngoài (cơ chế, chính sách của nhà nước, thiên tai, dịch họa).

8. Rủi ro của đợt phát hành

Giao dịch sáp nhập Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) vào Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) sẽ được thực hiện thông qua việc phát hành cổ phiếu mới của BIDV và hoán đổi các cổ phiếu của MHB (theo phương án sáp nhập đã được đại diện của các bên và Ngân hàng Nhà nước thông qua). Do đó, đợt phát hành này của BIDV sẽ không có rủi ro về việc không phát hành hết số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành.

9. Rủi ro pha loãng sau khi phát hành

9.1. Pha loãng giá thị trường sau khi phát hành

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của BIDV	: 2.811.202.644
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của BIDV	: 336.921.100
Tỷ lệ pha loãng	: 11,98%
Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi phát hành của BIDV	: 3.148.123.744

Số lượng cổ phiếu phát hành thêm của BIDV dùng để hoán đổi với cổ phiếu của MHB, nên cổ phiếu của BIDV không bị pha loãng về thị giá.

Tuy nhiên, lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ khiến cho tổng số cổ phiếu lưu hành của BIDV tăng lên, điều này phần nào có thể làm giảm sự hấp dẫn của cổ phiếu BIDV đối với nhà đầu tư và gián tiếp tạo nên hiệu ứng pha loãng giá.

Mặt khác, việc sáp nhập MHB vào BIDV sẽ giúp tận dụng thế mạnh vốn có của hai ngân hàng, tạo sức mạnh tổng hợp, góp phần làm gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của BIDV sau sáp nhập, đem lại lợi ích cho cổ đông của BIDV và gia tăng thị giá cổ phiếu BIDV.

9.2. Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần sau khi phát hành (EPS)

Đối với đợt phát hành để hoán đổi cổ phiếu này của BIDV, mặc dù tỷ lệ hoán đổi cổ phần giữa BIDV và MHB đã được tính toán một cách hợp lý, nhưng nhà đầu tư cần lưu ý rằng số

lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của BIDV. Cụ thể:

- Tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành: 336.921.100 cổ phiếu;
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Tuy nhiên, với những hiệu quả tích cực của việc sáp nhập như tận dụng thế mạnh vốn có của 2 ngân hàng, tạo ra sức mạnh tổng hợp, dự kiến kết quả, hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng sau sáp nhập sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng cao, trong khi số lượng cổ phần tăng thêm do phát hành để hoán đổi chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ nên hiệu ứng pha loãng EPS sau sáp nhập không đáng kể.

9.3. Rủi ro pha loãng về quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu của BIDV sẽ bị giảm tương ứng, do số lượng cổ phiếu phát hành thêm để hoán đổi lần này không chào bán cho cổ đông hiện hữu của BIDV.

10. Rủi ro sáp nhập

Sau giao dịch sáp nhập, ngoài những yếu tố tích cực mang đến từ lợi ích tái cấu trúc với một số rủi ro và thách thức như sau:

- Thị giá cổ phiếu của BIDV có thể bị ảnh hưởng: Do số lượng cổ phiếu BIDV được phát hành để hoán đổi cổ phiếu MHB nên giá giao dịch không bị điều chỉnh giảm khi thực hiện chốt danh sách phân bổ cổ phần. Tuy nhiên, xét về bản chất số lượng cổ phiếu giao dịch tăng lên (tăng 11,98% so với trước phát hành) sẽ có thể ảnh hưởng đến thị giá giao dịch của cổ phiếu BIDV trên thị trường.
- Những kết quả tích cực từ lợi ích tái cấu trúc có thể không được như mong đợi của các cổ đông của hai bên;
- Rủi ro công nghệ khi hai Ngân hàng phải cân nhắc việc tích hợp hạ tầng công nghệ (hệ thống core banking);
- Vấn đề truyền thông hậu sáp nhập đối với các khách hàng và nhân viên của hai Ngân hàng, cũng như đối với công chúng.

11. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, BIDV còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của BIDV.

PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Trần Bắc Hà

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông: Phan Đức Tú

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà: Tạ Thị Hạnh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà: Võ Bích Hà

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn






















Bà: Trần Thị Thu Thanh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định ủy quyền số 202/QĐ-BSC ngày 10/02/2015 của Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.

PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

-  “BIDV”, “Tổ chức phát hành”: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  “BSC”, “Tổ chức tư vấn”: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  “MHB”, “Tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi”: Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
-  “ĐHĐCĐ”: Đại Hội đồng Cổ đông
-  “HĐQT”: Hội đồng Quản trị
-  “BGĐ”: Ban Giám đốc
-  “BKS”: Ban Kiểm soát
-  “CBCNV”: Cán bộ công nhân viên
-  “ISO”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
-  “SXKD”: Sản xuất kinh doanh
-  “ATM”: Máy rút tiền tự động
-  “CMTND”: Chứng minh thư nhân dân
-  “CTCP”: Công ty Cổ phần
-  “NHTM”: Ngân hàng Thương mại
-  “NHNN”: Ngân hàng nhà nước
-  “UBCKNN”: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
-  “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
-  “USD”: Đồng đô la Mỹ
-  “VND”: Việt Nam Đồng
-  “DNVVN”: Doanh nghiệp vừa và nhỏ
-  “NHNN&PTNT”: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- **Tên tiếng Việt:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- **Tên tiếng Anh:** Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- **Tên viết tắt:** BIDV
- **Mã chứng khoán:** BID
- **Logo:**



- **Vốn điều lệ:** 28.112.026.440.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi tám nghìn một trăm mười hai tỷ không trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng)
- **Trụ sở chính:** Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- **Điện thoại:** (84.8) 22200588
- **Fax:** (84.8) 22200399
- **Website:** www.bidv.com.vn
- **Mã số thuế:** 0100150619
- **Đăng ký kinh doanh:**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 19 ngày 15/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012.


Sứ mệnh Tầm nhìn

BIDV luôn đồng hành, chia sẻ và cung cấp dịch vụ tài chính-ngân hàng hiện đại, tốt nhất cho *khách hàng*; cam kết mang lại giá trị tốt nhất cho *các cổ đông*; tạo lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, cơ hội phát triển nghề nghiệp và lợi ích xứng đáng cho mọi *nhân viên*; và là ngân hàng tiên phong trong hoạt động phát triển *cộng đồng*.




Trở thành Tập đoàn Tài chính Ngân hàng có chất lượng, hiệu quả, uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

Các lĩnh vực hoạt động

BIDV là một Ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, hướng tới hình thành tập đoàn tài chính – ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh:

-  Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn,

hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

-  Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;
-  Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật. Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư, tư vấn phát hành chứng khoán, IPO, tư vấn niêm yết;
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán; đại lý phát hành chứng khoán;
 - Môi giới và tự doanh chứng khoán;
 - Quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư;
 - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
 - Dịch vụ lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát;
 - Dịch vụ quản lý tài sản;
 - Hoạt động nghiên cứu;
 - Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
-  Bảo hiểm: BIDV thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập công ty có liên quan hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của pháp luật:
 - Bảo hiểm nhân thọ;
 - Bảo hiểm phi nhân thọ;
 - Tái bảo hiểm;
 - Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

2. Lịch sử hình thành và phát triển:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994

của Thống đốc NHNN Việt Nam cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại, BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

Qua 58 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam, được tổ chức hoạt động theo mô hình Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Năm	Sự kiện
1957	Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước.
1981	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước).
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
1992	Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
1995	Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.
1996	Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay (18 năm).
2001	Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.
2001 - 2006	Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng.
2006	Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody's thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay (08 năm).
2008	Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do World Bank tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng.
2009	Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng.
2010	Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P.
2011	Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương đương với 847,5 tỷ đồng), giá đầu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).
08/03/2012	Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và

Năm	Sự kiện
	chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam.
27/04/2012	Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng.
06/08/2013	Tăng vốn điều lệ lên 28.112.026.440.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu
24/01/2014	Chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán tp.Hồ Chí Minh (HSX)

Bảng 2: Các danh hiệu & phần thưởng cao quý BIDV được trao trong thời gian qua

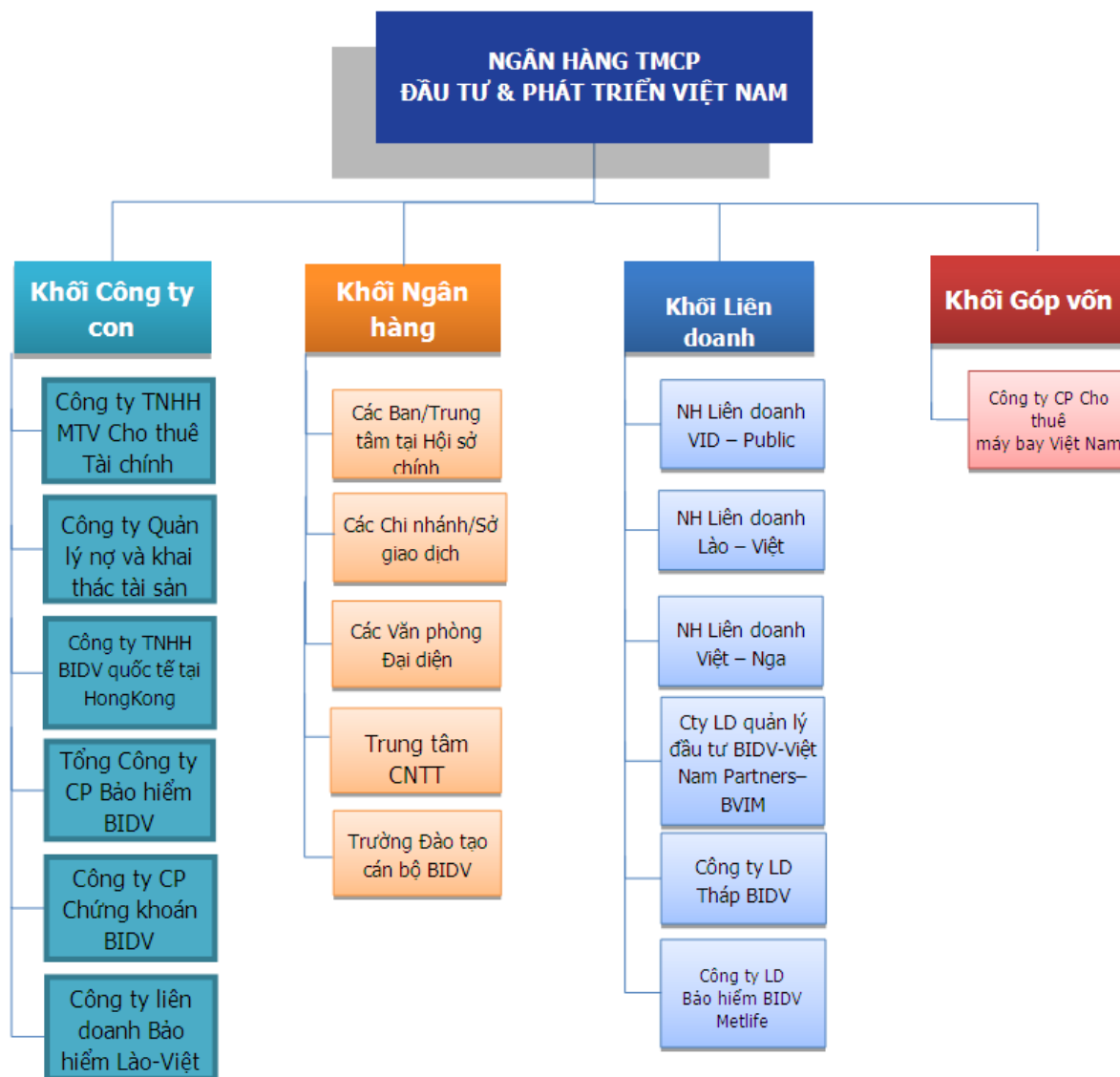
STT	Phần thưởng được nhận
A	Đánh giá ghi nhận của Đảng và Nhà nước.
1	Là ngân hàng đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” (2000).
2	Huân chương Hồ Chí Minh (2007).
3	Huân chương Độc lập hạng Ba (1999), Độc lập hạng Nhất (2002 và 2012).
4	Huân chương Lao động hạng Nhất (1997)
5	53 Huân chương Độc lập, Huân chương lao động cho các tập thể và cá nhân.
6	133 bằng khen của Chính phủ cho tập thể và cá nhân
7	79 cờ thi đua của Chính phủ, Thống đốc NHNN và UBND các tỉnh, thành phố.
8	Cùng hàng ngàn bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố cho các tập thể, cá nhân xuất sắc trong toàn hệ thống BIDV
B	Đánh giá ghi nhận của Đảng, Nhà nước, Chính phủ nước CHDCND Lào
1	Huân chương tự do hạng Nhì (2012), Huân chương Hữu nghị (2007)
2	Huân chương lao động hạng nhì (2002)
3	06 Huân chương hạng 3 và nhiều phần thưởng cao quý khác cho tập thể, cá nhân trong toàn hệ thống BIDV.
C	Đánh giá ghi nhận của Chính phủ Campuchia
1	Huân chương Hoàng Gia hạng Nhất của Quốc vương Campuchia (2012)
D	Đánh giá ghi nhận của các tổ chức, định chế tài chính trong nước và quốc tế.
1	Các giải thưởng của ADFIAP (Hiệp hội các định chế tài chính Phát triển Châu Á-Thái Bình Dương) trao tặng: Tài trợ phát triển giảm nghèo 2004 Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 2005 Phát triển kinh tế địa phương 2005
2	Các giải thưởng về thanh toán quốc tế “Ngân hàng có chất lượng thanh toán qua SWIFT tốt nhất do AMEX, Bank of New York, Citibank và HSBC trao tặng (2001 – 2005).
3	UNDP xếp hạng là 1 trong 4 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (2007).

STT	Phần thưởng được nhận
4	Finance Asia xếp BIDV trong top 100 ngân hàng của Châu Á (2007).
5	Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ FX tốt nhất do AsiaMoney trao tặng (2007, 2008, 2009, 2013, 2014).
6	Giải thưởng “Thương hiệu Mạnh Việt Nam” do Bộ Công Thương, Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng (2005, 2006, 2008, 2009).
7	“Ngân hàng Thanh toán quốc tế và quản lý tiền tệ tốt nhất 2010” do HSBC trao tặng.
8	Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2001 – 2005; giai đoạn 2006 – 2010 do Bộ Tài chính trao tặng.
9	Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ huy động vốn tốt nhất” và “Ngân hàng có dịch vụ tín dụng doanh nghiệp tốt nhất” do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và Báo Vietnamnet tổ chức bình chọn năm 2010.
10	Liên tục từ năm 2007 đến nay, BIDV giữ vị trí hàng đầu Vietnam ICT Index (Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin) và nằm trong TOP 10 CIO (lãnh đạo Công nghệ Thông tin) tiêu biểu của Khu vực Đông Dương năm 2009 và Khu vực Đông Nam Á năm 2010, 2013.
11	Giải Sao khuê 2011, Nhân tài Đất Việt 2012 cho sản phẩm phần mềm Cổng thanh toán chứng khoán trực tuyến (BIDV@Securities).
12	Giải thưởng “Ngôi sao chất lượng quốc tế 2011” do tổ chức Định hướng sáng kiến doanh nghiệp BID Quality Award (trụ sở tại Tây Ban Nha) trao tặng.
13	Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2012” do EuroMoney trao tặng.
14	Giải thưởng “Ngân hàng của năm- “House of the year” năm 2012 và 2013 do Asia Risk trao tặng.
15	Top 1000 World Bank năm 2013 do Tạp chí The banker bầu chọn
16	Giải thưởng “Ngân hàng Quản lý tiền tệ của năm 2013” trong hệ thống giải thưởng Ngân hàng bán buôn năm 2013 do Asian Banking and Finance tổ chức.
17	Giải thưởng “Ngân hàng Quản lý tiền tệ tốt nhất Việt nam” do Tạp chí Asian Banker trao tặng năm 2014

3. Cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý

3.1. Cơ cấu tổ chức

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV



Tính đến thời điểm 31/12/2014, BIDV có mạng lưới như sau:

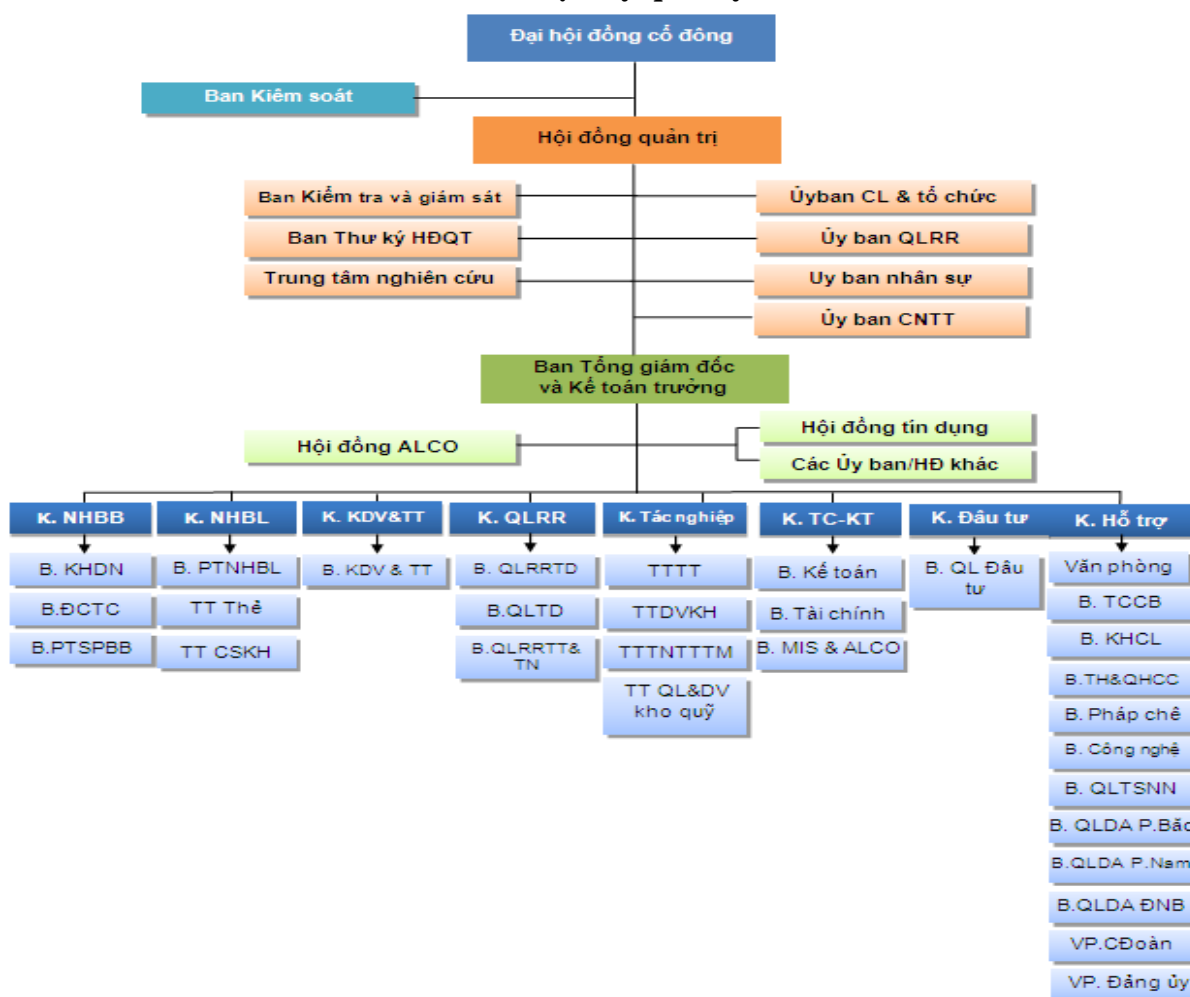
- Khối ngân hàng:** Hội sở chính và 136 chi nhánh (bao gồm 01 Sở giao dịch), 595 Phòng giao dịch, 16 Quỹ tiết kiệm/Điểm giao dịch; Trường đào tạo cán bộ BIDV, Trung tâm Công nghệ Thông tin; các Văn phòng đại diện: VPĐD tại Tp. Hồ Chí Minh, VPĐD tại Đà Nẵng, VPĐD tại Campuchia, VPĐD tại Myanmar, VPĐD tại Lào, VPĐD tại Séc.
- Khối công ty con:** 06 Công ty bao gồm Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên BIDV (BLC), Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (BAMC), Công

ty TNHH BIDV Quốc tế tại Hong Kong (BIDVI), Công ty liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI) (Sở hữu gián tiếp qua công ty con).

- ✦ **Khối liên doanh:** gồm 06 đơn vị liên doanh: Ngân hàng liên doanh VID Public Bank (VPB), Ngân hàng liên doanh Việt-Nga (VRB), Công ty liên doanh quản lý đầu tư BIDV-Việt Nam Partners (BVIM), Ngân hàng liên doanh Lào – Việt (LVB), Công ty liên doanh Tháp BIDV, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife.
- ✦ **Khối các đơn vị liên kết:** gồm 01 đơn vị liên kết: Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC).

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV



3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

3.2.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát BIDV gồm 03 thành viên.

3.2.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị BIDV gồm 11 thành viên.





3.2.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, do Hội đồng Quản trị BIDV bổ nhiệm.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của BIDV và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.2.5. Các khối chức năng tại Hội sở chính:

Trụ sở chính của BIDV được tổ chức theo 8 khối chức năng bao gồm:

-  Khối Ngân hàng bán buôn: Chịu trách nhiệm duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng là tổ chức. Cụ thể, khối này có trách nhiệm giới thiệu các sản phẩm tới các khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này.
-  Khối Ngân hàng bán lẻ: Chịu trách nhiệm đối với hoạt động marketing, phát triển và kinh doanh các sản phẩm được chuẩn hóa cho các khách hàng cá nhân và hộ gia đình, đồng thời thực hiện công tác chăm sóc khách hàng.
-  Khối Kinh doanh vốn và tiền tệ: Chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch kinh doanh vốn và tiền tệ phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) cho Sở Ngân hàng, tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
-  Khối Quản lý rủi ro: Chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động tín dụng và các rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải. Khối này thực hiện thẩm định các hoạt động kinh doanh tiềm năng được các khối kinh doanh khác đề xuất.

- ✦ **Khối Tác nghiệp:** Chịu trách nhiệm về các khoản thanh toán và thu chi trực tiếp, cụ thể: Thanh toán trong nước, chuyển tiền quốc tế và chuyển điện SWIFT; quản lý các khoản vay, dịch vụ khách hàng, dịch vụ kho quỹ và hoạt động tác nghiệp tài trợ thương mại.
- ✦ **Khối Tài chính Kế toán:** Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và các công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán trụ sở chính và kế toán chung; thực hiện hỗ trợ Hội đồng ALCO; quản lý tài chính và chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát.
- ✦ **Khối Đầu tư:** Ch

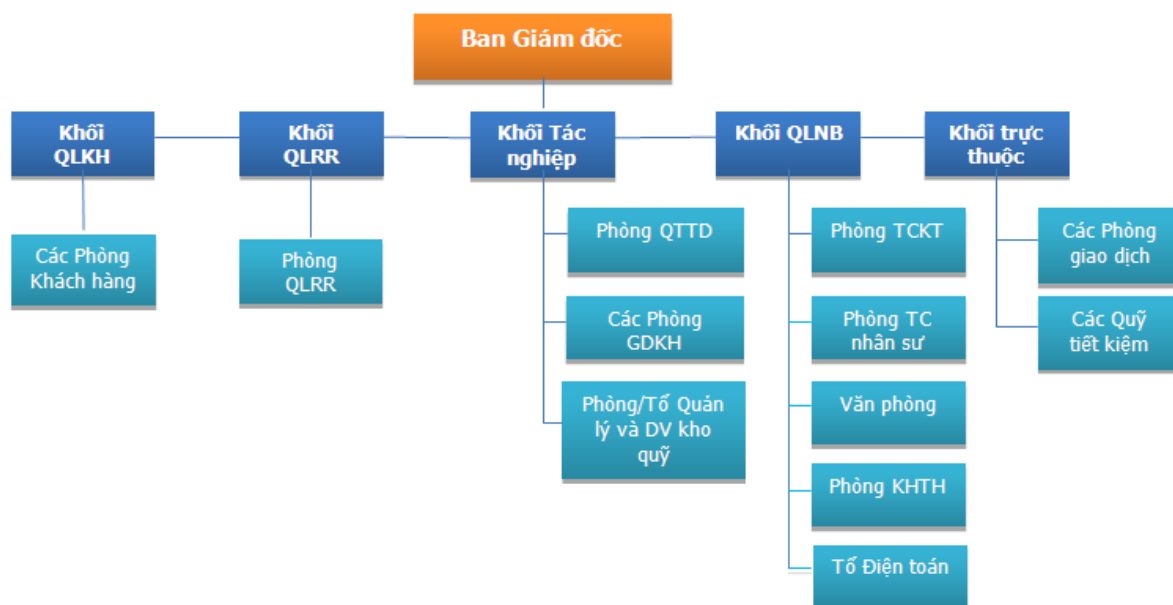
, tổ chức kinh tế,...

- ✦ **Khối hỗ trợ:** Thực hiện hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng.

3.2.6. Cấu trúc các chi nhánh

Tính đến 31/12/2014, BIDV có 136 chi nhánh (bao gồm 01 Sở giao dịch). Mô hình Sở Giao dịch và chi nhánh hỗn hợp có cơ cấu tổ chức như sau:

3: Mô hình tổ chức chi nhánh của BIDV



Đôi với 03 chi nhánh bán lẻ có mô hình rút gọn hơn so với mô hình chi nhánh hỗn hợp nêu trên.

Trong thời gian tới, theo khuyến nghị tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn II – TA2 do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ, BIDV sẽ tiếp tục triển khai tách bạch các chi nhánh theo mô hình chi nhánh bán buôn hoặc chi nhánh bán lẻ để mang đến dịch vụ tốt hơn cho khách hàng và phù hợp hơn với tầm nhìn dài hạn của BIDV.

4. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của BIDV và những người có liên quan tại thời điểm 31/03/2014

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm giữ 2.692.024.021 cổ phần, tương đương với 95,76% vốn điều lệ của BIDV. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV.

4.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2015

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2015

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước	1	2.692.024.021	95,76%
Trong nước	19.745	90.128.526	3,21%
<i>Cá nhân</i>	19.583	71.275.689	2,54%
<i>Tổ chức</i>	162	18.852.837	0,67%
Nước ngoài	129	29.050.097	1,03%
<i>Cá nhân</i>	86	1.234.646	0,04%
<i>Tổ chức</i>	43	27.815.451	0,99%
Tổng cộng	19.875	2.811.202.644	100%

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có.

5. Danh sách công ty liên quan

5.1. Công ty mẹ của BIDV

Không có

5.2. Danh sách các công ty con của BIDV tại ngày 31/12/2014:

Bảng 4: Danh sách các công ty con tại thời điểm 31/12/2014

STT	Tên Công ty	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên BIDV (BLC)	Cho thuê Tài chính	447,8	447,8	100,00

STT	Tên Công ty	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)	Chứng khoán	865	762,2	88,12
3	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Bảo hiểm	693	543	78,38
4	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC)	Quản lý nợ và Khai thác tài sản	30	30	100,00
5	Công ty TNHH BIDV Quốc tế ¹ tại Hồng Kông (BIDVI)	Quản lý quỹ, tư vấn	0	0	0
6	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI)	Bảo hiểm, tài chính	3.000.000 USD	1.528.000 USD	50,95 ²

5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV tại ngày 31/12/2014

Bảng 5: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/12/2014

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV (%)	Lĩnh vực hoạt động
I	Các công ty liên doanh			
1	Ngân hàng liên doanh VID Public Bank (VPB)	62,5 triệu USD	50	Tài chính Ngân hàng
2	Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV – Việt Nam Partners (BVIM)	25 tỷ đồng	50	Quản lý quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, nhận ủy thác và quản lý danh mục đầu tư, cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến tái cơ cấu tài chính, mua bán và sáp nhập
3	Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga (VRB)	168,5 triệu USD	50	Tài chính Ngân hàng
4	Ngân hàng liên doanh Lào – Việt (LVB)	70 triệu USD	65	Tài chính ngân hàng
5	Công ty liên doanh Tháp BIDV	13,1 triệu USD	55	Xây dựng và cho thuê văn phòng
6	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ IDV Metlife	1.000 tỷ	38,92	Bảo hiểm nhân thọ
II	Các công ty liên kết			

¹ Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế, việc huy động quỹ đầu tư và triển khai các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, trong năm 2010, BIDVI đã được chuyển sang trạng thái “không hoạt động” theo quy định của pháp luật Hong Kong. BIDVI sẽ xem xét triển khai lại hoạt động khi môi trường hoạt động thuận lợi hơn.

²Tỷ lệ sở hữu của BIDV ở LVI là 50,95% (được tính gián tiếp (BIDV góp vào BIC là 78,38%, BIC góp vào LVI là 65% => BIDV góp vào LVI là 50,95% = 78,38%*65%).











STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV (%)	Lĩnh vực hoạt động
1	Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)	1.336 tỷ đồng	27,24	Cho thuê máy bay

5.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV.

6. Quá trình tăng vốn điều lệ













Vốn điều lệ khi Ngân hàng chuyển sang hoạt động theo hình thức ngân hàng cổ phần là 23.011.705.420.000 đồng. Từ đó đến nay, BIDV đã thực hiện tăng vốn 01 lần với chi tiết như sau:

-  Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu
-  Số vốn điều lệ tăng thêm: 5.100.321.020.000 đồng
-  Nguồn tăng vốn:
 - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại: 1.041.849.090.000 đồng
 - Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 4.058.471.930.000 đồng
-  Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 25/06/2013
-  Tỷ lệ phân bổ quyền:
 - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 4,53%
 - Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 17,63%
-  Giá phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
-  Ngày phát hành: 05/07/2013
-  Kết quả phát hành: phát hành thêm 510.032.102 cổ phần trong đó
 - Số cổ phần phát hành để trả cổ tức: 104.184.909 cổ phần
 - Số cổ phần phát hành thêm thành công: 405.847.193 cổ phần
-  Vốn điều lệ sau khi phát hành: 28.112.026.440.000 đồng
-  Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 06/08/2013

7. Hoạt động kinh doanh





7.1. Ngành nghề kinh doanh chính của BIDV

Các sản phẩm dịch vụ của BIDV bao gồm:


-  Dịch vụ tài khoản
-  Dịch vụ huy động vốn
-  Dịch vụ cho vay
-  Dịch vụ bảo lãnh
-  Dịch vụ chiết khấu chứng từ
-  Dịch vụ thanh toán quốc tế
-  Dịch vụ chuyển tiền
-  Dịch vụ thẻ
-  Dịch vụ mua bán ngoại tệ
-  Dịch vụ ngân hàng đại lý
-  Dịch vụ bao thanh toán
-  Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

7.1.1. Hoạt động huy động vốn






Nhằm thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 về các giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, từ đầu năm 2013, NHNN đã nhiều lần cắt giảm trần lãi suất huy động, trong điều kiện các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán kém hấp dẫn và chứa đựng nhiều rủi ro, từ đầu năm 2012, huy động vốn trên thị trường 1 thuận lợi, tình trạng cạnh tranh lãi suất giữa các ngân hàng đã giảm đáng kể. Trong bối cảnh đó, bên cạnh việc gia tăng về quy mô một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, BIDV đã tích cực triển khai các biện pháp để tái cơ cấu nguồn vốn, tăng tính ổn định của nền vốn. Tổng nguồn vốn huy động tại 31/12/2013 và 31/12/2014 lần lượt là 467.951 tỷ đồng và 589.856 tỷ đồng. Các chiến lược huy động vốn của BIDV luôn đảm bảo tính linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường, tuân thủ đúng quy định của NHNN, cụ thể:

-  Đa dạng hóa nguồn vốn huy động, tăng dần tỷ trọng tiền gửi dân cư và đa dạng hoá khách hàng tổ chức, giảm dần tỷ trọng tiền gửi tập trung vào các khách hàng lớn, tăng dần độ ổn định của nguồn vốn huy động.
-  Gia tăng huy động vốn tại các nhóm khách hàng có chi phí vốn thấp, giảm chi tiêu huy động vốn tại các nhóm khách hàng có chi phí vốn cao nhằm giảm chi phí vốn đầu vào; sử dụng công cụ lãi suất để khuyến khích/hạn chế huy động vốn tại các kỳ hạn phù hợp.
-  Tích cực đẩy mạnh các kênh huy động vốn dài hạn; hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ theo hướng chuẩn hoá, tăng tiện ích, đa dạng gắn với quản trị rủi ro.
-  Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế, bộ ngành Chính phủ để tăng

cường khả năng tiếp cận nguồn vốn trên thị trường tài chính quốc tế.

-  Tích cực, đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh vốn trên thị trường.

Nguồn vốn huy động của BIDV bao gồm:

-  Tiền gửi và vay từ NHNN và Bộ tài chính
-  Tiền gửi và vay các TCTD khác
-  Tiền gửi của khách hàng
-  Phát hành giấy tờ có giá, phát hành trái phiếu tăng vốn
-  Tiền vay Bảo hiểm xã hội


6: Nguồn vốn huy động giai đoạn 2013 –2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	16.496	4%	20.121	3%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	47.799	10%	86.186	15%
Tiền gửi của khách hàng	338.902	72%	440.472	75%
Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn	33.254	7%	20.077	3%
Tiền vay bảo hiểm xã hội	31.500	7%	23.000	4%
Tổng cộng	467.951	100%	589.856	100%

Nguồn: BIDV

Tại thời điểm 31/12/2014 tổng nguồn vốn huy động của BIDV đạt 589.856 tỷ đồng, tăng 121.905 tỷ đồng so với năm 2013 do BIDV đã nỗ lực gia tăng nguồn vốn thông qua các biện pháp marketing, chiến lược sản phẩm và khách hàng phù hợp, trong đó cơ cấu nguồn vốn huy động đã có cải thiện lớn theo hướng tăng tỷ trọng tiền gửi của khách hàng từ 72% năm 2013 lên 74,7% năm 2014.

-  Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, trung bình đạt tỷ trọng 74,2% trong giai đoạn 2012 – 2014, duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định hàng năm.

7: Cơ cấu tiền gửi khách hàng giai đoạn 2013 – 2014

STT	Khoản mục	2013	2014
	Tổng tiền gửi khách hàng (tỷ đồng)	338.902	440.472
1	Phân theo khách hàng (%)		

STT	Khoản mục	2013	2014
	Dân cư	60,07%	56,5%
	Tổ chức kinh tế, đối tượng khác	39,93%	43,5%
2	Phân theo kỳ hạn (%)		
	Không kỳ hạn	18,39%	17,8%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,60%	0,4%
	Có kỳ hạn	81,00%	81,8%
3	Phân theo loại tiền (%)		
	VND	90,71%	91,8%
	Ngoại tệ	9,29%	8,2%

Nguồn: BIDV

Tiền gửi khách hàng dân cư luôn chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng tiền gửi khách hàng, điều này thể hiện BIDV đang thực hiện thành công chiến lược thu hút vốn theo hướng đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ, chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng phát triển các khách hàng cá nhân mới.

Huy động tiền gửi khách hàng chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn với tỷ trọng 81% năm 2013 và 81,8% năm 2014.

8: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
Không kỳ hạn	62.333	78.415
Tiền gửi vốn chuyên dùng	2.047	1.832
Có kỳ hạn	274.522	360.225
Tổng	338.902	440.472

Nguồn: BIDV

Tiền gửi nội tệ tăng mạnh so với năm trước cả về khối lượng (tăng 96.809 tỷ) và tỷ trọng (năm 2013 chiếm 90,7%, đến năm 2014 chiếm 91,8% tổng giá trị Tiền gửi của khách hàng).

9: Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
VND	307.402	404.211
Ngoại tệ	31.500	36.261
Tổng	338.902	440.472

Nguồn: BIDV

7.1.2. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Đến cuối năm 2014, BIDV có tổng dư nợ tín dụng cho vay khách hàng đạt 445.692 tỷ đồng. BIDV hiện là một trong hai ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Hoạt động tín dụng cũng là hoạt động thu lãi rất quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của BIDV.

Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Giai đoạn 2012 – 2014, tăng trưởng tín dụng bình quân của BIDV là 14,5%. Mục tiêu của BIDV giai đoạn này là kiểm soát và quản lý chất lượng tín dụng, chuyển dịch cơ cấu tín dụng, nền khách hàng. Tăng trưởng tín dụng (dư nợ cho vay tổ chức kinh tế, dân cư) tại 31/12/2014 tăng 18,9% so với thời điểm 31/12/2013.

Tăng trưởng tín dụng BIDV được kiểm soát chặt chẽ gắn với chất lượng tín dụng, tập trung ưu tiên vốn cho sản xuất và xuất khẩu, các công trình trọng điểm quốc gia, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao,... được kiểm soát theo đúng chỉ đạo kế hoạch tăng trưởng tín dụng của HĐQT BIDV và đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	220.539	56,4%	256.607	57,6%
Nợ trung hạn	51.615	13,2%	62.187	13,9%
Nợ dài hạn	118.880	30,4%	126.899	28,5%
Tổng	391.035	100%	445.693	100%

Nguồn: BIDV

Cơ cấu tín dụng

BIDV đang thực hiện chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tích cực, thông qua việc xây dựng nền khách hàng vững chắc, ưu tiên hướng vào thị trường mới là khối khách hàng cá nhân, DN-VN; thực hiện đa dạng hoá hơn nữa danh mục tín dụng theo ngành nghề, chú trọng vào các ngành có tiềm năng phát triển dài hạn, hạn chế cho vay những ngành có rủi ro cao, đồng thời tăng cường cho vay đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

BIDV xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

11: Dư nợ tín dụng theo loại hình doanh nghiệp giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cá nhân	58.828	15,0%	80.218	18,0%
Doanh nghiệp nhà nước	93.730	24,0%	88.510	19,9%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	7.041	1,8%	7.836	1,7%
DN ngoài nhà nước và các tổ chức khác	231.436	59,2%	269.129	60,4%
Tổng cộng	391.035	100,0%	445.693	100,0%

Nguồn: BIDV

Tỷ trọng cho vay khách hàng là doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng dần, từ 56,7% năm 2012 tới 60,4% năm 2014.

BIDV cũng thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu hướng tới hoạt động ngân hàng bán lẻ. Dư nợ tín dụng bán lẻ đã có mức tăng trưởng tốt từ năm 2011. Tỷ trọng cho vay đối với khách hàng cá nhân tăng từ 13% năm 2011 lên 18% năm 2014, và có xu hướng tiếp tục tăng dần trong các năm tiếp theo.

12: Dư nợ tín dụng theo ngành nghề giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2013		2014	
		Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	19.116	4,9%	24.249	5,4%
2	Khai khoáng	11.116	2,8%	13.352	3,0%
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	84.745	21,7%	85.084	19,1%
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	35.170	9,0%	32.156	7,2%
5	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác, nước thải	831	0,2%	1.109	0,2%
6	Xây dựng	56.268	14,4%	70.567	15,8%
7	Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	88.416	22,6%	103.097	23,1%
8	Vận tải kho bãi	10.644	2,7%	9.737	2,2%
9	Dịch vụ lưu trữ, ăn uống	11.948	3,1%	13.211	3,0%
10	Thông tin và truyền thông	637	0,2%	645	0,1%
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	698	0,2%	1.714	0,4%
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	27.888	7,1%	31.623	7,1%
13	Chuyên môn, khoa học và công nghệ	145	0,0%	110	0,0%
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	100	0,0%	97	0,0%

STT	Chỉ tiêu	2013		2014	
		Dư nợ	Tỷ trọng	Dư nợ	Tỷ trọng
15	Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	2.945	0,8%	4.467	1,0%
16	Giáo dục và đào tạo	225	0,1%	224	0,1%
17	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2.089	0,5%	2.664	0,6%
18	Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	1.503	0,4%	1.966	0,4%
19	Hoạt động làm thuê hộ gia đình	1	0,0%	0	0,0%
20	Hoạt động dịch vụ khác	36.550	9,3%	49.622	11,1%
Tổng		391.035	100%	445.693	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán các năm 2013, và 2014

Cơ cấu cho vay một số ngành nghề của BIDV tại thời điểm 31/12/2014: (i) Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô xe máy chiếm tỷ trọng 23,1%; (ii) Công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng 19,1%; (iii) Xây dựng chiếm tỷ trọng 15,8%; (iv) Kinh doanh BĐS chiếm tỷ trọng 7,1%; (v) Sản xuất và phân phối điện, khí đốt chiếm tỷ trọng 7,2%.

Chất lượng tín dụng

BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến, có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời có biện pháp, kế hoạch xử lý.

Mặc dù suy thoái kinh tế ảnh hưởng nhiều đến tình hình tài chính của khách hàng và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, song chất lượng tín dụng của BIDV luôn được kiểm soát tốt. Năm 2014, BIDV tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng theo thông lệ quốc tế với các biện pháp giảm nợ xấu được tăng cường một cách hiệu quả. Thời điểm 31/12/2014, tỷ lệ nợ xấu của dư nợ cho vay tổ chức kinh tế dân cư là 2,03%. Đặc biệt, 93,63% dư nợ cho vay tổ chức kinh tế, dân cư thuộc nhóm nợ đủ tiêu chuẩn, tỷ lệ nhóm nợ cần chú ý tiếp tục giảm dần về chỉ còn mức 4,34% vào cuối năm 2014.

13: Phân loại nợ giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	339.092	90,84%	417.287	93,63%
Nợ cần chú ý	25.338	6,79%	19.348	4,34%
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.946	1,06%	4.714	1,06%
Nợ nghi ngờ	684	0,18%	1.076	0,24%
Nợ có khả năng mất vốn	4.209	1,13%	3.267	0,73%
Tổng cộng	373.269	100%	445.692	100%
Tỷ lệ nợ xấu		2,37%		2,03%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán các năm 2013, và 2014

Từ thời điểm 01/06/2014, BIDV đã thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN (Thông tư 02). Theo đó nhóm nợ của khách hàng là nhóm nợ có rủi ro cao hơn khi thực hiện phân loại nợ theo Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02. Trong đó, Điều 10 của Thông tư 02 phân loại nợ theo phương pháp định lượng; Điều 11 của Thông tư 02 phân loại nợ theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để phân loại các khoản nợ đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép áp dụng.

Phương thức phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính kết hợp với định lượng tiệm cận với thông lệ quốc tế, góp phần đánh giá thực chất hơn chất lượng tín dụng, kiểm soát được nợ xấu, có biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời.

BIDV đang từng bước chuẩn bị các điều kiện để áp dụng Basel II vào năm 2015. Về khung quản lý rủi ro, BIDV đã ban hành quy định về khung quản lý rủi ro bao gồm: (i) xây dựng chiến lược quản lý rủi ro và hoàn thiện chính sách, quy trình quản lý rủi ro theo từng loại rủi ro; (ii) xác định khẩu vị rủi ro; (iii) tạo lập được cơ cấu tổ chức hướng dẫn theo thông lệ quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro. Mặt khác, BIDV đang tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, hoàn thiện công cụ quản lý chất lượng như hệ thống các công cụ đo lường rủi ro, hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS),...

14: Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2013	3.480	2.665	6.145
31/12/2014	3.484	3.139	6.623

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán các năm 2013, và 2014

Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng của BIDV được xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh của BIDV với mục tiêu kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu. Chính sách tín dụng được xây dựng theo đối tượng khách hàng như khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và định chế tài chính. Thêm vào đó, BIDV xây dựng những chính sách riêng dành cho đối tượng khách hàng đặc thù như các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, các khách hàng lớn, khách hàng chiến lược...

BIDV đã ban hành và thường xuyên bổ sung chỉnh sửa các cơ chế, quy trình, quy định tín dụng, sổ tay tín dụng để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Bên cạnh đó, với mục đích tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa ngân hàng với khách hàng, góp phần đẩy mạnh tăng trưởng gắn với hiệu quả trong hoạt động tín dụng, BIDV đã hoàn thiện, cập nhật đầy đủ hệ thống các văn bản, chính sách quy định cụ thể tiếp thị khách hàng, cấp tín dụng, lãi suất, bảo đảm tiền vay, dịch vụ, phí dịch vụ, tiền gửi.

Tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động tín dụng dành cho doanh nghiệp luôn được coi là hoạt động trọng tâm của BIDV. Trong giai đoạn từ 2006 đến nay, nền khách hàng doanh nghiệp ngày càng được mở rộng. Đến thời điểm 31/12/2014, tổng số lượng khách hàng doanh nghiệp đang có dư nợ tại BIDV là 13.332 khách hàng với mức dư nợ là 365.475 tỷ đồng. BIDV chủ trương gia tăng quan hệ với các doanh nghiệp vừa và nhỏ có tình hình hoạt động kinh doanh tốt, khẳng định vai trò là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tín dụng bán lẻ

Trong giai đoạn 2006 - 2014, BIDV thuộc nhóm 5 ngân hàng thương mại có dư nợ tín dụng bán lẻ lớn nhất trong hệ thống ngân hàng. Quy mô dư nợ tín dụng bán lẻ tăng mạnh từ 17.339 tỷ đồng năm 2007 lên đến 80.218 tỷ đồng năm 2014, như vậy sau 7 năm dư nợ tín dụng cá nhân đã tăng gấp gần 4,6 lần.

Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng và là thế mạnh của BIDV. Trong năm 2014, BIDV tiếp tục khẳng định ưu thế và vị trí dẫn đầu thị trường trong hoạt động này với số dư bảo lãnh đạt 67.996 tỷ đồng. Bên cạnh các sản phẩm bảo lãnh trong nước gắn liền với thương hiệu của BIDV trong lĩnh vực xây dựng, BIDV tích cực phát triển các loại hình bảo lãnh quốc tế, các loại hình bảo lãnh mới với hàm lượng công nghệ cao như bảo lãnh thanh toán thuế xuất nhập khẩu online (BIDV là 1 trong 2 ngân hàng đầu tiên triển khai dịch vụ này).

Trong năm 2014, hoạt động bảo lãnh mang lại nguồn thu 1.089 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, thực hiện hợp đồng và bảo lãnh thanh toán.

15: Kết quả hoạt động bảo lãnh giai đoạn 2012 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Số dư bảo lãnh	45.514	53.684	68.438
Thu từ hoạt động bảo lãnh	786,7	894,5	1.089

Nguồn: BIDV

7.1.3. Hoạt động dịch vụ


Bên cạnh hai hoạt động chính là huy động vốn và tín dụng, BIDV luôn chú trọng đầu tư và phát triển hoạt động dịch vụ, thu dịch vụ ròng giai đoạn 2012 – 2014 của BIDV tăng trưởng bình quân 16%/năm, liên tục nhiều năm giữ vị trí dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam về thu dịch vụ ròng. Tỷ lệ thu dịch vụ ròng/Tổng thu nhập hoạt động giai đoạn 2012 – 2014 duy trì ổn định ở mức 8%. Năm 2014, trong điều kiện chịu nhiều tác động bất lợi do các khó khăn, thách thức của tình hình kinh tế vĩ mô, song BIDV đã chủ động lường đón và khai thác được các tín hiệu tích cực của môi trường kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ bán lẻ. Kết quả hoạt động dịch vụ của BIDV trong năm 2014 có sự tăng trưởng tích cực so với năm trước (tăng trưởng 15%).

16: Thu nhập hoạt động dịch vụ giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
Thu từ hoạt động thanh toán	943	1.127
Thu từ hoạt động ngân quỹ	32	27
Thu từ hoạt động đại lý ủy thác	111	140
Thu từ hoạt động bảo hiểm và thu dịch vụ khác	1.335	1.687
Tổng thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.314	2.981
Chi phí hoạt động dịch vụ	(853)	(1.178)
Thu dịch vụ ròng	1.567	1.803

Nguồn: BIDV

 **Hoạt động thanh toán**

Dịch vụ thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế) là dòng sản phẩm đóng góp đứng thứ 2 trong tổng thu dịch vụ BIDV năm 2014 với hơn 1.126 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19% tổng thu nhập hoạt động dịch vụ.

○ **Dịch vụ Thanh toán trong nước**

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia tất cả các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), thanh toán bù trừ, BIDV còn chủ động xây dựng chương trình kết nối thanh toán song phương với 5 đối tác và kết nối

thanh toán đa phương với 21 đối tác là các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính. Hơn thế, BIDV là ngân hàng chỉ định thanh toán cho thị trường chứng khoán Việt Nam và cũng là ngân hàng quyết toán bù trừ duy nhất cho các giao dịch nội địa thẻ Master tại Việt Nam. Để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, BIDV đã triển khai các kênh giao dịch hiện đại như Internetbanking và Mobile banking.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, BIDV ngày càng khẳng định thương hiệu của mình trong việc đón đầu xu thế cung cấp dịch vụ Nộp thuế điện tử, thanh toán hóa đơn Online, Thu chi hộ điện tử, Quản lý doanh thu ưu việt. Các sản phẩm dịch vụ này không chỉ được khách hàng đánh giá cao mà còn được các Tổ chức uy tín trong và ngoài nước công nhận danh hiệu như: (i) Top 10 Sản phẩm Vàng với sản phẩm Thu chi hộ điện tử 02 năm liên tiếp (2012, 2013) và danh hiệu Nhân tài đất Việt năm 2012 cho hệ thống công nghệ BIDV@Securities dành cho các Công ty chứng khoán; (ii) Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ quản lý tiền tệ tốt nhất” (Best overall domestic cash management services) và “Ngân hàng cung cấp dịch vụ quản lý tiền tệ xuyên biên giới tốt nhất” (Best overall cross-border cash management services) do Tạp chí Asiamoney tổ chức năm 2012, 2013; (iii) Giải thưởng “Ngân hàng Quản lý tiền mặt của năm” (Vietnam domestic Cash Management Bank of the Year) do tạp chí Asian Banking and Finance bình chọn năm 2013, 2014; (iv) Giải thưởng “Ngân hàng Quản lý tiền tệ tốt nhất” (Vietnam Best domestic Cash Management Bank) do Tạp chí The Asian Banker bình chọn năm 2014; (v) Giải thưởng “Đột phá trong cải cách thủ tục hành chính” cho dịch vụ Nộp thuế điện tử của Tin và Dùmng Việt Nam 2014 do Thời báo kinh tế Việt nam tổ chức.

o Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài trợ thương mại, là 1 trong 3 ngân hàng có hoạt động tài trợ thương mại lớn nhất tại Việt Nam. BIDV cung cấp đầy đủ các sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại truyền thống, đồng thời không ngừng phát triển các sản phẩm mới, chú trọng tăng tính tiện ích, giảm thiểu hồ sơ thủ tục và thời gian xử lý, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của Khách hàng. Với mạng lưới hơn 1.600 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với gần 50 ngân hàng trên toàn thế giới và nền tảng công nghệ hiện đại đã mang lại khả năng thanh toán an toàn, chính xác và nhanh chóng.

17: Kết quả hoạt động thanh toán giai đoạn 2013 - 2014

Chỉ tiêu	2013	2014
Thu từ dịch vụ thanh toán (triệu đồng)	942.581	1.126.722
Thanh toán trong nước		
Số lượng giao dịch (triệu)	11,7	14,9
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	5.843	8.886
Thanh toán quốc tế và TTTM		
Doanh số thanh toán XNK (tỷ USD)	10,6	13

Nguồn: BIDV

Hoạt động kinh doanh thẻ

Với mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt nam, BIDV đã và phát triển các dịch vụ ngân hàng bán lẻ, trong đó chú trọng đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ thẻ. Các sản phẩm dịch vụ thẻ đã được phát triển mạnh mẽ và đa dạng trong những năm qua.

Về sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa, BIDV hiện phát hành ba nhãn hiệu thẻ BIDV Etrans, BIDV Harmony và BIDV Moving. Bên cạnh đó là hàng loạt các sản phẩm thẻ sinh viên, thẻ liên kết, thẻ đồng thương hiệu với các nhà phân phối bán lẻ có uy tín và thương hiệu mạnh trong các lĩnh vực siêu thị, tiêu dùng như BIDV-Lingo, BIDV-CoopMart, BIDV-Maximark, BIDV-Hiway... Bên cạnh các tính năng tiện ích cơ bản, sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa của BIDV còn mang lại cho khách hàng nhiều dịch vụ giá trị gia tăng như nạp tiền điện thoại, thanh toán vé máy bay, phí bảo hiểm, thanh toán hóa đơn tiền điện, thanh toán cước phí điện thoại... qua ATM và thanh toán trực tuyến. Nguồn khách hàng của BIDV tương đối ổn định và tăng trưởng đều qua các năm, với tốc độ bình quân 30%/năm. Đến hết năm 2014, số lượng thẻ ghi nợ do BIDV đã phát hành đạt 7.149.299 thẻ, đứng thứ 5 trong số các NHTM tại Việt Nam. Khách hàng là chủ thẻ ghi nợ nội địa BIDV có thể thực hiện giao dịch tại 15.003 ATM và 14.344 POS của các ngân hàng trên toàn quốc.

Về sản phẩm thẻ tín dụng, BIDV đã triển khai dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế VISA với các nhãn hiệu thẻ BIDV Precious (Visa Gold) và BIDV Flexi (Visa Classic) và BIDV Platinum. Trong năm 2013 BIDV chính thức ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế Master Card Platinum, và nhanh chóng tiếp tục phát triển mới sản phẩm thẻ tín dụng BIDV Viettravel hạng Platinum trong năm 2014. Mặc dù ra mắt thị trường sau một số ngân hàng khác, song sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế BIDV với lợi thế cạnh tranh về tính năng sản phẩm đa dạng phong phú, chất lượng dịch vụ ổn định, và chính sách chăm sóc khách hàng, đã nhanh chóng thâm nhập và có chỗ đứng vững trên thị trường. Đến hết năm 2014, BIDV đã phát hành 105.331 thẻ tín dụng (đứng thứ 6 toàn ngành).

Về sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế, đây là sản phẩm mới được BIDV triển khai từ tháng 4/2013 nhưng đã nhanh chóng trở thành sản phẩm được yêu thích trên thị trường với 169.671 thẻ phát hành tính đến hết năm 2014. Đặc biệt sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế đồng thương hiệu với Câu lạc bộ bóng đá Manchester United (Anh quốc) với nhãn hiệu thẻ BIDV-ManU đứng đầu Top 100 sản phẩm Tin và Dừng do Thời báo Kinh tế Việt Nam - Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dừng trao tặng năm 2013.

Về dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ: Mạng lưới ATM và POS của BIDV từ năm 2009 đến nay liên tục được mở rộng và phủ khắp 63 tỉnh thành của cả nước. Đến hết năm 2014, BIDV đã có 1.503 ATM đứng thứ 4 thị trường và 14.344 POS đứng thứ 3 thị trường. Ngoài việc chấp nhận các nhãn hiệu thẻ do BIDV phát hành, hệ thống ATM và POS của BIDV còn chấp nhận thanh toán thẻ mang nhãn hiệu của các Tổ chức thẻ quốc tế Visa, MasterCard, JCB và UnionPay. Trong các năm tới, BIDV có chiến lược tiếp tục mở rộng mạng lưới ATM/POS của mình nhằm phục vụ tối đa nhu cầu sử dụng thẻ của khách hàng với chất lượng và dịch vụ tốt nhất, qua đó tối đa hóa lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thẻ.


Trong năm 2014, vị thế và uy tín trong lĩnh vực kinh doanh thẻ của BIDV đã được khẳng định và nâng cao nằm trong Top các ngân hàng dẫn đầu thị trường tại Việt Nam. BIDV liên tiếp

nhận 04 giải thưởng từ các Tổ chức thẻ uy tín quốc tế VISA và MasterCard, bao gồm các giải thưởng Top 3 Ngân hàng có doanh số chấp nhận thanh toán thẻ VISA qua POS cao nhất năm 2014, Ngân hàng có sản phẩm ấn tượng nhất trong năm dành cho sản phẩm thẻ ghi nợ quốc tế BIDV-Manchester United, Top 3 ngân hàng có doanh số sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế MasterCard cao nhất, Top 3 ngân hàng có doanh số chấp nhận thanh toán thẻ MasterCard qua POS cao nhất 2013-14.

18: Hoạt động kinh doanh thẻ giai đoạn 2013 – 2014

Chỉ tiêu	2013	2014
Số lượng thẻ ghi nợ nội địa	5.836.375	7.149.299
Số lượng thẻ ghi nợ quốc tế	47.027	169.671
Số lượng thẻ tín dụng quốc tế	70.365	105.331
POS	9.170	14.344
Số máy ATM	1.495	1.503

Nguồn: BIDV

 **Hoạt động ngân hàng đại lý và dự án Tài chính nông thôn**

Hoạt động Ngân hàng đại lý

BIDV là ngân hàng thương mại đã có uy tín, nhiều kinh nghiệm, chuyên nghiệp trong quản lý, giải ngân các nguồn vốn ODA với phần lớn hoạt động này được triển khai tại Sở Giao dịch III. Trong thời gian qua, BIDV đã được 15 nhà tài trợ quốc tế và các Bộ/ Ngành tin tưởng giao là cơ quan cho vay lại gần 160 chương trình/dự án với tổng dư nợ cho vay ủy thác (nguồn vốn mà BIDV không phải chịu rủi ro tín dụng) tính đến hết năm 2014 do Sở Giao dịch III quản lý là 44,81 nghìn tỷ đồng, trong đó số vốn do Sở Giao dịch III trực tiếp cho vay lại là 25,07 nghìn tỷ đồng và cho vay qua chi nhánh là 19,74 nghìn tỷ đồng. Phí đại lý ủy thác từ hoạt động ngân hàng đại lý do Sở Giao dịch III quản lý bình quân trong năm 2013 và năm 2014 đạt khoảng 53,68 tỷ đồng/năm. Trong đó, năm 2014 phí đại lý ủy thác Sở giao dịch 3 đã thu được đạt mức 58,92 tỷ đồng.

Dự án Tài chính nông thôn

BIDV tiếp nhận nguồn vốn trong khuôn khổ Dự án Tài chính Nông thôn từ Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính. Các nguồn vốn này sau đó được giải ngân đến các định chế tài chính, từ đó cho vay đến các hộ gia đình, doanh nghiệp nhằm mục đích phát triển các cộng đồng nông thôn và xóa đói giảm nghèo. Trên báo cáo tài chính đã kiểm toán, các khoản vay này thuộc phần Cho vay các ngân hàng khác.

BIDV chịu trách nhiệm thực hiện Dự án, trong đó bao gồm quản lý tài chính các Dự án Tài chính Nông thôn I, II và III. Các công việc gồm có quản lý nguồn vốn, đánh giá và lựa chọn các định chế tham gia dự án (các PFI), cấp hạn mức tín dụng cho các PFI, giải ngân và thu hồi nợ, giám sát, nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và đúng mục đích, kiểm tra tác động của các tiểu dự án đối với môi trường, quản lý và đánh giá tiến độ thực hiện dự án. BIDV chịu rủi ro tín dụng ở cấp độ của các PFI.

Trong suốt quá trình thực hiện dự án, BIDV chịu sự giám sát chặt chẽ của WB và các cơ quan quản lý nguồn vốn ODA của Chính phủ. Theo như đánh giá của WB, BIDV đã thực hiện rất tốt vai trò quản lý Dự án Tài chính Nông thôn, thực hiện đánh giá rủi ro tín dụng của các PFI với tính chuyên nghiệp cao, nỗ lực để đảm bảo các dự án mà PFI cấp vốn đều phù hợp với các mục tiêu của dự án, đồng thời BIDV đã đáp ứng tất cả các chỉ tiêu giải ngân và quản lý dự án tuân thủ với các hướng dẫn và yêu cầu của WB. Tất cả các báo cáo kiểm toán liên quan đến dự án đều không có điểm ngoại trừ và hệ thống quản lý tài chính đều được đánh giá là ổn định vững chắc.

19: Tình hình quản lý các Dự án Tài chính Nông thôn BIDV giai đoạn 2013 – 2014

Chỉ tiêu	2013	2014
Tổng số các PFI đã được lựa chọn cho 03 dự án Tài chính Nông thôn I, II, III (đơn vị)	36	34
Tổng hạn mức tín dụng đã cấp cho 03 dự án Tài chính Nông thôn I, II, III (tỷ đồng)	7.632	7.763,6
Tổng thu lãi (tỷ đồng)	502	470,9

Nguồn: BIDV

Vào thời điểm cuối năm 2014, dư nợ cho vay nguồn vốn các Dự án TCNT I, II và III đạt 7.742 tỷ đồng, thu lãi đạt 470,9 tỷ đồng.


 Dịch vụ tư vấn thu xếp và phát hành trái phiếu

Nắm bắt xu hướng phát triển của thị trường vốn quốc tế và đón đầu nhu cầu của thị trường vốn trong nước, năm 2007, BIDV là một trong những tổ chức tiên phong trong việc nghiên cứu, tạo lập và cung cấp dịch vụ tư vấn và phát hành trái phiếu cho doanh nghiệp trong nước. Với mạng lưới rộng khắp, nền khách hàng lớn, kinh nghiệm và uy tín trên lĩnh vực tài trợ vốn trung và dài hạn, sau hơn 7 năm phát triển, hiện BIDV đã trở thành một trong những nhà tư vấn thu xếp phát hành trái phiếu doanh nghiệp lớn và chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của thị trường trái phiếu trong nước. Tính đến hết năm 2014, BIDV đã tư vấn phát hành thành công hàng chục giao dịch cho khách hàng là các doanh nghiệp hàng đầu trong nhiều lĩnh vực, có thể kể đến như Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Tổng công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (Vinaconex), Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai,....

7.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại tệ và phái sinh của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, và đạt được các thành tích như: 5 lần nhận giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất trong các năm 2007, 2008 2009, 2012, 2013, 2014 do các Định chế Tài chính và Doanh nghiệp bình chọn; 3 lần liên tiếp nhận giải thưởng Ngân hàng của Năm Việt Nam về quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh trong các năm 2012, 2013 và 2014 do tạp chí AsiaRisk trao tặng; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007; Giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt

động phái sinh lãi suất tốt nhất, Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất, Ngân hàng nội địa có hoạt động nghiên cứu và phân tích ngoại hối tốt nhất năm 2013, 2014 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

 Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp dịch vụ mua bán ngoại tệ đối với trên 100 loại tiền tệ khác nhau thông qua các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, khách hàng cá nhân,...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi bằng ngoại tệ...; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV.

Giai đoạn 2009-2014, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ liên tục tăng trưởng với mức tăng bình quân 23,5%/năm. Năm 2014, BIDV đã thu được khoản lợi nhuận 265,19 tỷ đồng từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng trong bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn.

20: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2013 –2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
Thu nhập từ hoạt động KD ngoại hối	1.711,1	1.754,93
Chi phí hoạt động KD ngoại hối	(1.548,8)	(1.489,74)
Lãi thuần từ hoạt động KD ngoại hối	162,3	265,19

Nguồn: BIDV

 Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai hơn 20 sản phẩm phái sinh khác nhau trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, đầu tư cơ cấu, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, phái sinh hàng hóa OTC... Tổng doanh số giao dịch phái sinh tài chính lũy kế đạt xấp xỉ 2 tỷ USD kể từ năm 2007 đến hết năm 2014, tương đương với 42.800 tỷ đồng. Về hoạt động phái sinh hàng hóa, BIDV là một trong những ngân hàng có thị phần phái sinh hàng hóa lớn nhất trên thị trường, có quan hệ đối tác và phát sinh giao dịch thực tế với hầu hết các định chế tài chính trên thị trường, là cầu nối giúp thị trường hoạt động thông suốt và ổn định.

Với những thành tích vượt trội trong 3 năm liên tiếp (năm 2012 và 2013, 2014), BIDV vinh dự nhận giải thưởng “Ngân hàng của năm- “House of the year” do Asia Risk trao tặng. Đây là giải thưởng thường niên trao cho các tổ chức, định chế tài chính xuất sắc nhất tại

các quốc gia trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương trong lĩnh vực quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh.

Năm 2013, BIDV cũng vinh dự nhận giải thưởng dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt động phái sinh lãi suất tốt nhất và Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất thị trường do các Định chế Tài chính và khách hàng bầu chọn trên Tạp chí Asia Money.

7.1.5. Hoạt động góp vốn và đầu tư chứng khoán

Hoạt động góp vốn

Hoạt động đầu tư góp vốn của BIDV chủ yếu là tập trung trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Bắt đầu thực hiện từ những năm 1990 qua việc tham gia mua cổ phần của một số NHTMCP, sau đó là góp vốn liên doanh thành lập VID Public Bank, LVB, Bảo hiểm Việt Úc và thành lập các công ty trực thuộc Leasing 1,2, BSC, BAMC. BIDV hiện đang góp vốn vào 06 công ty con (trong đó, 03 công ty con BIDV nắm giữ 100% vốn, 01 công ty con BIDV nắm trên 80% vốn, 01 công ty con BIDV nắm giữ dưới 80% vốn, 01 công ty BIDV nắm giữ gián tiếp qua công ty con là BIC) và 06 công ty liên doanh, 01 công ty liên kết.

Bên cạnh đó, đối với các khoản đầu tư khác, giai đoạn 2005 – 2008 BIDV thực hiện chủ yếu đầu tư dài hạn, thông qua việc góp vốn thành lập công ty với tư cách là cổ đông sáng lập để triển khai các dự án trong lĩnh vực năng lượng, viễn thông, hàng không, tài nguyên - khoáng sản..., tham gia là cổ đông chiến lược, mua cổ phần tại các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa để gia tăng hiệu quả hoạt động của BIDV. Hiện tại, BIDV đang tập trung thoái vốn đối với doanh mục đầu tư tài chính.

21: Tổng hợp danh mục đầu tư góp vốn dài hạn giai đoạn 2013 –2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
Công ty trực thuộc	1.783	1.783
Đơn vị liên doanh	3.286	3.784
Đơn vị liên kết	516	516
Đầu tư dài hạn khác	591	483

Nguồn: BIDV

Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn vào các công ty con, liên doanh, dự án và các doanh nghiệp khác, phần lớn danh mục đầu tư của BIDV tập trung vào đầu tư chứng khoán trong đó chủ yếu là các công cụ nợ có lãi suất cố định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Kho bạc Nhà nước, trái phiếu Chính quyền địa phương... Danh mục chứng khoán bao gồm chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn được Ngân hàng mua và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Tại thời điểm 31/12/2014, số dư chứng khoán kinh doanh là 8.461 tỷ đồng (chưa bao gồm dự phòng giảm giá).

22: Tổng hợp chứng khoán kinh doanh của BIDV giai đoạn 2013 –2014

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2013	2014
1	Chứng khoán Nợ	1.411	8.228
	Chứng khoán Nợ Chính phủ	1.411	8.228
2	Chứng khoán Vốn	179	233
	Do các tổ chức tín dụng khác phát hành	3	1
	Do các Tổ chức kinh tế trong nước phát hành	176	232
3	Tổng	1.590	8461
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(32)	(30)
	Tổng cộng	1.558	8431

Nguồn: BIDV

Chứng khoán đầu tư được phân thành chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn dựa theo mục đích nắm giữ chứng khoán. Đến 31/12/2014, số dư chứng khoán đầu tư đạt 91.817 tỷ đồng, tăng gần 35% so với thời điểm 31/12/2013, trong đó số dư chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và số dư chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn lần lượt là 73.993 tỷ đồng và 19.528 tỷ đồng. Trong danh mục chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán, chứng khoán nợ Chính phủ chiếm tỷ trọng lớn nhất, cụ thể chiếm 82,8%. Đầu tư vào chứng khoán, đặc biệt là trái phiếu Chính phủ là biện pháp quan trọng để BIDV quản lý cơ cấu Tài sản Có theo hướng nâng cao khả năng sinh lời, giảm thiểu rủi ro, tạo nguồn thanh khoản khi cần thiết.

23: Tổng hợp chứng khoán đầu tư của BIDV giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	56.842	73.993
Chứng khoán Nợ (mệnh giá)	55.732	73.008
<i>Chứng khoán Nợ - Chính phủ</i>	<i>43.842</i>	<i>61.256</i>
<i>Chứng khoán Nợ - Tổ chức tín dụng</i>	<i>3.572</i>	<i>4.367</i>
<i>Chứng khoán Nợ - Tổ chức kinh tế</i>	<i>8.318</i>	<i>7.386</i>
Chứng khoán Vốn (ghi nhận theo giá gốc)	1.110	985
<i>Đầu tư vào các tổ chức tín dụng</i>	<i>141</i>	<i>204</i>
<i>Đầu tư vào tổ chức kinh tế khác</i>	<i>969</i>	<i>781</i>

Chỉ tiêu	2013	2014
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(335)	(470)
Dự phòng rủi ro chứng khoán nợ sẵn sàng để bán		(105)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.565	19.528
Chứng khoán Chính phủ	1.371	1.371
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	10.194	18.157
Dự phòng giảm giá CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	(1.129)
Tổng cộng	68.072	91.817

Nguồn: BIDV

7.1.6. Hoạt động kinh doanh chứng khoán

Hoạt động kinh doanh chứng khoán của BIDV được thực hiện thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BSC.

Năm 1999, khi thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong quá trình chuẩn bị hình thành, BIDV đã thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) - một trong hai công ty đầu tiên tại Việt Nam tham với mức vốn Điều lệ ban đầu là 55 tỷ đồng, hoạt động với đầy đủ các nghiệp vụ của công ty chứng khoán gồm: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Sát cánh cùng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở giao dịch chứng khoán, BSC đã góp những viên gạch đầu tiên xây dựng nền móng hệ thống quy trình, sản phẩm của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong 5 năm đầu tiên, khi thị trường chứng khoán chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo công chúng, các hoạt động chủ yếu diễn ra ở thị trường sơ cấp thì BSC là một trong những đơn vị tiên phong thực hiện thành công tư vấn cổ phần hóa và tư vấn phát hành, niêm yết cho các doanh nghiệp đầu tiên của thị trường như Công ty CP Sữa Việt Nam Vinamilk (VNM), Công ty Cổ phần đầu tư công nghệ (FPT)... cho đến nay đây vẫn là những mã chứng khoán có thị giá cao và đóng vai trò dẫn dắt trên thị trường.

Trải qua quá trình hoạt động, để đáp ứng yêu cầu theo quy định của UBCKNN và sự phát triển của công ty, từ năm 2003 đến 2007, BSC đã thực hiện tăng vốn 4 lần, từ 55 tỷ lên 700 tỷ đồng. Năm 2010, BSC đã thực hiện cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần từ 01/01/2011 với vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, trong đó BIDV sở hữu 88,12% vốn điều lệ.

Sau thời kỳ phát triển bùng nổ những năm 2006-2007, thị trường chứng khoán Việt Nam do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu lao dốc. Những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam (lãi suất tăng, lạm phát vẫn ở mức cao, thị trường bất động sản đóng băng...) đã ảnh hưởng nặng nề đến thị trường chứng khoán và hoạt động của các công ty chứng khoán. Đây cũng là giai đoạn chứng kiến sự ra đời của hàng loạt công ty chứng khoán, tạo ra cuộc chiến giành thị phần khốc liệt, khiến cho hoạt động kinh doanh của BSC gặp nhiều khó khăn. Trong

bối cảnh đó, BSC vẫn kiên định mục tiêu kinh doanh an toàn, tập trung đầu tư vào con người và công nghệ để xây dựng, phát triển các sản phẩm chất lượng phục vụ khách hàng. Nhờ vậy BSC đã tránh được những hệ lụy phát triển nóng của thị trường mà hệ quả là nhiều công ty chứng khoán bị mất kiểm soát, thu hẹp hoạt động hoặc phá sản.

Sau giai đoạn khó khăn, kể từ năm 2012 đến nay, nhờ những diễn biến tích cực hơn từ thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như sự nỗ lực từ tập thể cán bộ nhân viên, hoạt động kinh doanh của BSC đã khởi sắc và đạt được một số kết quả khả quan. Doanh thu môi giới chứng khoán năm 2014 đạt 113,9 tỷ đồng, tăng 113% so với năm 2013 và LNTT đạt 75,4 tỷ đồng, gấp 5 lần so với năm 2013. Thị phần môi giới liên tục tăng qua các năm, từ mức 1,8% năm 2011 lên 2,2% năm 2012, 3,1% năm 2013 và tiếp tục tăng lên mức 3,5% trong năm 2014, giúp BSC nằm trong Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và dẫn đầu về thị phần môi giới Trái phiếu trên thị trường.

Đến hết Quý I/2015, dù thị trường chứng khoán tương đối trầm lắng nhưng BSC vẫn tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng với việc lọt vào Top 5 có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với thị phần nắm giữ 5,2% và Top 9 thị phần môi giới tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với thị phần 4,1%. Tổng doanh thu kinh doanh chứng khoán Quý I/2015 đạt 77,7 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2014. Lợi nhuận sau thuế Quý I/2015 đạt 7,2 tỷ đồng.

Bên cạnh các số liệu tăng trưởng ấn tượng trên, uy tín và thương hiệu của BSC trên thị trường chứng khoán cũng ngày càng được nâng cao. Trên thị trường sơ cấp, BSC hiện là nhà tư vấn tài chính, thu xếp vốn, nhà môi giới tin cậy cho nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn của Việt Nam như Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex), Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Vietnam Airlines... Trên thị trường thứ cấp, BSC tham gia tạo lập thị trường bằng những giao dịch tự doanh và môi giới trái phiếu điển hình cho các tổ chức tín dụng, các ngân hàng, công ty bảo hiểm có quy mô lớn. Đây là những kết quả hết sức tích cực, thể hiện những bước tiến ổn định, vững chắc của BSC trong thời gian qua.

24: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BSC giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2013	2014
Vốn điều lệ	865	865
Tổng tài sản	1.541,8	1.842,5
Doanh thu kinh doanh chứng khoán	218,5	530,7
Lợi nhuận trước thuế	15,1	75,4

Nguồn: BSC

7.1.7. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm của BIDV được thực hiện thông qua Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – BIC.

Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIC) được chính thức đổi tên và đi vào hoạt động từ năm 2006 trên cơ sở BIDV mua lại toàn bộ phần vốn góp của QBE tại Công ty Liên doanh bảo hiểm Việt Úc (được thành lập năm 1999).

Năm 2010, BIC đã thực hiện cổ phần hóa thành công và chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ 01/10/2010, đổi tên thành Tổng công ty CP Bảo hiểm BIDV với vốn điều lệ là 693 tỷ đồng (trong đó BIDV sở hữu 78,38%).

Kể từ khi đi vào hoạt động từ năm 2006 đến nay, hoạt động của BIC liên tục tăng trưởng ấn tượng với mức tăng doanh thu giai đoạn 2006 – 2009 là 37% và giai đoạn 2010 – 2014 là 17% luôn cao hơn mức tăng trưởng bình quân của thị trường và duy trì vị trí thứ 7/29 công ty bảo hiểm phi nhân thọ từ năm 2011 đến nay; tỷ lệ bồi thường luôn nằm trong top các doanh nghiệp thấp nhất thị trường; luôn có lãi với tỷ suất ROE trong 2 – 3 năm qua luôn $\approx 11\%$.

Năm 2014, doanh thu phí bảo hiểm đạt 1.116 tỷ đồng tăng 25% so với năm 2013, tỷ lệ bồi thường được kiểm soát ở mức 37,8%, LNTT đạt 138 tỷ đồng, tăng 9,5% so với năm 2013. Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc của BIC đến 31/03/2015 đạt 284 tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ năm trước và bằng 28,6% doanh thu phí năm 2014, cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ; tỷ lệ bồi thường đã dần được kiểm soát, đến 31/03/2014 tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại là 34,8%, nằm trong giới hạn 40% và thấp hơn tỷ lệ bồi thường chung toàn thị trường, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đến 31/03/2015 đạt 35,4 tỷ đồng. Chiến lược tập trung phát triển kênh bán lẻ (kênh Bancassurance và Bảo hiểm trực tuyến) đã đạt được những thành công nhất định với sự tăng trưởng nhanh về doanh thu, thị phần, số lượng khách hàng và góp phần phát triển thương hiệu BIC là một trong những doanh nghiệp có thể mạnh về sản phẩm Bancassurance.

Về mạng lưới hoạt động: Đến nay, BIC đã có 25 Công ty thành viên và 114 Phòng Kinh doanh khu vực, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu bao phủ trên phạm vi cả nước. Không chỉ dừng ở đó, BIC đã phát triển mạng lưới kinh doanh bảo hiểm trên toàn khu vực Đông Dương thông qua việc thành lập Công ty Liên doanh bảo hiểm Lào - Việt (LVI) vào tháng 6/2008 trong đó BIC sở hữu 51% và được BIDV giao quản lý hoạt động Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI) từ tháng 9/2009. Hiện tỷ lệ sở hữu của BIC tại LVI đã lên đến 65%.

25: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BIC giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
Vốn điều lệ	660	762
Tổng tài sản	1.756	2.386
Tổng DT phí, trong đó:	895	1.116
<i>Doanh thu phí Bảo hiểm gốc</i>	792	991
<i>Doanh thu tái Bảo hiểm</i>	103	125
Tỷ lệ bồi thường (%)	39,4%	37,8%
Lợi nhuận trước thuế	113	138
Thị phần bảo hiểm gốc (%)	3,22%	3,6%

Nguồn: BIC

7.1.8. Hoạt động cho thuê tài chính

Hoạt động cho thuê tài chính của BIDV được thực hiện thông qua Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BLC.

Năm 1998, với mục tiêu tạo thêm kênh tài trợ vốn trung, dài hạn cho doanh nghiệp, đặc biệt là với các Doanh nghiệp vừa và nhỏ không có nhiều nguồn lực; đồng thời cũng là một kênh cung cấp các sản phẩm tài chính bổ sung cho hoạt động tín dụng, BIDV đã thành lập Công ty CTTC BIDV với mức VDL ban đầu là 55 tỷ đồng có trụ sở chính tại Hà nội. Công ty CTTC cũng là công ty trực thuộc đầu tiên của BIDV và là một trong hai công ty cho thuê tài chính đầu tiên hoạt động trên thị trường công ty tài chính của Việt Nam lúc đó.

Với những kết quả đạt được khả quan của Công ty CTTC BIDV và tiềm năng kinh doanh tại địa bàn Hồ Chí Minh, BIDV đã quyết định nâng cấp chi nhánh cũ ở Hồ Chí Minh với mức Vốn Điều lệ 150 tỷ đồng để phục vụ nhu cầu thuê tài chính của khách hàng tại Hồ Chí Minh – địa bàn có hoạt động kinh tế năng động với

Năm 2010, thực hiện chủ trương chung của Chính phủ về việc tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản lý, BIDV đã sáp nhập Công ty Cho thuê Tài chính 2 BIDV tại Thành phố Hồ Chí Minh vào Công ty Cho thuê Tài chính BIDV và đưa Công ty CTTC TNHH MTV BIDV chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11/2011 với Vốn Điều lệ 447,8 tỷ đồng, đặt trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh với 02 Chi nhánh tại Hà nội và Đà Nẵng.

Giai đoạn 2010 – nay, Công ty tập trung vào việc sáp nhập, ổn định mô hình tổ chức và cơ cấu lại hoạt động sau sáp nhập để cải thiện chất lượng, nâng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính với mục tiêu phát triển bền vững và hoạt động mang lại hiệu quả. Năm 2014, sau 1 năm triển khai tái cơ cấu, hoạt động của Công ty có nhiều cải thiện, chấm dứt tình trạng lỗ, tỷ lệ nợ xấu giảm so với năm 2013 và xấp xỉ mức kế hoạch đề ra.

26: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BLC giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2013	2014
Vốn điều lệ	447,8	447,8
Tổng tài sản	2.565	2.602
Dư nợ cho thuê	2.135	2.100
Lợi nhuận trước thuế	26,4	35,6

Nguồn: BLC

7.1.9. Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản

Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản của BIDV được thực hiện thông qua Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BAMC.

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BAMC) được thành lập vào năm 2001 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 20/02/2002 với mức vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng nhằm thực hiện xử lý nợ tồn đọng của BIDV theo quyết định của TTCP năm 2001 và là một trong những bước đi của BIDV nhằm thực hiện Đề án cơ cấu lại ngân hàng.

Trong quá trình hoạt động, BAMC đã tiếp nhận và thu hồi nợ chủ yếu là các khoản nợ tồn đọng phát sinh trước năm 2001 của BIDV. Công ty đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, hỗ trợ hiệu quả BIDV trong quá trình xử lý nợ tồn đọng đồng thời có kết quả kinh doanh đảm bảo có lãi. Năm 2009, đánh giá hoạt động của BAMC đã hoàn thành nhiệm vụ hỗ trợ BIDV thu hồi các khoản nợ trước năm 2000, BIDV đã thực hiện cơ cấu lại hoạt động BAMC theo hướng duy trì pháp nhân, đồng thời thu gọn mô hình hoạt động, nhân sự. Với những kết quả đạt được sau 7 năm ra đời, BAMC đã góp phần không nhỏ trong việc làm lành mạnh hóa cơ cấu nợ và tăng năng lực tài chính của BIDV. Hiện tại, BAMC đang trong quá trình nghiên cứu xây dựng phương án kinh doanh với các nghiệp vụ mới để triển khai hoạt động lại vào thời điểm thích hợp.

27: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BAMC giai đoạn 2013 – 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
Tổng tài sản	33,9	33,5
Lợi nhuận trước thuế	3,1	2,2

Nguồn: BAMC

7.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

7.2.1. Tổng quan

BIDV phân biệt rủi ro thành 3 loại cơ bản để quản lý là rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Đồng thời, BIDV sử dụng một hệ thống quản lý thông tin tập trung cho mục đích quản lý kinh doanh và quản lý rủi ro. Năm 2005, dựa trên các thông lệ quốc tế tốt nhất được khuyến nghị theo Dự án hiện đại hóa Ngân hàng (TA1) do Ngân hàng thế giới tài trợ, BIDV thành lập Hội đồng Quản lý tài sản nợ - có (ALCO) và trở thành ngân hàng thương mại Việt Nam đầu tiên thành lập bộ phận chuyên trách quản lý rủi ro, qua đó đặt nền tảng cho việc hoàn thiện công tác quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Khối Quản lý rủi ro được kiện toàn vào năm 2008 trong giai đoạn II của Dự án hiện đại hóa Ngân hàng.

Khối Quản lý rủi ro bao gồm Ban Quản lý rủi ro tín dụng, Ban Quản lý tín dụng và Ban Quản lý rủi ro thị trường & tác nghiệp. Thêm vào đó, Ban Thông tin quản lý & hỗ trợ ALCO có trách nhiệm hỗ trợ việc quản lý rủi ro thanh khoản, giám sát các giới hạn an toàn trong hoạt động kinh doanh; Ban Pháp chế phụ trách quản lý các rủi ro pháp lý, Bộ phận quản lý quan hệ

cổ đông thuộc Ban Thư ký Hội đồng thư ký quản trị và Ban Thương hiệu và quan hệ công chúng phụ trách quản lý rủi ro uy tín.

7.2.2. Quản lý rủi ro tín dụng

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý RRTD, BIDV đã và đang xây dựng hệ thống quản lý RRTD đầy đủ, toàn diện theo quy định của NHNN và dần tiến đến áp dụng các chuẩn mực theo đúng thông lệ quốc tế (Basel II). Việc quản lý rủi ro tín dụng được tiến hành một cách có hệ thống từ việc xác định khẩu vị rủi ro, đo lường đến việc phòng ngừa, xử lý rủi ro tín dụng. BIDV đã triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả trong toàn hệ thống.

Định hướng hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng của BIDV tăng trưởng ổn định, bền vững. Trong từng năm, Ngân hàng luôn xác định cơ cấu, giới hạn tín dụng trong từng ngành nghề, lĩnh vực, thời hạn vay, loại tiền, khu vực địa lý ... khác nhau.

Mô hình quản lý rủi ro:

Hiện nay, BIDV thực hiện phân cấp thẩm quyền trong phán quyết tín dụng từ các cấp tại Hội sở chính (Hội đồng quản trị, Ủy Ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng TW, Ban điều hành...) đến các cấp, chức danh tại Chi nhánh. Việc phân cấp cho các cấp, chức danh điều hành tại Chi nhánh đảm bảo phù hợp theo các quy trình cấp tín dụng bán buôn, bán lẻ và mức phân cấp được Hội sở chính rà soát, giao hàng năm cho từng chi nhánh căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh. Các tiêu chí để xác định mức thẩm quyền phán quyết tín dụng đối với Chi nhánh bao gồm: (i) hiệu quả tín dụng; (ii) chất lượng hoạt động tín dụng; (iii) quy mô dư nợ của Chi nhánh; (iv) hiệu quả, năng lực quản trị điều hành của chi nhánh và (v) các căn cứ khác theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc trong từng thời kỳ.


Mô hình tổ chức phê duyệt và quản lý rủi ro tín dụng tại BIDV được thành lập với 3 khối chính: Khối quan hệ khách hàng (bán buôn và bán lẻ), Khối quản lý rủi ro và Khối tác nghiệp. BIDV đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; Hội đồng Tín dụng trung ương trực thuộc Tổng giám đốc và Hội đồng tín dụng cơ sở thuộc chi nhánh. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại ba miền và quản lý tập trung tại Trụ sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV có thể phòng ngừa và hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng:

Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng được thực hiện tại cấp chi nhánh và Trụ sở chính, trong đó tách biệt giữa bộ phận đề xuất tín dụng – thẩm định rủi ro – quản trị tác nghiệp...

Sau khi khách hàng có đơn đề nghị cấp tín dụng cùng với hồ sơ vay vốn, bộ phận quan hệ khách hàng sẽ thực hiện thẩm định khoản vay bao gồm: đánh giá chung về khách hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, năng lực tài chính, chấm điểm khách hàng, đánh giá phân tích phương án/kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư, khả năng vay trả của khách hàng,

thẩm định tài sản đảm bảo, đánh giá toàn diện rủi ro và các biện pháp phòng ngừa, xác định mức cấp tín dụng, hình thức cấp tín dụng, lãi suất... và lập báo cáo đề xuất tín dụng. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất tín dụng sẽ được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro. Báo cáo đề xuất tín dụng và Báo cáo thẩm định rủi ro (trường hợp phải qua thẩm định rủi ro) sau khi hoàn thành cùng hồ sơ tín dụng sẽ được trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khoản tín dụng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ tiếp tục được Bộ phận Quan hệ khách hàng, phối hợp cùng Bộ phận QLRR kiểm tra, giám sát, thu hồi, thực hiện các biện pháp xử lý rủi ro theo đúng quy định.

 Công cụ quản lý rủi ro:

Ngay sau khi quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN được ban hành, BIDV là NHTM đầu tiên được NHNN chấp thuận cho phép áp dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (ICRS) từ quý IV/2006, đảm bảo sàng lọc, kiểm soát tốt nền khách hàng. Hệ thống bao gồm các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính để đánh giá toàn diện về khách hàng như tình hình tài chính, khả năng trả nợ, chiều hướng phát triển của doanh nghiệp cũng như những ảnh hưởng từ các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng phát triển của ngành nghề.

Ngân hàng áp dụng chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng dựa trên hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Chính sách cấp tín dụng là cơ sở để sàng lọc, lựa chọn khách hàng tốt, có chính sách ứng xử phù hợp, thống nhất đối với từng khách hàng.

Trên cơ sở kết quả xếp hạng theo ICRS (đối với những khách hàng đủ điều kiện xếp hạng) hoặc tình hình trả nợ của khách hàng (nợ quá hạn, nợ cơ cấu – đối với những khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng), BIDV thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN (từ ngày 01/06/2014, BIDV đã thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của NHNN).

Dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng cụ thể được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định của NHNN:

Hạng khách hàng	Nhóm	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
AAA, AA, A	1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
BBB, BB	2	Nợ cần chú ý	5%
B, CCC, CC	3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
C	4	Nợ nghi ngờ	50%
D	5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Trong quá trình vận hành, BIDV tiếp tục tiến hành cập nhật ICRS nhằm phản ánh tốt hơn chất lượng tín dụng của khách hàng cũng như đảm bảo tính tuân thủ đối với các quy định mới của NHNN về quản lý rủi ro tín dụng. Hệ thống ICRS sau khi chỉnh sửa sẽ giúp BIDV đáp ứng tốt

hơn đối với các yêu cầu về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng được quy định theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN của NHNN.

BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. BIDV đã hoàn tất dự án hiện đại hoá, theo đó BIDV có thể khai thác thông tin về khách hàng, nhóm khách hàng, danh mục tín dụng tự động từ hệ thống. Các thông tin về danh mục tín dụng, nợ xấu, các khoản nợ cần chú ý, chất lượng tín dụng ... đều được báo cáo định kỳ lên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

Hiện tại, BIDV cũng đang triển khai các dự án nhằm nâng cao hơn nữa năng lực quản lý rủi ro tín dụng như Dự án Khung quản lý rủi ro tổng thể, dự án Hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS), Dự án nâng cấp Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ... nhằm hỗ trợ tích cực cho việc quản lý rủi ro trong ngân hàng, từ đó tiến đến áp dụng các mô hình định lượng rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng (Basel II).

7.2.3. Quản lý rủi ro thanh khoản

Từ năm 2007 trở về đây, quản lý rủi ro thanh khoản tại BIDV đã dần tiệm cận tới thông lệ quốc tế. Rủi ro thanh khoản của toàn bộ Ngân hàng được quản lý tập trung tại Hội sở chính, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc:

- ❖ Ưu tiên hàng đầu là tuân thủ các chính sách, quy định về giới hạn thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng ALCO, đảm bảo an toàn đồng thời cân đối đến khả năng gia tăng hiệu quả hoạt động của ngân hàng;
- ❖ Thanh khoản được quản lý hàng ngày thông qua các quy định, quy trình, thiết lập và kiểm soát giới hạn thanh khoản;
- ❖ Quản lý thanh khoản được thực hiện theo các giả định trong trường hợp dư thừa, thiếu hụt hoặc khủng hoảng thanh khoản (thể hiện tại các kịch bản thanh khoản);
- ❖ Thanh khoản được quản lý theo từng loại tiền.

Việc quản lý thanh khoản được thực hiện thông qua việc thiết lập và tuân thủ các hạn mức và phân giao cho các đơn vị thực hiện. Việc thiết lập hạn mức phụ thuộc vào “khẩu vị rủi ro” của ngân hàng.

Hàng ngày, theo dõi dòng tiền đến hạn, thông tin các dòng tiền thanh toán lớn trong ngày để luôn đảm bảo các nguồn chi trả, đảm bảo các giới hạn an toàn của Ngân hàng nhà nước và Hội đồng ALCO.

Định kỳ hoặc đột xuất, xây dựng kịch bản và kiểm nghiệm khủng hoảng theo mức độ biến động thị trường và dự kiến kịch bản có khả năng xảy ra cao nhất, đề xuất các biện pháp xử lý thanh khoản kịp thời.

Trong giai đoạn hiện nay, khi nền kinh tế Việt Nam trải qua giai đoạn khó khăn, khả năng thanh khoản của BIDV vẫn luôn vững chắc nhờ có hệ thống quản lý rủi ro thanh khoản hoạt động tốt và hiệu quả.

7.2.4. Quản lý rủi ro thị trường, hoạt động và Phòng, chống rửa tiền

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV luôn chủ động, đi đầu trong lĩnh vực quản lý rủi ro. Tháng 09/2008, thực hiện Đề án chuyển đổi mô hình tổ chức theo Dự án TA2, BIDV đã thành lập Ban Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp, chịu trách nhiệm quản lý độc lập rủi ro thị trường và hoạt động của toàn hệ thống, đồng thời thành lập Phòng/Tổ Quản lý rủi ro ở tất cả các chi nhánh. Tiếp đó, ngày 30/05/2012, Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị đã được thành lập nhằm đáp ứng những yêu cầu quản lý rủi ro theo thông lệ quốc tế cũng như quy định của cơ quan quản lý trong nước. Đến nay, mô hình quản lý rủi ro của BIDV cơ bản đã đáp ứng nguyên tắc độc lập và tập trung theo khuyến nghị của Ủy ban Basel thuộc Ngân hàng Thanh toán quốc tế (BIS).

BIDV đã ban hành hệ thống các Chính sách và Quy định phục vụ công tác quản lý rủi ro thị trường và hoạt động. Theo đó, hệ thống các công cụ và báo cáo quản lý rủi ro không ngừng được hoàn thiện nhằm phát hiện, theo dõi và giám sát rủi ro, đưa ra các biện pháp phòng ngừa, xử lý kịp thời, hướng tới áp dụng Basel II theo lộ trình đã ban hành của Ngân hàng Nhà nước.

Trong năm 2014, BIDV đã thực hiện xây dựng một số cấu phần trọng yếu nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý rủi ro như Khung QLRR tổng thể, Công tác triển khai áp dụng Basel II, Khẩu vị rủi ro:

- ❖ *Khung Quản lý rủi ro tổng thể bao gồm các cấu phần chính liên quan đến: Cơ cấu tổ chức; Chiến lược QLRR; Hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định về QLRR; Khẩu vị rủi ro; Công cụ, phương pháp đo lường rủi ro; Hệ thống dữ liệu, giải pháp công nghệ; Hệ thống báo cáo; Kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ tại BIDV đối với các loại rủi ro trọng yếu: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và rủi ro thanh khoản. Hiện nay các cấu phần thuộc Khung quản lý rủi ro tổng thể đang được thực hiện đúng tiến độ, dự kiến hoàn thành trong năm 2015.*
- ❖ *Công tác triển khai áp dụng Basel II: BIDV là một trong 10 ngân hàng được lựa chọn để triển khai Basel II theo yêu cầu tại công văn số 1601/NHNN- TTGSNH ngày 17/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, trong năm 2014, BIDV đã thành lập Ban Quản lý dự án triển khai Basel II, thực hiện các Báo cáo phân tích GAP tổng thể và GAP dữ liệu theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Đồng thời, BIDV đang triển khai Dự án Tư vấn rà soát Báo cáo phân tích chênh lệch – GAP và xây dựng kế hoạch triển khai – Master plan Basel II tại BIDV.*
- ❖ *Khẩu vị rủi ro: BIDV đã hoàn thành Dự án xây dựng Khẩu vị rủi ro và trở thành NHTM đầu tiên tại Việt Nam thực hiện Tuyên bố Khẩu vị rủi ro năm 2015. Khẩu vị rủi ro bao gồm Nhóm các chỉ tiêu về thu nhập, vốn, rủi ro và mức định hạng tín nhiệm.*

Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là khả năng xảy ra tổn thất đối với trạng thái kinh doanh và/hoặc các khoản mục tài sản và nguồn vốn mà BIDV đang nắm giữ do sự biến động bất lợi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hoá, giá cổ phiếu.

BIDV đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định về quản lý rủi ro thị trường đầy đủ, đồng bộ và định kỳ được rà soát, chỉnh sửa nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tế và phù hợp với thông lệ.

BIDV đã chủ động nghiên cứu, áp dụng các công cụ quản lý rủi ro thị trường theo thông lệ Basel như: Đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) ngoại hối, lãi suất, cổ phiếu và trái phiếu hàng ngày; Thực hiện kiểm nghiệm giả thuyết (backtest) đối với các mô hình VaR; Xác định vốn yêu cầu tối thiểu đối với rủi ro ngoại hối, vàng và rủi ro lãi suất Sở kinh doanh; Thử nghiệm khủng hoảng (stresstest) được thực hiện thí điểm định kỳ 6 tháng. Ngoài ra, BIDV còn áp dụng một số công cụ khác phù hợp với mỗi loại rủi ro như BPV, trạng thái...

Trong năm 2014, BIDV đã đưa vào triển khai hệ thống Kondor (trong đó có cấu phần MLS và MGR), giúp BIDV tính toán, giám sát hệ thống hạn mức quản lý rủi ro thị trường hàng ngày và theo thời gian thực.

Quản lý rủi ro hoạt động

Để quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã ban hành đầy đủ hệ thống chính sách, các quy định và các văn bản hướng dẫn, bảo đảm phù hợp với thực tế hoạt động của ngân hàng. BIDV đã thực hiện quản lý rủi ro hoạt động theo 04 loại nguyên nhân, 07 nhóm sự kiện rủi ro, đồng thời chú trọng nghiên cứu, xây dựng và áp dụng các công cụ quản lý rủi ro hoạt động tiên tiến, hướng theo thông lệ quốc tế và đáp ứng yêu cầu triển khai Basel II của Ngân hàng Nhà nước. Một số công cụ quản lý rủi ro hoạt động theo thông lệ hiện đang được áp dụng tại BIDV bao gồm: Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA), Tự đánh giá kiểm soát (CSA), Dấu hiệu rủi ro chính (KRI), Kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP), Vốn yêu cầu tối thiểu cho RRHĐ theo phương pháp cơ bản (BIA). Một số công cụ quản lý rủi ro hoạt động tiên tiến như: Hạn mức chấp nhận lỗi, Phân tích kịch bản, Kiểm soát rủi ro trong hoạt động thuê ngoài,...tiếp tục được đẩy mạnh nghiên cứu nhằm tăng cường khả năng lượng hóa và cảnh báo rủi ro hoạt động, giảm thiểu tối đa tổn thất có thể xảy ra cho ngân hàng. Bên cạnh đó, BIDV cũng đặc biệt chú trọng việc xây dựng và phát triển, đầu tư mua sắm các chương trình, giải pháp phần mềm, hỗ trợ thu thập, xử lý, lưu trữ dữ liệu rủi ro hoạt động.

Phòng, chống rửa tiền

BIDV luôn nỗ lực đi đầu trong việc triển khai Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước về Phòng, chống rửa tiền. BIDV luôn hợp tác đầy đủ với Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng (Cục Phòng chống rửa tiền) và các cơ quan quản lý liên quan trong việc báo cáo giao dịch đáng ngờ, cung cấp thông tin theo yêu cầu. BIDV luôn chú trọng thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức về phòng chống rửa tiền cho các cán bộ trong toàn hệ thống, đặc biệt là các cán bộ quản lý khách hàng, cán bộ trực tiếp thực hiện giao dịch với khách hàng. Bên cạnh đó, BIDV đã và đang triển khai có hiệu quả một số công cụ Phòng chống rửa tiền như

công cụ lọc điện thanh toán quốc tế, tra cứu thông tin danh sách đen của Liên Hợp quốc, Liên minh Châu Âu, Mỹ,... Hiện nay, BIDV đang triển khai dự án “Trang bị giải pháp thống kê, phân tích số liệu phục vụ công tác Phòng, chống rửa tiền”, nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng công tác Phòng, chống rửa tiền, bảo đảm an toàn trong hoạt động của BIDV, ngăn chặn các hành vi lợi dụng BIDV để thực hiện rửa tiền, tài trợ khủng bố. Hàng năm, BIDV đều thực hiện kiểm toán nội bộ công tác phòng, chống rửa tiền tại Trụ sở chính và các chi nhánh.

BIDV đã có những đóng góp không nhỏ trong thành tựu chung của Việt Nam về công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố. Với những nỗ lực không ngừng, trong năm 2014, BIDV đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tặng bằng khen vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác Phòng, chống rửa tiền.

Quản lý rủi ro lãi suất Sở ngân hàng

Quản lý rủi ro lãi suất sở ngân hàng được quản lý tập trung tại Trụ sở chính, được quản lý theo mục tiêu, chiến lược từng thời kỳ.




Việc triển khai Quản lý rủi ro lãi suất Sở ngân hàng được thực hiện xuyên suốt từ các cấp, trong đó, quy trình quản lý rủi ro được thực hiện đảm bảo tách bạch 3 bộ phận độc lập (Đề xuất - Thẩm định, giám sát - Thực hiện) tham gia vào hoạt động quản lý rủi ro.






Việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua các công cụ như hạn mức tỷ lệ khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất lũy kế trên Tổng tài sản; hạn mức tổn thất có thể xảy ra đối với giá trị kinh tế vốn của ngân hàng, tỷ lệ biến động giá trị kinh tế vốn trên vốn tự có của ngân hàngĐịnh kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu, BIDV xây dựng kịch bản và tiến hành thử nghiệm khủng hoảng đối với rủi ro lãi suất của danh mục Tài sản Nợ – Tài sản Có của BIDV.

7.2.5. Quản lý rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là những sự kiện pháp lý bất lợi nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất đối với hoạt động của doanh nghiệp. Rủi ro nói chung và rủi ro pháp lý trong hoạt động ngân hàng luôn được đề cao hơn vì kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh đặc biệt, tiềm ẩn nhiều rủi ro và có khả năng gây tác động đổ vỡ mang tính hệ thống.

Tại BIDV, hoạt động quản lý, kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý luôn được tôn trọng, đề cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo đó, các hoạt động để quản lý rủi ro pháp lý của BIDV được thể hiện trên các mặt:

-  Đối với từng mảng nghiệp vụ hoạt động đã xây dựng và ban hành hệ thống quy định, quy trình, quy chế, mẫu biểu hướng dẫn thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống; thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp;
-  Thẩm định pháp lý toàn diện đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật đối với tất cả các văn bản chế độ nội bộ của BIDV trước khi ban hành và áp dụng trên thực tế;
-  Tư vấn pháp lý thường xuyên trong mọi hoạt động BIDV, đặc biệt là tư vấn xử lý tranh chấp, thu hồi nợ;


-  Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và văn bản chế độ nội bộ cho cán bộ toàn hệ thống;
-  Giám sát, kiểm tra sau đối với quá trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nội bộ;
-  Luôn cập nhật các chính sách, quy định pháp luật mới ban hành;
-  Chủ động: (a) nghiên cứu, tham gia quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của BIDV từ đó nắm bắt xu hướng thay đổi chính sách pháp luật và có định hướng hoạt động phù hợp; và (b) kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi các mâu thuẫn, bất cập, chông chéo tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
-  Thường xuyên kiện toàn, tăng cường, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp chế đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp lý ngày càng tăng đối với hoạt động nghiệp vụ trong toàn bộ hệ thống.

Đối với các giao dịch có giá trị lớn, tính chất phức tạp hoặc liên quan đến yếu tố nước ngoài, BIDV chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và hạn chế các rủi ro pháp lý. Bên cạnh sự hỗ trợ từ Ban Pháp chế, các đơn vị thành viên cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình.

7.3. Công nghệ thông tin

Chiến lược kinh doanh của BIDV xác định CNTT là một trong bốn đột phá chiến lược phát triển BIDV: “Nâng cao năng lực khai thác, ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tạo khâu đột phá giải phóng sức lao động, tăng tính lan tỏa của khoa học công nghệ tới mọi hoạt động kinh doanh của BIDV”.

Trong giai đoạn 2010-2015, BIDV đã thực hiện triển khai Chiến lược phát triển CNTT giai đoạn 2010-2015, tầm nhìn đến 2020 nhằm đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu cụ thể của CNTT đối với các hoạt động ngân hàng ngày càng phát triển, lớn mạnh. Theo đó, hoạt động CNTT đã bám sát và phù hợp với các mục tiêu, định hướng của kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV giai đoạn 2010-2015, định hướng đến 2020: nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, giá trị thương hiệu, tiết kiệm chi phí, ưu tiên phát triển CNTT để đáp ứng yêu cầu công nghệ của một ngân hàng với các sản phẩm, dịch vụ hiện đại, nâng cao khả năng hội nhập với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Kết quả cụ thể như sau:

-  Hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản lý CNTT tập trung tại Trụ sở chính, đảm bảo an toàn, đồng bộ và kiểm soát rủi ro.

BIDV đã có 01 Trung tâm dữ liệu chính đặt tại 38 Hàng Vôi và 01 Trung tâm dự phòng thảm họa đặt tại Hải Dương đạt các tiêu chuẩn của NHNN (ngoài ra, BIDV đang thực hiện xây dựng Trung tâm dữ liệu mới, hiện đại theo tiêu chuẩn TIER 3 tại Hà Nội, dự kiến đưa vào hoạt động năm 2016).

Hệ thống mạng WAN đã kết nối toàn bộ các đơn vị thành viên của BIDV trên toàn quốc, hệ thống mạng LAN tại các đơn vị đạt các tiêu chuẩn cao, đảm bảo tốc độ kết nối phục vụ quản lý tập trung CNTT.

Hệ thống máy chủ đáp ứng phục vụ các ứng dụng CNTT (*tại Trung tâm xử lý, trung tâm dự phòng và các chi nhánh*). Hệ thống bảo mật: đã được đầu tư các giải pháp bảo mật toàn diện, nhiều lớp, trang bị các thiết bị bảo mật (Firewall, IPS), đã thực hiện triển khai nhiều giải pháp bảo mật (như: bảo mật mạng, bảo mật ứng dụng, mã hóa, xác thực)...).

Hệ thống ứng dụng CNTT hiện đại, được quản trị, vận hành tập trung, ổn định, duy trì hoạt động liên tục trên 99,5%; tốc độ xử lý giao dịch hàng ngày cao; đảm bảo an toàn, ổn định với trung bình từ 4 đến 6 triệu giao dịch/ngày đối với ngày thường, cao điểm lên đến 8.4 triệu giao dịch/ngày; đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống BIDV.

Hệ thống An ninh bảo mật được triển khai đồng bộ đảm bảo an ninh đối với hoạt động CNTT và hoạt động ngân hàng. Hệ thống dự phòng, cơ sở hạ tầng CNTT được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo sự an toàn, khả năng khắc phục sự cố.

- ✦ Xây dựng và phát triển các kênh phân phối hiện đại đáp ứng nhu cầu cung ứng sản phẩm dịch vụ trong và ngoài nước

Trong giai đoạn 2010-2015, BIDV đã đầu tư mua sắm hoặc tự phát triển nhiều ứng dụng kênh phân phối hiện đại, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và khách hàng định chế tài chính.

Hệ thống thanh toán được các tổ chức trong/ngoài nước đánh giá tốt nhất trong khối các ngân hàng thương mại: Kết nối với hầu hết các hệ thống, kênh thanh toán lớn trong nước và quốc tế như IBPS, thanh toán bù trừ, VCB Money, SWIFT,... Ngoài ra, BIDV đã tự phát triển các hệ thống Thanh toán song phương, đa phương, kết nối thanh toán với các tổ chức (như KBNN, Thuế...). Ứng dụng thanh toán hóa đơn cung cấp nhiều tiện ích thanh toán hóa đơn cho khách hàng nhờ kết nối tới các đối tác/nhà cung cấp dịch vụ lớn tại Việt Nam như: VNPAY, Onepay, Điện, Nước, Viễn thông... Các ứng dụng Thu chi hộ điện tử, Thu ngân sách Nhà nước, @Securities cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng cho các khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính.

Hệ thống Ngân hàng điện tử (Internet Banking/Mobile Banking – IBMB) đã hoàn thành triển khai, đem lại cho khách hàng BIDV nhiều tiện ích, dịch vụ với các dòng sản phẩm, như: BIDV Online, BIDV Mobile, BIDV Business Online, Bank Plus, BSMS.

Hệ thống ATM được bao phủ trên toàn quốc với 1.503 máy ATM, 14.344 POS và đã kết nối được với Smartlink, Banknetvn; chấp nhận thanh toán các sản phẩm dịch vụ thẻ như thẻ tín dụng quốc tế VISA, MasterCard, CUP, JCB; thẻ ghi nợ quốc tế Master Ready; Manchester United, BIDV Ready, ...

Hoàn tất triển khai hệ thống Treasury mới, giúp BIDV tiếp tục đẩy mạnh và phát triển hoạt động Kinh doanh vốn và tiền tệ, hiện đang là một thế mạnh của BIDV.

- ✦ Xây dựng các hệ thống hỗ trợ thông tin quản lý, hệ thống quản lý khách hàng, hệ thống quản lý kinh doanh liên tục...

Với mục đích hỗ trợ trong công tác phân tích, đánh giá, dự báo, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển, ... phục vụ công tác quản trị điều hành; đến hết năm 2014, BIDV cơ bản đã xây dựng được các hệ thống thông tin tương đối đầy đủ theo yêu cầu quản trị điều hành; quản lý rủi ro; quản lý, chăm sóc, hỗ trợ khách hàng.

Đặc biệt, trong năm 2014, BIDV đã triển khai đưa vào sử dụng: (i) Hệ thống thông tin quản lý (MIS), giúp các cấp quản lý có công cụ nhanh chóng trong việc ra quyết định, phục vụ các yêu cầu kinh doanh. Việc đưa vào sử dụng hệ thống này đã tạo ra sự khác biệt trong phát triển, vận hành, khai thác hệ thống Báo cáo quản trị điều hành của BIDV từ Trụ sở chính đến cấp Chi nhánh, đây là hệ thống Kho dữ liệu tập trung và hạ tầng đồng bộ dựa trên mô hình, kiến trúc hiện đại theo thông lệ quốc tế của IBM; (ii) Hệ thống Văn phòng điện tử (Office.One) giúp nhanh chóng truyền tải thông tin điều hành từ Trụ sở chính đến các Chi nhánh BIDV, chuyển đổi các công việc văn phòng, hành chính, quản trị,... từ chỗ sử dụng văn bản giấy tờ sang sử dụng văn bản điện tử, ước tính tiết kiệm được khoảng 24 tỷ đồng/năm (với chi phí đầu tư 11 tỷ đồng).

Phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt chất lượng cao

Lực lượng cán bộ CNTT tại BIDV được tuyển chọn đạt chất lượng chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản theo kế hoạch đào tạo chuyên sâu hàng năm.

BIDV đang thực hiện đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (trong đó có đào tạo các chuyên gia CNTT trong lĩnh vực phần mềm, cơ sở dữ liệu, an ninh bảo mật, truyền thông, được các hãng công nghệ lớn trên thế giới như IBM, Microsoft, Oracle, Cisco,... công nhận). Trong năm 2014, BIDV đã có 01 cán bộ đạt trình độ ngang với trình độ chuyên gia CNTT của các hãng trong khu vực (như tiến sĩ về mạng Cisco – CCIE) và dự kiến năm 2015, BIDV sẽ có đội ngũ chuyên gia CNTT trình độ cao ở các mảng hệ thống, kiến trúc, bảo mật, CSDL...

7.4. Thị trường hoạt động

7.4.1. Mạng lưới chi nhánh và công ty trực thuộc



Năm 2014, tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn trong công tác phát triển mạng lưới nhưng với sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo cũng như nỗ lực của các chi nhánh, BIDV cũng đã đạt được một số kết quả khả quan. Đến 31/12/2014, tổng số điểm mạng lưới hoạt động của BIDV là 747 điểm, trong đó có 136 chi nhánh (CN), 595 Phòng giao dịch (PGD) và 16 Quỹ tiết kiệm (QTK), đứng thứ 3 trong hệ thống NHTM về số lượng điểm mạng lưới. So với cuối năm 2013, số điểm mạng lưới của BIDV tăng thêm 20 điểm, trong đó, thành lập thêm 9 chi nhánh mới tại các địa bàn trọng điểm trong cả nước.

Bảng 28: Số lượng các điểm mạng lưới truyền thông của BIDV năm 2013 – 2014

STT	Mạng lưới	2013	2014
1	Số chi nhánh	127	136
2	Số Phòng giao dịch	505	595
3	Số Quỹ tiết kiệm ³	95	16
4	Số máy ATM	1.495	1.503


Nguồn: BIDV

Cùng với tăng trưởng về số lượng, chất lượng hoạt động của các điểm mạng lưới cũng được BIDV đặt lên hàng đầu. Với phương châm “Hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động” trong công tác phát triển mạng lưới, việc mở rộng mạng lưới luôn gắn liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đảm bảo khả năng quản lý, kiểm soát rủi ro và quản trị điều hành.

-  Chú trọng phát triển mạng lưới hướng tới đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Xác định đây là hoạt động cốt lõi của khối PGD trong giai đoạn này. BIDV tập trung ưu tiên phát triển mạng lưới tại các địa bàn khu vực trọng điểm phía Bắc, phía Nam (đặc biệt Hà Nội và TP. HCM); các thành phố lớn, thị xã có tiềm năng phát triển hoạt động Ngân hàng bán lẻ. Từng bước hình thành mạng lưới Phòng giao dịch/QTK chuyên phục vụ khách hàng cá nhân.
-  Tập trung đổi mới công tác quản trị điều hành hoạt động của các điểm mạng lưới, trong đó chú trọng công tác xây dựng kế hoạch, định hướng thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới. Chủ động xây dựng và hoàn thiện chương trình phần mềm chiết xuất số liệu các đơn vị trực thuộc PGD, QTK để phục vụ cho công tác đánh giá hiệu quả hoạt động các điểm mạng lưới. Đồng thời, xây dựng chế tài khen thưởng và xử lý trong công tác phát triển mạng lưới, gắn kết quả hoạt động của các điểm mạng lưới với cơ chế phân phối thu nhập, tạo động lực mạnh mẽ trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các điểm mạng lưới.

7.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Với bề dày truyền thống 58 năm hoạt động, BIDV đã xây dựng được một mạng lưới khách hàng doanh nghiệp phong phú, đa dạng trải rộng trên toàn quốc. Cụ thể như sau: Tính đến ngày 31/12/2014, BIDV có quan hệ với trên 120.000 khách hàng doanh nghiệp, tăng 11% so với năm 2013, trong đó có khoảng 12.300 khách hàng doanh nghiệp có quan hệ tín dụng.

-  Nhóm khách hàng doanh nghiệp là các Tập đoàn, Tổng công ty: BIDV luôn khẳng định vai trò là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam trong việc tài trợ vốn và cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc các ngành

³Mạng lưới Quỹ tiết kiệm bao gồm cả 04 Quỹ tiết kiệm đặt tại trụ sở chi nhánh

kinh tế then chốt. Với vị thế và cơ chế chính sách ưu đãi của BIDV dành cho nhóm khách hàng này, hơn 80 Tập đoàn, Tổng công ty đã xác định BIDV là ngân hàng chủ lực trong việc cung ứng tín dụng và dịch vụ như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Viễn Thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), Tổng công ty Sông Đà, Tổng công ty Phát triển nhà và đô thị Việt Nam (HUD), Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex)... và hàng loạt các Tập đoàn kinh tế tư nhân lớn như Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Hòa Phát, Công ty cổ phần ô tô Trường Hải, Công ty Cổ phần Eurowindow...


- ✦ Nhóm khách hàng DNVVN: BIDV không ngừng gia tăng quan hệ với các DNVVN có tình hình hoạt động kinh doanh tốt. BIDV khẳng định là một ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ tài chính cho các DNVVN theo đúng chủ trương chính sách trợ giúp phát triển DNVVN của Chính phủ.
- ✦ Nhóm khách hàng cá nhân: Đối tượng khách hàng bán lẻ của BIDV là tất cả cá nhân và hộ gia đình kinh doanh đang làm việc, sinh sống tại Việt Nam. Đến tháng 31/12/2014, số lượng khách hàng cá nhân tại BIDV đạt gần 6,4 triệu khách hàng.

Để mở rộng số lượng khách hàng cá nhân, BIDV tập trung tiếp thị theo từng phân đoạn khách hàng; mỗi phân đoạn đều có các chính sách chăm sóc và các sản phẩm dịch vụ dành riêng. BIDV cũng chuẩn hóa thông tin khách hàng nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng tại mỗi phân đoạn. Với mạng lưới 136 chi nhánh, 595 Phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm, hệ thống gần 1.503 máy ATM, 14.344 POS, hai kênh phân phối là kênh truyền thống và kênh Ngân hàng điện tử phù hợp với khách hàng cá nhân, BIDV phát huy lợi thế trong cung cấp dịch vụ, gia tăng nền khách hàng cá nhân.

Bên cạnh đó, BIDV không ngừng hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ bán lẻ theo hướng tiếp cận dễ dàng nhất với khách hàng, ứng dụng tối đa hàm lượng công nghệ trong mỗi sản phẩm, phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng mọi lúc mọi nơi. Trong giai đoạn 2010-2014, BIDV đã cho ra mắt nhiều sản phẩm mới phù hợp với thu nhập và nhu cầu của từng đối tượng khách hàng cá nhân như:



- ✦ Tiết kiệm cá nhân: kèm các hình thức khuyến mại mang tính may rủi như thẻ cào, bốc thăm, dự thưởng; tiết kiệm dành cho các đối tượng khách hàng đặc biệt: tiền gửi tích lũy trẻ em lớn lên cùng yêu thương, tích lũy hưu trí, tiền gửi cho khách hàng quan trọng; tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm phân tầng theo số dư...
- ✦ Tín dụng bán lẻ: BIDV liên tục đưa ra các gói tín dụng cạnh tranh phù hợp với tình

hình thị trường và phù hợp với từng khu vực như cho vay nhà ở, cho vay sản xuất kinh doanh...; Tiên phong triển khai các chương trình tín dụng của Chính phủ như cho vay nhà ở theo Nghị quyết 02-NQ-CP, cho vay chương trình phát triển thủy sản theo Nghị định 67/NĐ-CP. Ngoài ra BIDV tiếp tục triển khai các sản phẩm cho vay khách hàng bán lẻ: hợp tác cho vay mua nhà ở xã hội, cho vay mua nhà ở theo các dự án, cho vay mua ô tô, cho vay SXKD (cho vay kinh doanh chợ, trồng cà phê, tiêu...), cho vay tín chấp tiêu dùng (vay lương, thấu chi tài khoản...), cho vay tiêu dùng bảo đảm bằng bất động sản, cho vay cho vay cầm cố chứng khoán niêm yết, cho vay doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, cho vay du học, cho vay chứng minh tài chính, cho vay người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, cho vay cầm cố và chiết khấu GTCG/TTK...








-  Dịch vụ bán lẻ: Trong năm 2014, BIDV triển khai bổ sung khá nhiều sản phẩm mới cho KH như sản phẩm chuyển tiền quốc tế, thanh toán lương cho KH doanh nghiệp; Trên IBMB bổ sung một số sản phẩm thanh toán hóa đơn mới trên BIDV Online và BIDV Mobile như thanh toán di động trả sau Vinafone, nạp Zingxu, nạp Oncash, thu hộ bảo hiểm AIA, thu hộ bảo hiểm Manulife, thu hộ bảo hiểm Daichi, các dịch vụ nạp tiền điện thoại cho tất cả các mạng qua VTC và thanh toán trả sau cước ADSL của FPT qua đối tác VnPay. Ngoài ra, BIDV tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ khác như dịch vụ thẻ, thanh toán, ngân quỹ... dành cho khách hàng cá nhân; Đặc biệt chú trọng gắn kết sản phẩm bảo hiểm với sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp với xu hướng phát triển của mô hình ngân hàng hiện đại, với mục tiêu chiến lược đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 phải gia tăng tối đa tỷ trọng đóng góp của hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong tổng thu nhập của toàn hệ thống, và hoạt động kinh doanh bảo hiểm trở thành một trong những nhân tố nòng cốt trong việc nâng cao hình ảnh, thương hiệu và vị thế của BIDV trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm với mục tiêu “Trở thành ngân hàng đứng đầu Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm qua ngân hàng thông qua Doanh thu phí dịch vụ và Số sản phẩm bảo hiểm triển khai”.

Thị trường hoạt động của BIDV trải rộng tất cả các ngành nghề, từ nông lâm nghiệp, thương nghiệp, xây dựng, công nghiệp chế biến, nhà hàng khách sạn, xuất nhập khẩu....

Về danh mục sản phẩm ngân hàng, hiện BIDV đã thiết kế hơn 100 sản phẩm dành cho khối khách hàng doanh nghiệp và cá nhân và liên tục bổ sung các sản phẩm mới nhằm cung ứng các dịch vụ ngân hàng tốt nhất đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh phong phú và đa dạng.

-  Nhóm dịch vụ tiền gửi: Tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi Thặng dư, tiền gửi Đầu tư tự động, tiền gửi Kết hợp, tiền gửi Như ý, tiền gửi Ký quỹ, tiền gửi Tích lũy, đồng thời triển khai liên tục các chương trình phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và dài hạn...
-  Nhóm dịch vụ thanh toán trong nước: Chuyển tiền trong nước, điều chuyển vốn tự

động, dịch vụ thu chi hộ, giải pháp kết nối trực tuyến với công ty chứng khoán (BIDV Smart@ccount), quản lý dòng tiền (Revenue Plus), thanh toán lương tự động, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, viễn thông, trả phí bảo hiểm, dịch vụ thu hộ tại quầy, thu hộ tại địa điểm, thu hộ Ngân sách Nhà nước, thu chi hộ điện tử...


-  Nhóm dịch vụ thanh toán quốc tế: Chuyển tiền quốc tế (TTR - Telegraphic Transfer Reimbursement, Western Union...), thanh toán thư tín dụng L/C, nhờ thu, hoàn thiện bộ chứng từ, thanh toán xuất nhập khẩu theo hình thức CAD - Cash Against Delivery, thanh toán biên mẫu...
-  Nhóm tài trợ thương mại: Cho vay hỗ trợ xuất khẩu, chiết khấu có truy đòi và miễn truy đòi, tài trợ nhập khẩu bằng lô hàng nhập, tài trợ theo hợp đồng khung, bao thanh toán...
-  Nhóm kinh doanh tiền tệ và phái sinh: mua bán ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ, Hoán đổi tiền tệ chéo (CCS), Hợp đồng hàng hóa tương lai, Quyền chọn hàng hóa, Đầu tư cơ cấu...
-  Nhóm sản phẩm tín dụng: Cho vay ngắn hạn thông thường, cho vay trung dài hạn, đầu tư dự án, thầu chi doanh nghiệp, tài trợ doanh nghiệp vệ tinh, tài trợ doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp dệt may, xăng dầu, cho vay hỗ trợ nhu cầu nhà ở, cho vay xây dựng nhà ở xã hội, nhà thu thu nhập thấp, cho vay hộ sản xuất kinh doanh...
-  Nhóm bảo lãnh: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đối ứng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh thuế xuất nhập khẩu...
-  Nhóm bảo hiểm: hợp tác với các công ty bảo hiểm cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ.
-  Nhóm dịch vụ ngân hàng điện tử: Internet banking, Mobile banking, Quản lý dòng tiền...

7.4.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

BIDV là một trong số những ngân hàng giữ vị trí chủ đạo và có thị phần lớn trên thị trường. Trong nhiều năm liền, BIDV luôn duy trì và nâng cao được thị phần của Ngân hàng ở các mảng hoạt động kinh doanh truyền thống, mở rộng thị phần trong các lĩnh vực dịch vụ mới.

Thị phần năm 2014 của BIDV đối với một số chỉ tiêu như sau (không tính Agribank):

- Đứng thứ nhất về tài trợ dự án;
- Đứng thứ nhất về thị phần tín dụng đạt 11,5%;
- Đứng thứ nhất về thị phần huy động vốn đạt 10,7%;
- Đứng thứ hai về quy mô tài sản với giá trị đạt 650.340 tỷ đồng

 Khả năng cạnh tranh trên các mặt hoạt động

Năng lực tài chính

B 29: Một số chỉ tiêu tài chính của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2014

Đơn vị: tỷ đồng

Tên NH	Tổng tài sản	Vốn CSH	Tổng dư nợ	HĐV từ tiền gửi KH	LNST	TL nợ xấu
ACB	179.610	12.397	116.324	154.614	952	2,18%
CTG	661.132	55.013	439.869	424.181	5.727	1,12%
EIB	161.094	12.449	87.147	101.372	56	2,46%
MBB	200.489	16.561	99.578	167.609	2.476	2,76%
SHB	169.036	8.962	103.951	123.228	791	2,03%
STB	188.678	12.591	128.015	162.533	2.279	1,19%
VCB	576.319	42.705	323.332	423.241	4.476	2,31%
BID	650.340	33.271	445.692	440.472	4.986	2,03%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 của các ngân hàng

Về nguồn nhân lực

Công tác phát triển nguồn nhân lực được BIDV chú trọng nhằm duy trì đội ngũ cán bộ có chất lượng, đáp ứng yêu cầu hoạt động: (i) Đến 31/12/2014 quy mô lao động 19.130 người; tỷ lệ lao động nữ 58%; tuổi đời bình quân 34 tuổi; cán bộ có trình độ đại học trở lên chiếm tỷ lệ cao (87,44% tổng số cán bộ); (ii) Công tác tuyển dụng đảm bảo được nhu cầu sử dụng; ngày một đổi mới cách thức tuyển dụng theo hướng tập trung cao, giảm thiểu thời gian, tiết kiệm chi phí, công khai, minh bạch; (iii) Chú trọng đổi mới công tác đào tạo, ngày càng bài bản, chuyên nghiệp và bước chuyển đổi căn bản đầu tiên là việc thành lập Trường đào tạo cán bộ BIDV; (iv) Đẩy mạnh việc tăng cường luân chuyển, biệt phái cán bộ, lãnh đạo để bổ sung năng lực lãnh đạo cho các đơn vị còn thiếu nguồn cán bộ tại chỗ, kết hợp thực hiện luân chuyển để đào tạo cán bộ có thực tế tại cơ sở; (v) Đổi mới cơ chế tiền lương, lương thưởng gắn với vị trí và hiệu quả, năng suất công việc

Về công nghệ

Đánh giá công nghệ là yếu tố quyết định tới sức cạnh tranh của mình, thời gian qua, BIDV đã rất chú trọng tới đầu tư nâng cao năng lực hạ tầng và ứng dụng CNTT (*Chỉ số sẵn sàng ứng dụng CNTT – ICT Index của BIDV trong nhiều năm liên tục từ năm 2007 đến nay được đánh giá và xếp hạng cao nhất trong các NH tại Việt nam*), với các dự án đã và đang đầu tư như: Xây dựng Trung tâm dữ liệu, trung tâm dự phòng thảm họa CNTT theo tiêu chuẩn quốc tế; Trang bị/nâng cấp hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Core Banking; các dự án kết nối thẻ Banknet, thẻ Visa, thẻ Master; Trang bị hệ thống Ngân hàng điện tử (Mobile Banking - Internet Banking); Trang bị hệ thống Treasury, hệ thống thông tin quản lý (MIS), hệ thống phân bổ thu nhập chi phí (MPA), quản trị nội bộ (ERP), các hệ thống quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền,... và rất nhiều phần mềm ứng dụng khác do BIDV tự xây dựng/phát triển.

Các dự án hiện đại hóa hệ thống CNTT đã giúp BIDV đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng, sự phong phú của dịch vụ cung cấp, đồng thời đảm bảo hoạt động CNTT an toàn, ổn định, đáp ứng yêu cầu kinh doanh liên tục (24/7) của BIDV, nâng cao năng lực cạnh tranh của BIDV.

Về mở rộng và phát triển dịch vụ

Bên cạnh các sản phẩm ngân hàng truyền thống, BIDV đã không ngừng nghiên cứu thị trường đưa ra các sản phẩm mới dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dịch vụ của khách hàng. Với số lượng sản phẩm cho khách hàng tổ chức và cá nhân đầy đủ và tiện ích, BIDV có thể cạnh tranh với các ngân hàng khác trên thị trường về khả năng cung ứng dịch vụ.

Về thương hiệu

Với trên 58 năm hoạt động trong ngành ngân hàng, BIDV là một trong số ít ngân hàng có lịch sử phát triển lâu dài và có vị thế vững chắc tại Việt Nam. Cùng với mạng lưới chi nhánh rộng khắp, BIDV đã trở thành một thương hiệu uy tín tại Việt Nam. BIDV tin rằng, với thương hiệu của mình, BIDV sẽ có nhiều cơ hội đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh theo hướng cung cấp dịch vụ tài chính và chào bán các sản phẩm mới mang thương hiệu BIDV.

Sự năng động và chuyên nghiệp của BIDV được thế giới ghi nhận qua hàng loạt giải thưởng: (i) Là NHTM Việt Nam đầu tiên nhận danh hiệu “Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí International Banker trao tặng; (ii) Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng cung cấp nghiên cứu về thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Asiamoney trao tặng; (iii) Giải thưởng “Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt nam” do Tạp chí The Asian Banker trao tặng. BIDV vinh dự lần thứ 4 liên tiếp được công nhận Thương hiệu quốc gia.

Về năng lực quản trị hoạt động kinh doanh

BIDV đã được WB lựa chọn để tài trợ cho Dự án Hỗ trợ kỹ thuật TA2 nhằm chuyển đổi BIDV từ một ngân hàng truyền thống thành một định chế tài chính hiện đại cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ đa dạng. Dự án TA2 được một nhóm các nhà tư vấn của Tập đoàn tài chính - bảo hiểm ING và Hiệp hội Ngân hàng Bỉ (BBA) thực hiện và tập trung vào các hoạt động chính như tái cơ cấu tổ chức và tái cơ cấu hệ thống quản lý, xác định cơ cấu vốn tối ưu, quản lý rủi ro, quản lý tài sản và công nợ, kiểm toán nội bộ, tiếp thị, chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển CNTT và chiến lược phát triển các sản phẩm/dịch vụ. Việc đổi mới mô hình tổ chức, mô hình hoạt động theo dự án TA2 sẽ tạo ra những đột phá nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung và quản trị rủi ro.

Quan hệ sâu rộng với các định chế tài chính

Trong các năm qua, BIDV đã nỗ lực mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính quốc tế. Đến cuối năm 2014, BIDV đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý với 1.700 định chế hàng đầu thế giới, trong đó có các ngân hàng lớn tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Điều này đã góp phần vào sự tăng trưởng của BIDV trong hoạt động kinh doanh quốc tế, bao gồm dịch vụ tín dụng, tài trợ thương mại, thanh toán quốc tế, bảo lãnh, kinh doanh ngoại hối... BIDV đã chủ

động đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ tại các thị trường nhiều tiềm năng như Nga, Đông Âu, Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và tìm kiếm cơ hội đầu tư cũng như tìm kiếm đối tác tham gia vào các dự án lớn tại Việt Nam.

BIDV cũng đã hợp tác với các định chế tài chính quốc tế lớn như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Xuất khẩu Séc, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu..., góp phần khai thác các nguồn vốn, nguồn lực quốc tế cho nhiều dự án trọng điểm trong lĩnh vực năng lượng, công nghệ, hạ tầng, giao thông, viễn thông, giáo dục, cung cấp nước và tưới tiêu, phát triển nông nghiệp.v.v

7.5. Các dự án kinh doanh đang thực hiện

Để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, hiện tại BIDV đang triển khai các dự án sau:

30: Các dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai đến thời điểm 31/12/2014

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
I. CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM			
1	Tháp BIDV tại 263 Cầu Giấy, Hà nội	263 Đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, HN	Đã thi công xong tầng hầm 1, đang thi công tầng hầm 2
2	Trụ sở CN Đông Hải Phòng	Lô 30A Khu ĐTM ngã 5-sân bay Cát Bi, P.Đông Khê, Q.Ngô Quyền, Tp Hải Phòng	Đã khởi công, đang thi công cọc
3	Trang bị kho lưu trữ cho Trung tâm lưu trữ tài liệu, tài sản BIDV tại Văn Lâm	Văn Lâm, Hưng Yên	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng
II. TRỤ SỞ CHI NHÁNH (“CN”) CẤP I			
4	Trụ sở CN Cao Bằng	Đường Hoàng Đình Giông, P.Hợp Giang, TX Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Đã phê duyệt dự án, đang hoàn thiện thiết kế và dự toán
5	Trụ sở CN Tp Nam Định	Lô 19-1-1, đường Đông A, KĐT Hòa Vượng, Tp Nam Định, tỉnh Nam Định	Đã hoàn thành lựa chọn phương án kiến trúc, đang triển khai lập dự án; đã nộp Sở XD, UBND TP Nam Định hồ sơ xin thỏa thuận QHTMB và KT sơ bộ
6	Trụ sở CN Tuyên Quang	Số 4 đường Bình Thuận, P. Minh Xuân, Tp Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	Đã nộp Sở XD, UBND TP Tuyên Quang hồ sơ xin thỏa thuận hạ tầng kỹ thuật, KT sơ bộ và đang chờ kết quả làm cơ sở triển khai tiếp dự án

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
7	Trụ sở CN Sa Pa	Số 020 đường Ngũ Chỉ Sơn, thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai	Đang triển khai lựa chọn phương án kiến trúc và xin thỏa thuận quy hoạch
8	Trụ sở CN Hưng Yên	số 240 Nguyễn Văn Linh, P.Hiến Nam, Tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Đã phê duyệt dự án, đang hoàn thiện thiết kế và dự toán
9	Cải tạo trụ sở CN Lạng Sơn	Tp Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Đã hoàn thành phê duyệt thiết kế, dự toán. Đang triển khai lựa chọn nhà thầu thi công
10	Trụ sở CN Phú Quốc, Nhà công vụ, Nhà khách	Khu phố 5, TT. Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang	Đã phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đang triển khai hoàn thiện thiết kế, dự toán
11	Trụ sở CN Nam Kỳ Khởi nghĩa	56(sau)-60-62 -64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TPHCM	Đang hoàn thiện thiết kế bản vẽ thi công
12	Trụ sở CN Đông Hà Nội	Cao Lỗ, Đông Anh, HN	Đã thi công xong phần ngầm, đang thi công phần thô
13	Trụ sở CN Tây Nam Quảng Ninh	số 430 Quang Trung, Tx Uông Bí, Quảng Ninh	Đã khởi công và đang thi công cọc đại trà
14	Trụ sở CN Hà Giang	Tổ 10, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Đã thi công xong phần thô, đang thi công hoàn thiện
15	Trụ sở CN Bắc Kạn	Tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Đã thi công xong phần thô, bắt đầu thi công hoàn thiện
16	Trụ sở CN Phủ Diễn	Thị trấn Diễn Châu, Nghệ An	Đã khởi công và đang thi công cọc đại trà
17	Trụ sở CN Lào Cai tại Cam Đường	Khu đô thị mới Lào Cai-Cam Đường	Đang thi công hoàn thiện chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng
18	Trụ sở CN Móng Cái	đường Hùng Vương, Hòa Lạc, Tp Móng Cái, Quảng Ninh	Đã hoàn thành công trình, đang triển khai thủ tục đưa công trình vào sử dụng
19	Trụ sở CN Phúc Yên	Thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc	Đang thi công hoàn thiện chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng
20	Trụ sở CN Bắc Hải Dương	Sao đỏ, Chí Linh, Hải Dương	Đã hoàn thành công trình, đang triển khai thủ tục đưa công trình vào sử dụng

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
21	Trụ sở 85B Bùi Thị Xuân	85B Bùi Thị Xuân, Q1, TP HCM	Đã triển khai lập thiết kế bản vẽ thi công, tiếp tục lấy ý kiến thẩm tra của Sở xây dựng TP HCM
22	Trụ sở CN Bà Rịa	Đường Lê Duẩn, phường Phước Trung, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Đã phê duyệt dự án và hoàn thành lập thiết kế, tổng dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
23	Trụ sở CN Cà Mau	Đường An Dương Vương P7, Cà mau	Đã phê duyệt thiết kế, tổng dự toán
24	Trụ sở CN Phú Yên	287 Nguyễn Huệ - TP Tuy Hòa - Phú Yên	Đã phê duyệt thiết kế, tổng dự toán. Đang tiến hành tổ chức lựa chọn nhà thầu
25	Trụ sở CN Tây Ninh	492 đường 30/4 phường 3 Tây Ninh	Đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu và khởi công. Đang thi công cọc
26	Trụ sở CN Mỹ Phước	Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Bình Dương	Đã thi công xong phần móng và thô phần thân tầng 6, đang triển khai thi công thô tầng 7 công trình
27	Trụ sở CN Sài Gòn	271 An Dương Vương	Đã thi công xong phần thô công trình
28	Trụ sở CN Phú Mỹ	QL51, Mỹ xuân, Tân Thành, Bà Rịa -Vũng Tàu	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng
29	Trụ sở CN Phú Tài	KCN Phú Tài	Đã hoàn thành công trình
30	Trụ sở CN Chợ Lớn	49 Kinh Dương Vương, P.12 Q.6, Tp.HCM	Đã hoàn thành phần thô, đang thi công phần hoàn thiện công trình
31	Trụ sở CN Đồng Nai	Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Đã lập dự án đầu tư

Nguồn: BIDV

31: Các dự án đầu tư công nghệ đến thời điểm 31/12/2014

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai
1	Triển khai hệ thống phân tích lợi nhuận đa chiều MPA	Dự án đang thực hiện triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành tháng 05/2015.

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai
2	Triển khai hệ thống quản trị nội bộ ERP.	Dự án đang thực hiện triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành tháng 12/2015.
3	Mở rộng mạng lưới ATM 2014-2015	Dự án đang thực hiện triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành tháng 05/2016.
4	Trang bị giải pháp quản lý khoản vay	Đã được phê duyệt BCNCKT, TCKT chi tiết, dự toán chi tiết. Đang trong quá trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu. Triển khai năm 2015 - 2016.
5	Mua sắm mới giải pháp quản trị nhân sự tổng thể	Dự án đang trong quá trình xây dựng và phê duyệt Tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết. Triển khai năm 2015-2016.
6	Đầu tư và xây dựng Trung tâm dữ liệu mới theo tiêu chuẩn TIER 3	Dự án đang thực hiện xây dựng Tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết và trình phê duyệt. Dự kiến triển khai 2015-2016.
7	Chuyển đổi hệ thống Corebanking	Dự án đang thực hiện xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi trình các cơ quan quản lý phê duyệt. Dự kiến triển khai 2016-2018.

Nguồn: BIDV

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2013 - 2014

Bảng 32: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013		2014	
	Giá trị	% Tăng giảm	Giá trị	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	548.386	13,1%	650.340	19%
Tổng thu nhập hoạt động	19.164	15%	21.907	14%
Thuế và các khoản phải nộp	1.675	8,9%	1.795	7,1%
Lợi nhuận trước thuế	5.290	22,3%	6.297	19%
Lợi nhuận sau thuế	4.051	57,6%	4.985	23%

Kết quả hoạt động kinh doanh: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2014 đạt 6.297 tỷ đồng, và tổng thu nhập hoạt động của BIDV là 21.907 tỷ đồng. Nhìn chung, hiệu quả kinh doanh của BIDV tăng trưởng ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2014 hoàn thành 105% chỉ tiêu đề ra, đảm bảo thực hiện trích lập đủ dự phòng rủi ro, và các mục tiêu đề ra (thu nhập của người lao động, quyền lợi cho cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước). Trong đó, BIDV duy trì

luôn đảm bảo các chỉ tiêu an toàn hệ thống, kiểm toán và định hàng tín nhiệm quốc tế: Hệ số tỷ lệ an toàn vốn (CAR) luôn duy trì >9% theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, các chỉ tiêu an toàn thanh khoản đều đảm bảo đúng quy định.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo

Thuận lợi trong hoạt động kinh doanh

Môi trường vĩ mô thuận lợi

Năm 2014, cùng với đà khởi sắc của kinh tế thế giới, với việc triển khai quyết liệt các giải pháp chỉ đạo điều hành đúng hướng, kịp thời, Việt Nam cũng đã đạt được những thành quả đáng khích lệ: kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng cao hơn năm 2013, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp trong vòng 10 năm, mức sống và thu nhập của người dân được nâng cao, tiến trình thực hiện đột phá chiến lược và tái cơ cấu nền kinh tế đang được thúc đẩy. Cùng với đó, môi trường kinh doanh Việt Nam đã ghi nhận những cải thiện đáng kể, chỉ số cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam theo Báo cáo Cạnh tranh toàn cầu (GCR) của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) đã ghi nhận mức độ cạnh tranh của Việt Nam được cải thiện, tăng 7 bậc so với báo cáo năm 2012 – 2013 xếp ở vị trí 68/148 nền kinh tế, đồng thời, theo Báo cáo cập nhật về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2014, Việt Nam xếp hạng 78/189 nước, tăng 21 bậc về mức độ thuận lợi kinh doanh so với năm 2013. Với những tiến triển đó, Việt Nam được ghi nhận là một trong những nền kinh tế mới nổi hấp dẫn nhất với các nhà đầu tư, đặc biệt nhà đầu tư nước ngoài. Sự khởi sắc về môi trường vĩ mô chung đã tạo thuận lợi cho hoạt động của hệ thống TCTD trong đó có BIDV.

Môi trường ngân hàng ổn định, phát triển theo chuẩn mực hiện đại

Cùng với sự cải thiện tích cực của môi trường vĩ mô, môi trường hoạt động ngân hàng ngày càng ổn định, an toàn hệ thống được đảm bảo, hoạt động và quản trị theo hướng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế. Sự điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt của NHNN đã góp phần ổn định vĩ mô và thị trường tài chính ngân hàng, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của hệ thống TCTD nói chung và BIDV nói riêng thuận lợi hơn.

Việc sử dụng các công cụ thị trường tiền tệ, đặc biệt là công cụ nghiệp vụ thị trường mở (OMO) một mặt vừa đảm bảo thanh khoản cho hệ thống ngân hàng trong đó có BIDV (lãi suất trên thị trường liên ngân hàng từ 13-14%/năm cuối năm 2011 xuống 5-6%/năm cuối năm 2012 và đến thời điểm cuối năm 2014 còn khoảng 3-4,5%/năm đối với các kỳ hạn dưới 3 tháng), mặt khác, đây cũng là kênh tạo thu nhập hiệu quả cho BIDV trong giai đoạn hoạt động tín dụng tăng trưởng khó khăn với vai trò là ngân hàng cho vay trên thị trường liên ngân hàng. Công tác điều hành tỷ giá linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường giúp ổn định giá trị đồng nội tệ, thị trường vàng được quản lý chặt chẽ và lạm phát được kiểm chế ở mức thấp đã tạo thuận lợi cho BIDV trong hoạt động huy động vốn, từ đó, thanh khoản toàn hệ thống luôn được đảm bảo. Về lãi suất, lãi suất được điều hành ở mức hợp lý (từ mức lãi suất huy động và lãi suất cho vay dao động trong khoảng lần lượt là 14-15% và 17-18%/năm vào thời điểm 2011, đến nay con số này đã giảm

manh xuống khoảng 5,5-7% và 9-11%/năm) đã tạo điều kiện cho TCTD giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khôi phục sản xuất thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Sự ra đời của Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 đã tạo nên những chuẩn mực mới về quản trị, an toàn hoạt động ngân hàng mới phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát hệ thống ngân hàng trong giai đoạn phát triển mới, từng bước đưa hệ thống ngân hàng Việt Nam hoạt động an toàn, lành mạnh và hiệu quả hơn, góp phần vào sự phát triển KT-XH của đất nước. Các yếu tố này đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho BIDV trong tiếp cận và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng với khách hàng.

Với sự phát triển ổn định của hệ thống và sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của NHNN, các NHTM trong đó có vai trò tiên phong của BIDV đã và đang đồng hành cùng doanh nghiệp trong cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vốn vay, xem xét cho vay mới đối với các nhu cầu vốn vay có hiệu quả và đảm bảo khả năng trả nợ, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên như: thủy sản, nhà ở xã hội, xuất khẩu nông sản, DN vừa và nhỏ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao..., trong đó, một số gói tín dụng nổi bật như: cho vay nhà ở xã hội 30.000 tỷ đồng, tín dụng liên kết 4 nhà, chương trình thu mua tạm trữ lúa gạo, gói tín dụng phát triển thủy sản theo Nghị định 67....

Triển vọng phát triển vững mạnh của BIDV

- BIDV là định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam với uy tín lớn, lịch sử lâu đời, nền tảng khách hàng vững mạnh

Là một trong những ngân hàng có lịch sử lâu đời nhất Việt Nam với gần 60 năm hoạt động và phát triển, BIDV đang hoạt động theo mô hình NHTM cổ phần (IPO thành công vào tháng 12/2011) có cổ phiếu niêm yết trên sàn HOSE (ngày 24/1/2014). Cùng với chiều dài lịch sử phát triển, BIDV được thị trường ghi nhận là một trong những NHTM có uy tín, quy mô, chất lượng hàng đầu tại Việt Nam với nền tảng khách hàng vững mạnh không chỉ các Tập đoàn, Tổng công ty hàng đầu Việt Nam như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Hàng Không Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam,... mà còn hệ thống khách hàng cá nhân, các hộ gia đình ngày càng đông đảo, chất lượng cao. Đây được coi là nền tảng thuận lợi để nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút, mở rộng, đa dạng hóa khách hàng.

- Tiềm năng phát triển mảng ngân hàng bán lẻ

Với quy mô dân số hơn 91 triệu dân nhưng tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chỉ ở mức 12% và tỷ lệ dân số sử dụng dịch vụ ngân hàng là 22%. Theo đó, tiềm năng phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam là rất lớn và đang là một trong những động lực chính với sự tăng trưởng của BIDV. Với mạng lưới các chi nhánh rộng khắp phủ kín 63 tỉnh thành phố trong cả nước và hàng nghìn máy ATM, POS, hiện nay BIDV là một trong bốn NHTM có mạng lưới rộng nhất trong hệ thống. Điều này giúp BIDV tiếp cận, phát triển một số lượng lớn khách hàng và các dịch

vụ ngân hàng bán lẻ trên toàn quốc tới nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình doanh nghiệp.

- Hoạt động của BIDV đang hướng đến chuẩn mực, thông lệ quốc tế

Bám sát chiến lược kinh doanh, BIDV đã và đang đẩy mạnh hoàn thiện thể chế; tái cơ cấu hoạt động, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp; công tác quản trị rủi ro, kiểm tra, giám sát và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đáp ứng chuẩn mực về quản trị rủi ro theo Basel II vào năm 2015. Nhờ đó hoạt động kinh doanh của BIDV ngày càng ổn định và phát triển bền vững hơn, đây cũng là nền tảng để BIDV có thể phản ứng kịp thời và chống đỡ tốt hơn với các biến động của môi trường kinh doanh.

Khó khăn trong hoạt động kinh doanh

Diễn biến không thuận của nền kinh tế và ngành ngân hàng

Sau những biến động của nền kinh tế giai đoạn trước, từ năm 2012 đến nay, tuy nền kinh tế có một số chuyển biến tích cực về tình hình vĩ mô như tỷ giá cơ bản ổn định, dự trữ ngoại hối dồi dào (hiện nay hơn 35 tỷ USD), lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, bên cạnh đó Chính phủ có nhiều biện pháp từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường (Nghị quyết 01/2013/NQ-CP và 02/2013/NQ-CP; Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 02/1/2014; Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 03/01/2015...) song nền kinh tế vẫn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức: sức cầu nền kinh tế yếu, tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng chưa cao, nợ công cao đi kèm với thâm hụt ngân sách ở mức cao, tiến trình xử lý nợ xấu còn nhiều bất cập.

Với ngành ngân hàng, sự phục hồi của các doanh nghiệp diễn ra chậm, hoạt động của các doanh nghiệp khó khăn kéo theo 2 vấn đề đối với BIDV là (i) nhu cầu tín dụng và các dịch vụ ngân hàng (thanh toán, bảo lãnh...) tăng chậm lại và (ii) ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng. Tỷ lệ nợ xấu toàn ngành trong quý I/2015 đã tăng so với thời điểm cuối năm 2014 (tháng 12/2014: 3,25%; tháng 1: 3,46%; tháng 2: 3,59%). Tiến độ xử lý nợ xấu diễn ra chậm chạp do nhiều nguyên nhân: vấn đề về pháp lý dẫn đến khó khăn trong xử lý tài sản đảm bảo, thị trường mua bán nợ của Việt Nam chưa phát triển, chưa có quy định về giá cả đối với việc mua, bán nợ xấu, chưa khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài, VAMC chủ yếu vẫn đóng vai trò quản lý hộ nợ xấu của các TCTD mà chưa xử lý dứt điểm được nợ xấu (Tính đến ngày 23/12/2014, VAMC chỉ xử lý được 4.000/123.000 tỷ đồng nợ xấu đã mua, chiếm 3,25%). Hậu quả là tăng trưởng tín dụng của BIDV trong giai đoạn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ nợ xấu mặc dù đã giảm song vẫn cao so với một số NHTMCP. Bên cạnh đó, chênh lệch lãi suất đầu ra - đầu vào bị thu hẹp đã ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của BIDV. Mặt khác hiện nay BIDV đang chủ động xử lý nợ xấu bằng nguồn từ quỹ DPRR nên cũng đã ảnh hưởng đến thu nhập của ngân hàng.

Áp lực cạnh tranh ngày càng lớn

Tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng của ngành tài chính ngân hàng, sự phát triển ngày càng đa dạng các loại hình tổ chức tín dụng và các nghiệp vụ ngân hàng đã và đang tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt với toàn hệ thống nói chung và BIDV nói riêng. Riêng trong hệ thống

các NHTM, trong vài năm trở lại đây, nhiều chỉ tiêu tăng trưởng của khối NHTMCP và khối các ngân hàng nước ngoài đã đạt mức cao hơn toàn hệ thống và cao hơn NHTM Nhà nước. Năm 2014, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của khối ngân hàng nước ngoài và liên doanh đạt mức cao nhất là 30,7%, nhóm NHTMCP là 12,27% trong khi của nhóm NHTM Nhà nước là chỉ 9,89%; tăng trưởng vốn tự có khối ngân hàng nước ngoài và liên doanh cũng đạt mức cao nhất với 7,94%, cao hơn tốc độ tăng vốn tự có toàn hệ thống (4,36%), nhóm các NHTMCP tăng 3% và nhóm các NHTM Nhà nước chỉ tăng 1,03%.

Với việc cơ cấu lại hệ thống 18 công ty tài chính, 12 công ty cho thuê tài chính, 1 QTDND TW, hơn 1000 QTDND cơ sở và 1 tổ chức tài chính vi mô cùng với hội nhập trong lĩnh vực tài chính ngân hàng theo cam kết WTO, AEC diễn ra mạnh mẽ. Bên cạnh thuận lợi về thu hút nguồn nhân lực và xu hướng tự do di chuyển dòng vốn, thị trường mở rộng hơn, các sản phẩm dịch vụ ngân hàng sẽ đa dạng hơn song song các ngân hàng Việt nam trong đó có BIDV cũng sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt và trực tiếp đến từ các NH trong khu vực, đặc biệt về dịch vụ thanh toán, tín dụng tiêu dùng, bán lẻ...

9. Vị thế của BIDV so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của BIDV trong ngành

Trải qua 58 năm hoạt động và phát triển, BIDV đã đạt được những thành quả đáng tự hào và luôn là một trong các ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam. Với nền tảng khách hàng vững chắc: BIDV là NHTM lâu đời nhất tại Việt Nam với thế mạnh về hoạt động ngân hàng “bán buôn” (khách hàng doanh nghiệp) bên cạnh nền khách hàng cá nhân rộng lớn, là điều kiện thuận lợi trong việc bán chéo các sản phẩm tài chính cho cả khối khách hàng doanh nghiệp và cá nhân và phát triển mối quan hệ đối tác thuận lợi hơn so với đối thủ cạnh tranh. Bên cạnh đó, BIDV đi tiên phong trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động kinh doanh và minh bạch tài chính: (i) Là NHTM Việt Nam đầu tiên nhận danh hiệu “Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí International Banker trao tặng; (ii) Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng cung cấp nghiên cứu về thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Asiamoney trao tặng; (iii) Giải thưởng “Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt nam” do Tạp chí The Asian Banker trao tặng. Không chỉ phát triển các sản phẩm nội địa, trong năm 2014, BIDV còn đi đầu trong việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư ra nước ngoài. BIDV đã chủ động hội nhập vào thị trường tài chính quốc tế, tăng cường hợp tác với các đối tác trên thế giới như tích cực phát huy vai trò Chủ tịch Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào, Campuchia, Myanmar; mở rộng hoạt động quảng bá xúc tiến đầu tư thương mại tại các thị trường tiềm năng như Liên bang Nga, Châu Âu, Đông Bắc Á; trong đó đạt được những bước tiến quan trọng trong việc thâm nhập, kết nối thị trường Nhật Bản-Việt Nam; hợp tác với Tập đoàn Bảo hiểm nhân thọ Hoa Kỳ Metlife thành lập Liên doanh bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.

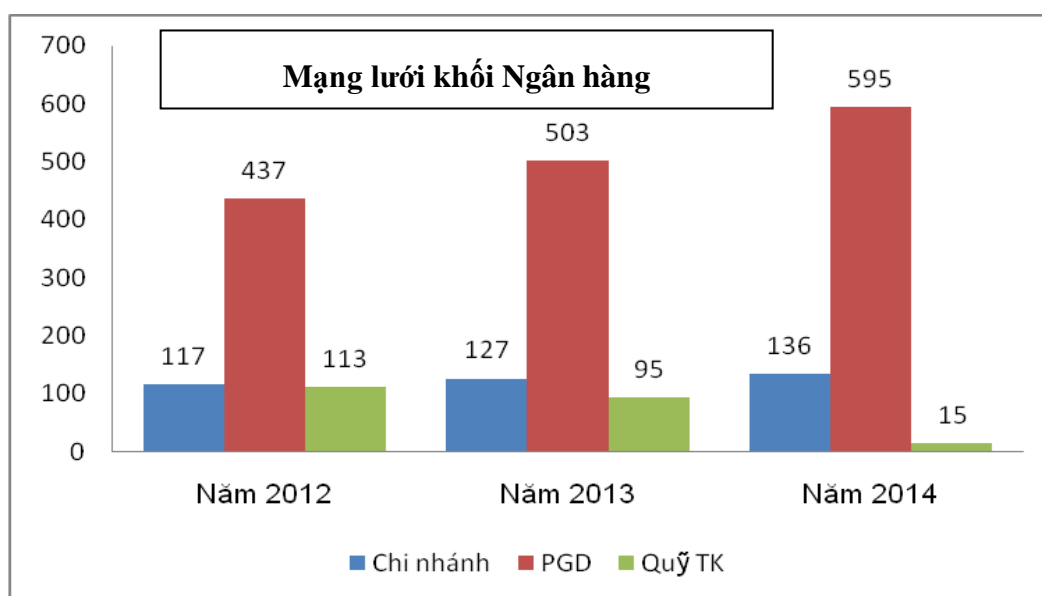
Vị thế của BIDV trong ngành được thể hiện cụ thể qua các mặt sau:

Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch

Tính đến thời điểm 31/12/2014, chỉ tính riêng trong khối Ngân hàng, mạng lưới hoạt động của BIDV gồm Hội sở chính và 136 chi nhánh (bao gồm 01 Sở Giao dịch), 595 Phòng giao dịch, 15 Quỹ tiết kiệm, và 01 Điểm giao dịch; Trường Đào tạo Cán bộ BIDV, Trung tâm Công

nghe Thông tin; các Văn phòng đại diện (VPĐD tại Tp. Hồ Chí Minh, VPĐD tại Đà Nẵng, VPĐD tại Campuchia, VPĐD tại Myanmar, VPĐD tại Lào và VPĐD tại Séc). Mạng lưới chi nhánh rộng khắp giúp BIDV tiếp cận một số lượng lớn khách hàng trên toàn quốc, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình doanh nghiệp. BIDV dự kiến trong tương lai sẽ tiếp tục thành lập thêm các hiện diện thương mại tại một số nước Châu Âu để phục vụ các doanh nghiệp của Việt Nam hoạt động tại các thị trường này.

4: Mạng lưới khối ngân hàng của BIDV trong theo năm



Cùng với tăng trưởng về số lượng, chất lượng hoạt động của các điểm mạng lưới cũng được BIDV đặt lên hàng đầu với phương châm “Hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động”. Ngoài ra, BIDV chú trọng phát triển mạng lưới hướng tới đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng bán lẻ, tập trung ưu tiên phát triển các điểm mạng lưới tại các khu vực trọng điểm phía Bắc và phía Nam (đặc biệt là TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh), từng bước hình thành mạng lưới Phòng giao dịch chuyên phục vụ khách hàng cá nhân.

Với các đơn vị công ty con, đơn vị liên doanh và liên kết hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, quản lý quỹ..., BIDV đang hướng tới mô hình một tập đoàn tài chính đa năng, đáp ứng nhu cầu phát triển trong quá trình hội nhập với thế giới của kinh tế Việt Nam:

- *Khối Công ty con (06 đơn vị) bao gồm:* Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC), Công ty Cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên BIDV (BLC), Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC), Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt, và Công ty TNHH BIDV Quốc tế tại Hong Kong (BIDVI).
- *Khối liên doanh (06 đơn vị) bao gồm:* Ngân hàng liên doanh VID Public Bank (VPB), Ngân hàng liên doanh Việt-Nga (VRB), Công ty liên doanh quản lý đầu tư BIDV-Việt Nam Partners (BVIM), Ngân hàng liên doanh Lào – Việt (LVB),

Công ty liên doanh Tháp BIDV, và Công ty liên doanh BIDV Metlife.

- *Khỏi các đơn vị liên kết (01 đơn vị):* Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC).

33: Mạng lưới của một số NHTM lớn của Việt Nam tính đến 31/12/2014

STT	Ngân hàng	Số lượng
1	Agribank	2.300 chi nhánh và phòng giao dịch
2	Vietinbank	153 chi nhánh và trên 1.000 phòng giao dịch/quỹ Tiết kiệm
3	BIDV	136 chi nhánh và 611 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm/điểm giao dịch
4	Vietcombank	80 chi nhánh và 333 phòng giao dịch
5	ACB	81 chi nhánh và 265 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm
6	Eximbank	42 chi nhánh, 164 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm
7	Techcombank	315 chi nhánh và phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm

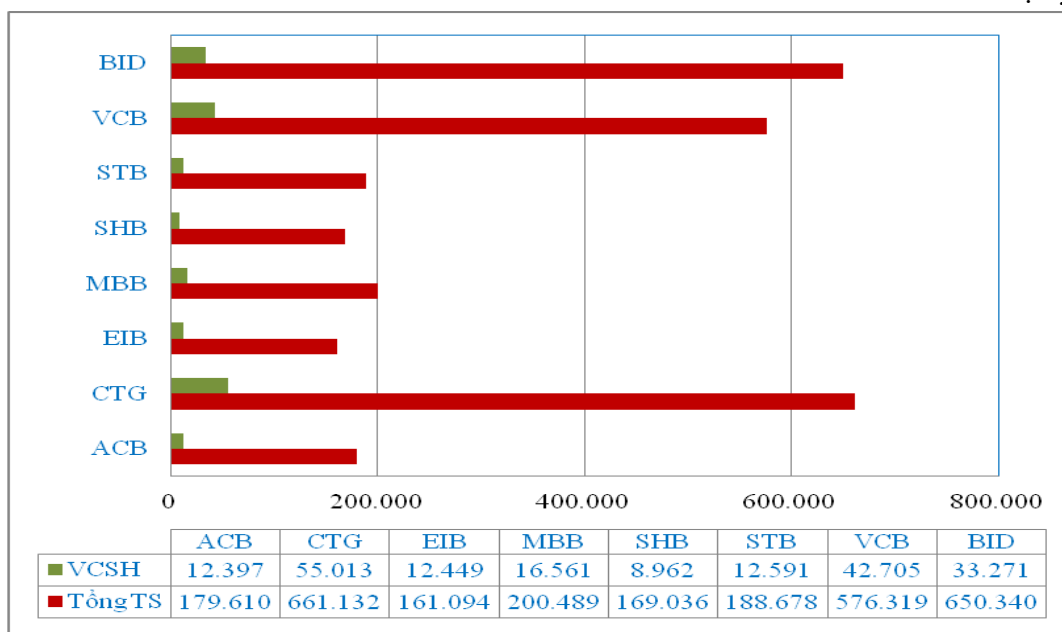
Nguồn: BIDV tổng hợp

Quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Với vị thế là ngân hàng lớn thứ hai trong số các NHTMCP Việt Nam về quy mô tổng tài sản và đứng thứ ba về quy mô vốn chủ sở hữu (số liệu tại thời điểm 31/12/2014), BIDV có tiềm lực tài chính mạnh mẽ để đầu tư cho các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, với vai trò là ngân hàng có sở hữu nhà nước lớn thứ 3 tại Việt Nam, BIDV sẽ có lợi thế từ tâm lý hướng về nơi an toàn hơn khi có những cú sốc lớn từ môi trường kinh doanh.

5: Quy mô Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu của một số NHTM tại 31/12/2014

Đơn vị: tỷ đồng



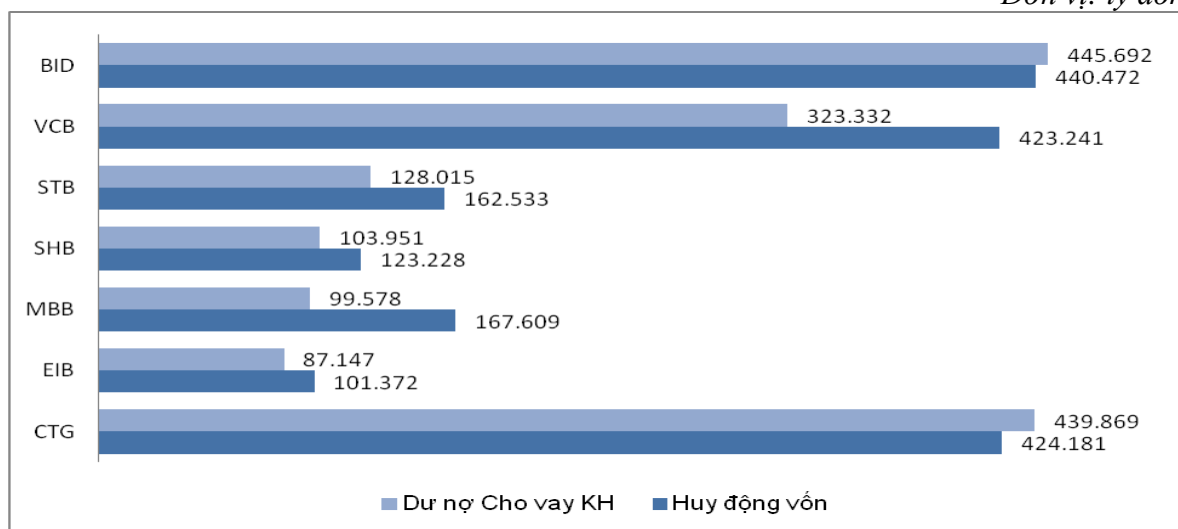
Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 của các ngân hàng

Chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh chính

Trong năm 2014, nguồn vốn huy động của BIDV tăng trưởng tốt, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo an toàn thanh khoản hệ thống. Cụ thể huy động vốn của các TCTD và dân cư đạt 502 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2012. Cơ cấu nguồn vốn cải thiện theo hướng gia tăng tính ổn định, bền vững, và tăng tỷ trọng tiền gửi dân cư.

6: Quy mô Dư nợ và Huy động vốn của một số Ngân hàng TMCP

Đơn vị: tỷ đồng

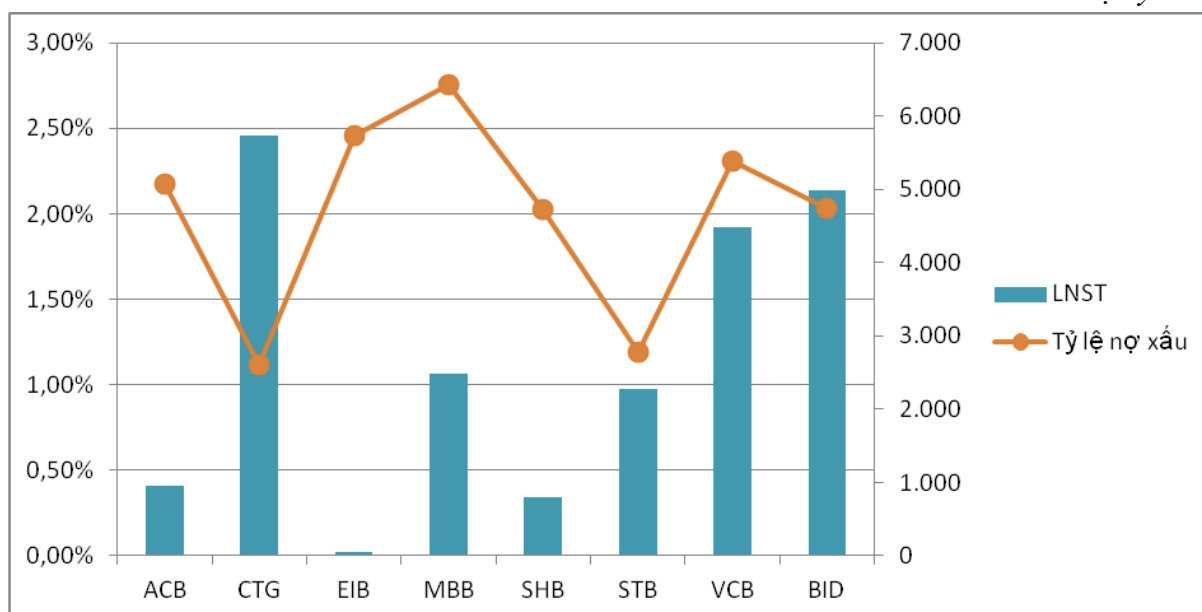



Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất của các ngân hàng tại 31/12/2014

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô huy động vốn và quy mô dư nợ, BIDV cũng là một trong những ngân hàng tốt nhất về chất lượng và hiệu quả kinh doanh trong hệ thống. Số liệu năm 2014 cho thấy hiện nay, BIDV đang đứng thứ ba trong hệ thống về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và thứ hai trong nhóm 4 ngân hàng lớn nhất về chất lượng tín dụng.

7: Lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ nợ xấu của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2014

Đơn vị: tỷ đồng



 **Hệ thống công nghệ thông tin**

Chiến lược kinh doanh của BIDV luôn xác định công nghệ thông tin (CNTT) là một trong bốn đột phá chiến lược phát triển: “Nâng cao năng lực khai thác, ứng dụng, công nghệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tạo sự đột phá, giải phóng sức lao động, tăng tính lan tỏa của khoa học công nghệ tới mọi hoạt động kinh doanh của BIDV”. Theo đó, BIDV không ngừng tích cực triển khai các dự án hiện đại hóa, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng CNTT.

Hệ thống CNTT của BIDV vận hành ổn định, và liên tục, có khả năng xử lý 3-5 triệu giao dịch/ngày, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống BIDV. Hệ thống an ninh bảo mật được triển khai đồng bộ đảm bảo an ninh đối với hoạt động CNTT và hoạt động ngân hàng.

BIDV xây dựng và phát triển các kênh phân phối hiện đại đáp ứng nhu cầu cung ứng sản phẩm dịch vụ trong và ngoài nước. Hệ thống thanh toán trong/ngoài nước được đánh giá tốt nhất trong hệ thống các Ngân hàng thương mại với các kết nối với tất cả các hệ thống thanh toán lớn và thông dụng trong nước và quốc tế (IBPS, TTBT, TTSP/TTDP, VCB Money, Swift), đặc biệt BIDV đã tự phát triển hệ thống TTSP/TTDP kết nối với hơn 20 ngân hàng trong nước đáp ứng yêu cầu hoạt động một cách hiệu quả.

 **Định hạng tín nhiệm quốc tế**

Năm 2014 là năm thứ 9 BIDV được tổ chức định hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s và năm thứ 5 được tổ chức định hạng quốc tế Standard & Poor’s định hạng. Các kết quả cho thấy hoạt động của BIDV công khai, minh bạch, an toàn và hướng theo thông lệ, các chỉ số tín nhiệm tiếp tục được duy trì.

Theo công bố mới nhất ngày 22/09/2014, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody’s đã nâng bậc xếp hạng tín nhiệm đối với tiền gửi ngoại tệ và nội tệ dài hạn và xếp hạng nhà phát hành của BIDV thêm 1 bậc so với năm 2013, cụ thể như sau:

<i>Hạng mục</i>	<i>Định hạng của Moody’s</i>
Triển vọng	Ổn định
Định hạng năng lực độc lập	E
Định hạng tiền gửi nội tệ dài hạn	B1
Định hạng tiền gửi ngoại tệ dài hạn	B2
Định hạng nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ	B1
Đánh giá rủi ro cơ sở	Caa1
Đánh giá rủi ro cơ sở điều chỉnh	Caa1

Ngày 29/08/2014, Standard & Poor’s (S&P) công bố kết quả định hạng tín nhiệm của BIDV năm 2014 được giữ nguyên với triển vọng chung ở mức ổn định, cụ thể:

<i>Hạng mục</i>	<i>Định hạng của S&P</i>
Triển vọng	Ổn định
Định hạng nhà phát hành dài hạn	B+
Định hạng nhà phát hành ngắn hạn	B
Năng lực độc lập	B+

Theo S&P, kết quả định hạng của BIDV phản ánh vị thế doanh nghiệp ở mức "mạnh", định vị rủi ro ở mức vừa phải, khả năng huy động ở mức "trung bình", có lợi thế trong việc tiếp cận các nguồn vốn từ Chính phủ cũng như nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án phát triển từ các tổ chức quốc tế.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

📌 Triển vọng kinh tế thế giới giai đoạn 2016-2020

Kinh tế thế giới giai đoạn 2016-2020 được dự báo sẽ có xu hướng tiếp tục hồi phục. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu bình quân dự kiến đạt trên 4%/năm trong giai đoạn 2016-2020 (GDP bình quân giai đoạn 2011-2015 là 3,6%/năm), chủ yếu là nhờ sự hồi phục mạnh mẽ của các nước phát triển. Lạm phát toàn cầu, theo IMF, ở mức bình quân 3,7% trong giai đoạn 2016-2020, thấp hơn đáng kể so với mức 4,2% của giai đoạn 2011-2015. Giá cả của hầu hết các mặt hàng đều có xu hướng giảm.

Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016-2020 được dự báo sẽ có triển vọng tích cực. Cụ thể: (i) Tăng trưởng kinh tế dần phục hồi (Chính phủ đặt mục tiêu GDP bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng từ 6,5-7%/năm), (ii) lạm phát được kiểm soát hợp lý (mục tiêu <5%), (iii) hoạt động đầu tư sôi động trở lại; (iv) Những kết quả bước đầu của tái cơ cấu nền kinh tế đã tạo ra những chuyển biến mới đối với nền kinh tế; (iii) Nền kinh tế chuyển dần từ mô hình phát triển theo chiều rộng sang mô hình phát triển theo chiều sâu, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp và dịch vụ.

📌 Triển vọng phát triển ngành ngân hàng giai đoạn 2016-2010

Triển vọng phát triển ngành ngân hàng Việt Nam được đánh giá là tích cực. Cơ sở cho triển vọng này là: (i) chính trị tiếp tục ổn định, (ii) thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn, (iii) nền tảng kinh tế vĩ mô trong những năm tới nhiều khả năng tiếp tục ổn định, (iii) định hướng và chính sách phát triển ngành của NHNN đúng đắn, phù hợp và đáp ứng được kỳ vọng thị trường; (iv) môi trường kinh doanh ngân hàng được cải thiện hơn nhờ những giải pháp hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng như các giải pháp xử lý nợ xấu của Chính phủ và NHNN dần phát huy hiệu quả...

Trên cơ sở triển vọng tích cực, có thể xác định một số nét chính trong xu hướng phát triển ngành giai đoạn tới như sau:

- **Chính sách tiền tệ theo hướng linh hoạt, hỗ trợ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô:** CSTT tiếp tục được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Một số chỉ tiêu lớn có thể dự báo như sau: (i) Tăng trưởng tín dụng: 11-13%/năm; (ii) Tăng trưởng cung tiền: 15-17%/năm; (iii) Tỷ lệ nợ xấu: <3%.

- **Hệ thống ngân hàng sẽ hoạt động ổn định và lành mạnh hơn:** theo đó các ngân hàng sẽ tiếp tục phát triển theo hướng đa năng, hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả với cấu trúc hợp lý hơn, có khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế và dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nền kinh tế. Bên cạnh đó, hoạt động tái cấu trúc hệ thống các NHTM thông qua M&A sẽ giúp sàng lọc các ngân hàng yếu kém, chỉ giữ lại những ngân hàng đạt quy mô, trình độ nhất định. Qua đó số lượng các ngân hàng trong hệ thống giảm bớt, hoạt động hệ thống sẽ ổn định, bền vững hơn và đặc biệt là hình thành những ngân hàng chủ chốt có tầm vóc khu vực. Ngoài ra, NHNN đang triển khai áp dụng các quy định về an toàn hoạt động đối với các NHTM ngày càng chặt chẽ, hướng theo chuẩn mực thông lệ quốc tế hơn. Nhờ đó hoạt động của các ngân hàng sẽ ngày càng chặt chẽ, chuẩn mực và hướng theo thông lệ hơn.
- **Tăng trưởng theo xu hướng bền vững hơn với động lực từ mảng thị trường bán lẻ, SMEs và dịch vụ số:** Với kỳ vọng tăng trưởng GDP tiếp tục được cải thiện, nợ xấu, lãi suất, tỷ giá được kiểm soát tốt, tăng trưởng ngành ngân hàng được dự báo sẽ từng bước lấy lại đà tích cực và theo xu hướng bền vững hơn. Động lực cho tăng trưởng là mảng thị trường bán lẻ đang được các ngân hàng chú trọng khai thác và bên cạnh đó là mảng thị trường phục vụ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra, các ngân hàng cũng sẽ chú trọng đầu tư để mở rộng cung cấp các sản phẩm ngân hàng điện tử nhằm đón đầu xu hướng ngành ngân hàng thế giới. Để khai thác tốt các mảng thị trường này, các ngân hàng cũng sẽ chú trọng trong đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục điều chỉnh hoàn thiện mô hình tổ chức và đặc biệt là nâng cao năng lực quản trị rủi ro.
- **Cạnh tranh sẽ ngày càng gia tăng hơn với áp lực đến từ cả trong nước và ngoài nước:** trước hết đối với trong nước, xu hướng tái cơ cấu hệ thống ngân hàng một mặt giúp số lượng ngân hàng giảm bớt, loại bỏ bớt các ngân hàng yếu kém, tăng cường quy mô và năng lực hoạt động các ngân hàng, nhưng mặt khác cũng qua đó khiến mức độ cạnh tranh giữa các ngân hàng trong nước vốn đã gay gắt lại càng gay gắt và trực tiếp hơn. Không chỉ cạnh tranh giữa các NHTM với nhau, hiện nay các công ty thanh toán quốc tế trực tuyến đang phát triển cùng với xu hướng phát triển thương mại điện tử, các công ty chứng khoán có một số nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, trong thời gian tới những công ty này có thể trở thành đối thủ cạnh tranh của các NHTM trong mảng dịch vụ thanh toán, ngân hàng đầu tư... Đối với cạnh tranh từ nước ngoài, trong xu thế hội nhập và hợp tác kinh tế sâu rộng giữa các nước và các khu vực, Việt Nam đang tích cực đàm phán, cải cách thể chế chuẩn bị cho việc hội nhập sâu rộng vào các nền kinh tế thế giới. Hiện nay, Việt Nam đang tiến hành đàm phán 3 Hiệp định thương mại tự do (FTA) gồm TPP, Việt Nam - EU (EVFTA), Việt Nam - Liên minh Hải quan Nga, Belarus, Kazakhstan (VCUFTA) và cùng với khối ASEAN thực hiện lộ trình hình thành cộng đồng kinh tế AEC. Theo tiến độ hiện tại thì nhiều khả năng các Hiệp định sẽ được chính thức ký kết vào năm 2015. Như vậy, trong tương lai gần, nền kinh tế Việt Nam sẽ hoạt động trong phạm vi tự do hóa ở mức độ rộng nhất. Trong lĩnh vực ngân hàng, các điều kiện tiếp cận thị trường sẽ dần được xóa bỏ, tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng và hết sức khốc liệt đối với các NHTM nội địa. Sự

hiện diện của các ngân hàng và chi nhánh của ngân hàng nước ngoài làm tăng tính cạnh tranh. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay, nội lực của các ngân hàng Việt Nam còn hạn chế, sự thâm nhập của các ngân hàng nước ngoài với thế mạnh về tiềm lực tài chính, khả năng quản trị chuyên nghiệp, đa dạng về sản phẩm sẽ tạo sức ép lớn đối với khối ngân hàng nội địa, dẫn đến nguy cơ mất thị phần nội địa tăng cao.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của BIDV với định hướng của ngành

Trên cơ sở rà soát, đánh giá môi trường kinh doanh và định hướng phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam, BIDV xác định định hướng chiến lược phát triển đến năm 2020 trở thành Tập đoàn Tài chính Ngân hàng có chất lượng, hiệu quả, uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Trong đó, giai đoạn 2013-2015 tập trung vào tái cơ cấu toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả và chất lượng; chủ động kiểm soát rủi ro và tăng trưởng bền vững.

BIDV đặt ra 10 mục tiêu ưu tiên cần phải đạt được, trong đó, mục tiêu hoàn thiện mô hình tổ chức tăng cường năng lực điều hành các cấp, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao năng lực khai thác ứng dụng CNTT được xem là những yếu tố có thể giúp BIDV tạo nên đột phá chiến lược và sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh. Cụ thể:

- ❖ Hoàn thành kế hoạch Cổ phần hóa BIDV (cấu phần bán chiến lược) và hướng đến xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức quản trị, tăng cường năng lực điều hành các cấp.
- ❖ Tập trung tái cơ cấu toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng; chủ động kiểm soát rủi ro và tăng trưởng bền vững;
- ❖ Cấu trúc lại hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết; cơ cấu danh mục đầu tư tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính;
- ❖ Duy trì và phát triển vị thế, tầm ảnh hưởng của BIDV trên thị trường tài chính, nỗ lực tiên phong thực thi có hiệu quả chính sách tiền tệ quốc gia;
- ❖ Nâng cao năng lực Quản trị rủi ro; chủ động áp dụng và quản lý theo các thông lệ tốt nhất phù hợp với thực tiễn kinh doanh tại Việt Nam;
- ❖ Phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ, nắm giữ thị phần lớn thứ 2 trên thị trường về dư nợ tín dụng, huy động vốn và dịch vụ bán lẻ;
- ❖ Nâng cao năng lực khai thác ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh, tạo đột phá để tăng hiệu quả, năng suất lao động;
- ❖ Phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, lực lượng chuyên gia, nâng cao năng suất lao động;
- ❖ Phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm tốt nhất tại Việt Nam bởi các tổ chức định hạng tín nhiệm quốc tế;
- ❖ Bảo vệ, duy trì và phát huy giá trị cốt lõi; Xây dựng văn hoá Doanh nghiệp và phát triển thương hiệu BIDV;


Định hướng phát triển của BIDV là hoàn toàn phù hợp với chính sách điều hành của Chính phủ và định hướng tái cơ cấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam. BIDV tin rằng với những định hướng chiến lược này BIDV sẽ đạt được những thành công trong cạnh tranh cũng như đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong giai đoạn tới.


10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu lao động


Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, BIDV có tổng số 19.130 nhân viên, trong đó có trình độ đại học trở lên chiếm 87,44%, trình độ cao đẳng chiếm 2,73%, và 9,83 % có bằng trung cấp hoặc các bằng khác

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

 **Chính sách tuyển dụng:** Được thực hiện tập trung, đồng bộ, thể hiện tính công khai, minh bạch, thống nhất trong toàn hệ thống, đảm bảo chất lượng thí sinh tuyển dụng phù hợp theo yêu cầu của từng địa bàn. Qua đó, BIDV thu hút được đội ngũ ứng viên có chất lượng cao từ khắp mọi miền của cả nước, tạo ấn tượng tốt đối với xã hội nói chung và thí sinh nói riêng, góp phần quảng bá và nâng cao thương hiệu, hình ảnh BIDV trên thị trường.

 **Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ:**

- Công tác quy hoạch được tiến hành bài bản, đúng các quy định của Đảng và Nhà nước gắn với nhu cầu tạo nguồn phát triển cán bộ để đáp ứng yêu cầu thay thế, mở rộng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong tương lai. Danh sách quy hoạch được bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở theo sát sự phát triển của cán bộ, loại khỏi danh sách quy hoạch những người không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không có triển vọng phát triển, bổ sung vào danh sách những nhân tố mới triển vọng...
- Gắn liền với công tác quy hoạch là công tác bổ nhiệm cán bộ. BIDV triển khai việc bổ nhiệm theo yêu cầu công tác, từng bước xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt nòng cốt, góp phần tích cực vào kết quả thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh doanh của ngân hàng.
- Đặc biệt những năm gần đây, BIDV đã đẩy mạnh công tác luân chuyển, biệt phái cán bộ lãnh đạo giữa Trụ sở chính với các đơn vị thành viên để bổ sung năng lực lãnh đạo cho các đơn vị còn thiếu nguồn cán bộ tại chỗ, kết hợp với việc đào tạo cán bộ cả về kiến thức quản trị hệ thống và kinh nghiệm thực tiễn cơ sở nhằm nâng cao, phát triển toàn diện trình độ, năng lực cán bộ.

 **Chính sách đánh giá cán bộ:**

- Năm 2014, BIDV tiếp tục thực hiện chính sách đánh giá cán bộ lãnh đạo thông

qua hình thức lấy phiếu đánh giá một cách rộng rãi theo các đối tượng liên quan trong hệ thống. Kết quả đánh giá là căn cứ tích cực để góp phần thúc đẩy nâng cao trách nhiệm và vai trò điều hành của Ban lãnh đạo cấp cao và đội ngũ lãnh đạo các cấp của BIDV, đồng thời, phục vụ công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ trước mắt cũng như lâu dài.

- o Bên cạnh đó, công tác đánh giá cán bộ của BIDV cũng đạt bước tiến lớn với việc triển khai thành công các đợt kiểm tra sát hạch nghiệp vụ đối với 5.286 cán bộ, làm cơ sở để các đơn vị thực hiện đánh giá, sắp xếp bố trí cán bộ phù hợp theo năng lực, từng bước áp dụng thành công phương pháp quản trị nhân sự hiện đại trong toàn hệ thống.

Chính sách đào tạo: Năm 2014, công tác đào tạo được đẩy mạnh và tăng cường trong toàn hệ thống. Theo đó, BIDV đã tổ chức được 267 lớp, với 17.124 lượt học viên. Đặc biệt, BIDV đã triển khai thành công Chương trình đào tạo lãnh đạo ngân hàng tương lai khóa 2 – năm 2014 để đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo các cấp cho hệ thống. Công tác đào tạo đã nhận được đánh giá tích cực từ đông đảo học viên và các đơn vị liên quan với kế hoạch đào tạo được đổi mới và ngày càng sát hơn với nhu cầu công việc thực tế, công tác tổ chức bài bản, nội dung đào tạo phong phú, thiết thực cùng với việc ứng dụng các phần mềm trong công tác tổ chức đào tạo.

Chế độ đãi ngộ và khen thưởng: BIDV thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người lao động, tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động trên cơ sở những kết quả công tác xuất sắc, những cống hiến tích cực của người lao động vào kết quả chung. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ của BIDV nhằm tuyên dương và tưởng thưởng xứng đáng với những tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong lao động, có năng suất và hiệu quả công tác cao để người lao động vừa yên tâm công tác, vừa không ngừng nâng cao năng suất lao động, phát huy năng lực bản thân.

11. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của BIDV được dựa trên các yếu tố sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức
- Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

34. Tình hình chi trả cổ tức của BIDV giai đoạn 2012-2014

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2012	10,8%/năm (tương đương với 7,2%/08 tháng tính từ thời điểm chính thức chuyển đổi thành NHTMCP ngày 01/05/2012)	Chi cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 2,27% và chi cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 4,93%

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2013	8,5%/năm	Bằng tiền mặt
2014	10,2%/năm	Bằng tiền mặt, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 17/04/2015

Theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2013 ngày 26/04/2013, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2012 là 10,8% và theo Nghị Quyết HĐQT năm 2014 ngày 23/07/2014, tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt cho năm 2013 là 8,5%/ năm.

12. Tình hình tài chính

35: Chi tiết chỉ tiêu tài chính năm 2013- 2014

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014
1. Vốn tự có	31.322	36.704
Vốn điều lệ	28.112	28.112
Tỷ lệ an toàn vốn	10,26%	9,47%
2. Chất lượng tài sản		
Tỷ lệ nợ xấu	2,37%	2,03%
Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng+các khoản cho vay TCTD khác)/Tổng tài sản	73,8%	70,7%
TS có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	92%	95%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	16,5%	18,9% ⁴
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ /Tổng thu nhập	8,2%	8,2%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	29,6%	28,6%
4. Khả năng thanh khoản		
Tài sản Có thanh toán ngay trên Nợ phải trả ⁵	16,72%	18,88%
Khả năng chi trả trong 7 ngày tới		
VND	2,15	1,58
USD	2,65	1,10
Nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn ⁶	28,8%	28,8%

Nguồn: BIDV tổng hợp

Là một tổ chức tín dụng tại Việt Nam được NHNN cấp phép, BIDV phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn và chịu sự giám sát của NHNN. Nhìn chung trong giai đoạn 2013-2014, BIDV luôn đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn do NHNN quy định bao gồm: (i) Tỷ lệ an

⁴Tính toán theo trailing LNTT/Vốn chủ sở hữu

⁵Tỷ lệ này được tính theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/05/2010 quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng

⁶ Tỷ lệ này được tính theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-NHNN ngày 10/08/2009 quy định về tỉ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn đối với Tổ chức tín dụng

toàn vốn tối thiểu, (ii) Tỷ lệ khả năng chi trả, (iii) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn

Trong giai đoạn 2012 – 2014, BIDV đã có sự tăng trưởng về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể:

- 📌 Tổng nguồn vốn huy động năm 2013 là 467.951 tỷ đồng, tăng 17,2 % so với năm 2012. Trong năm 2014, tổng nguồn vốn huy động tăng 26,1% so với 31/12/2013 đạt 589.856 tỷ đồng. Cơ cấu huy động vốn được dịch chuyển theo hướng ổn định, thông qua việc tăng tỷ trọng huy động tiền gửi khách hàng trong đó tỷ trọng tiền gửi khách hàng thuộc khu vực dân cư có xu hướng tăng dần qua các năm, điều này thể hiện BIDV đang thực hiện thành công chiến lược thu hút vốn theo hướng đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ.
- 📌 Dự nợ tín dụng thời điểm 31/12/2014 là 445.693 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống là 14% trong năm 2014, cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành ngân hàng (khoảng 13%). Tỷ trọng dự nợ trung dài hạn/ tổng dự nợ được duy trì ở mức ổn định (xấp xỉ 42-45% trong giai đoạn 2011 đến 2014) trong đó cơ cấu tín dụng đã và đang chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng tín dụng bán lẻ từ mức 13% năm 2011 lên mức 18% tại 31/12/2014.

Với việc triển khai đồng bộ nhiều biện pháp kiểm soát chặt chẽ rủi ro, chất lượng tín dụng của BIDV tiếp tục được kiểm soát tốt. Tỷ lệ nợ xấu liên tục nằm ở mức <3%. Tại 31/12/2014 tỷ lệ nợ xấu là 2,03%.

13. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

36: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Ông Trần Bắc Hà	Chủ tịch	1956	211455986
2	Ông Hoàng Huy Hà	Ủy viên	1955	024038517
3	Bà Lê Thị Kim Khuyên	Ủy viên	1963	011551703
4	Bà Phan Thị Chinh	Ủy viên	1968	011920202
5	Ông Lê Đào Nguyên	Ủy viên	1956	011432410
6	Ông Phan Đức Tú	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc	1964	211109236
7	Ông Trần Anh Tuấn	Ủy viên	1958	013314650

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
8	Ông Nguyễn Huy Tựa	Ủy viên	1957	011561772
9	Ông Trần Thanh Vân	Ủy viên	1961	200057314
10	Ông Tô Ngọc Hưng	Ủy viên độc lập	1955	010968760
11	Bà Nguyễn Thị Kim Thanh	Ủy viên	1961	010103626

Nguồn: BIDV

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Ông Trần Bắc Hà		CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính		Nam
Ngày tháng năm sinh		19/08/1956
Nơi sinh		Hà Tây
Số CMTND		211455986 do Công An Bình Định cấp ngày 25/12/1998
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Ân Thanh, Hoài Ân, Bình Định
Địa chỉ thường trú		20 Hàng Tre - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04 22200666
Trình độ văn hóa		10/10
Trình độ chuyên môn		Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác		
01/07/1991	: 30/09/1999	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Định
01/10/1999	: 14/05/2003	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/05/2003	: 31/12/2007	Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/01/2008	: 20/10/2011	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC)
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ	1.076.935.437 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 1.076.809.609 cổ phần Cổ phần cá nhân nắm giữ: 125.828 cổ phần
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	Vợ Ngô Kim Lan, CMND số 024017362 sở hữu 0 cổ phần Con Trần Lan Phương, CMND số 023981429 sở hữu 0 cổ phần Con Trần Duy Tùng, CMND số 024017363 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Hoạn, CMND số 220566370 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Huệ, CMND số 211076609 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Minh Ảnh, CMND số 210029469 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Đạt, CMND số 210003426 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Đình Định, CMND số 012999551 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Hoài Nam, CMND số 011768479 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Xuân Dung, CMND số 220702738 sở hữu 0 cổ phần

Ông Hoàng Huy Hà	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	23/05/1955

Nơi sinh	Hà Nội	
Số CMTND	024038517 do Công An TP Hồ Chí Minh cấp ngày 19/1/2010	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Tây	
Địa chỉ thường trú	Trung Hoà, Nhân Chính, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04 22200553	
Trình độ văn hóa	10/10	
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ kinh tế	
Quá trình công tác		
01/01/1997	: 19/10/1999	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương
20/10/1999	: 30/06/2002	Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 2 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển
01/07/2002	: 31/05/2011	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/06/2011	: 20/10/2011	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí.	
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ	65.330 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 Cổ phần cá nhân nắm giữ: 65.330 cổ phần	
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 29 cổ phần Công ty CP Xi măng Quảng Ninh: 21.600 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội: 50 cổ phần	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với BIDV	Không	
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV	

Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	<p>Mẹ Hoàng Thị Thám, CMND số 110047034 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Vợ Nguyễn Thị Lương, CMND số 025028644 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con Hoàng Thị Thu Nga, CMND số 280777573 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con Hoàng Huy Hiệp, CMND số 023937689 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Hoàng Xuân Lễ, CMND số 111213370 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Hoàng Thị Lựu, CMND số 012927440 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Hoàng Huy Đông, CMND số 012420391 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Hoàng Thị Lưu, CMND số 111736976 sở hữu 0 cổ phần</p>

Bà Lê Thị Kim Khuyên	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	09/03/1963
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMTND	011551703 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 19/04/2007
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thành phố Ninh Bình, Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	52 Ngõ 45 Phố Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04.2225339
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
01/10/2002	: 30/04/2005
01/05/2005	: 30/04/2012
01/05/2012	: nay
	<p>Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Nội</p> <p>Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1</p> <p>Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát</p>

	triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính TNHH 01 thành viên BIDV (BLC).
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ	30.828 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 Cổ phần cá nhân nắm giữ: 30.828 cổ phần
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	Công ty Cổ phần tập đoàn công nghệ CMG: 5 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 9 cổ phần : 37.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	Bố Lê Văn Ngự, CMND số 160913389 sở hữu 0 cổ phần Mẹ Trần Thị Thịnh, CMND số 180913417 sở hữu 0 cổ phần Chồng Phạm Văn Hoan, CMND số 012997519 sở hữu 0 cổ phần Con Phạm Ngọc Anh, Hộ chiếu số N1310393 sở hữu 0 cổ phần Con Phạm Anh Trung, CMND số B6205578 sở hữu 0 cổ phần Chị Lê Thị Hải Yến, CMND số 164016392 sở hữu 0 cổ phần Chị Lê Thị Kim Uyên, CMND số 010442860 sở hữu 17.000 cổ phần Em Lê Thị Kim Oanh, CMND số 011582436 sở hữu 0 cổ phần Em Lê Tuấn Minh, CMND số 161743648 sở hữu 0 cổ phần
Bà Phan Thị Chinh	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	06/01/1968

Nơi sinh	Hải Phòng	
Số CMTND	011920202	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Xã Phan Sào Nam – Huyện Phú Cù - Tỉnh Hưng Yên	
Địa chỉ thường trú	Số 2 Ngõ 90 Phố Hoàng Ngân – Phường Trung Hòa – Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	(04) 22.200.446	
Trình độ văn hóa	12/12	
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác		
05/2002	: 02/2003	Trưởng phòng Ban Tài chính kế toán BIDV
03/2003	: 07/2004	Phó Giám đốc Ban Tài chính kế toán BIDV
08/2004	: 05/2007	Giám đốc Ban Tài chính BIDV
06/2007	: 03/2014	Phó Tổng Giám đốc BIDV
04/2014	: nay	Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.	
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Ủy viên HĐQT Công ty liên doanh tháp BIDV	
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ	, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 Cổ phần cá nhân nắm giữ: 26.876 cổ phần	
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	Tổng CTCP Xuất Nhập Khẩu và Xây dựng Việt Nam: 98 cổ phần Tập đoàn Vingroup: 19 cổ phần Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông: 10.000 cổ phần Tổng CTCP Bà ầu tư và Phát triển Việt Nam: 11.030 cổ phần Công ty CP Bao bì Dầu thực vật: 4.700 cổ phần Ngân hàng TMCP Quân đội: 10.000 cổ phần Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 2 cổ phần	

	<p>Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Tân Tạo: 3.000 cổ phần</p> <p>Công ty cổ phần Vincom: 13 cổ phần</p> <p>Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam: 5.000 cổ phần</p> <p>Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 3.000 cổ phần.</p>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	<p>Chồng Đinh Mạnh Tuấn, CMND số 011774333 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con Đinh Nam Hải, CMND số 013314668 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Phan Văn Thủy, CMND số 030880054 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Phan Thị Xinh, CMND số 030141656 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Phan Thị Gái, CMND số 030144714 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Phan Thị Kiên, CMND số 030144715 sở hữu 0 cổ phần</p>

Ông Lê Đào Nguyên	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/04/1956
Nơi sinh	Hà Nội
Số CMTND	011432410 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 20/08/2009
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Gia Hội, Thành phố Huế
Địa chỉ thường trú	Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04 22200556
Trình độ văn hóa	10/10

Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác		
04/1997	: 06/1998	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
15/07/1998	: 05/1999	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
06/1999	: 06/2001	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch I – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
07/2001	: 05/2002	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
06/2002	: 06/2008	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
07/2008	15/10/2010	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
16/10/2010	: 20/10/2011	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2011	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 01 TV Quản lý nợ và Khai thác tài sản (BAMC); - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Myanmar (MIDC); - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC); - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC); - Thành viên HĐQT Công ty TNHH 02 TV Đầu tư Phát triển Quốc tế (IID).
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ		61.276 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 Cổ phần cá nhân nắm giữ: 61.276 cổ phần

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 5 cổ phần Công ty CP Chứng khoán Kim Long: 5 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Vợ Vũ Lệ Xuân, CMND số 010358380 sở hữu 464 cổ phần - Con Lê Vũ Diễm Hằng, CMND số 012332279 sở hữu 4.408 cổ phần - Em Lê Đào Nhi, CMND số 012783587 sở hữu 0 cổ phần - Em Lê Đào Nghĩa, CMND số 010455317 sở hữu 0 cổ phần Em Lê Đào Hạnh, CMND số 010251746 sở hữu 0 cổ phần

Ông Phan Đức Tú	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC	
Giới tính	Nam	
Ngày tháng năm sinh	22/12/1964	
Nơi sinh	Nghệ An	
Số CMTND	211109236 do Công An TP Quảng Ngãi cấp ngày 24/10/2000	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Xã Quỳnh Thiên, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	
Địa chỉ thường trú	Khu phức hợp Mandarin Garden, đường Hoàng Minh Giám, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04.22122535	
Trình độ văn hóa	12/12	
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác		
12/1998	: 02/2005	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ngãi
03/2005	: 05/2007	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

06/2007	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ		807.647.275 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 807.607.206 cổ phần Cổ phần cá nhân nắm giữ: 40.069 cổ phần
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 13.698 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Không
Những người có liên quan		Vợ Đoàn Thị Trần Hùng Phi, CMND số 211055258 sở hữu 8.550 cổ phần Con Phan Thị Hải Vân, CMND số 013157457 sở hữu 0 cổ phần Con Phan Đức Thảo Nguyên sở hữu 0 cổ phần Anh Phan Đức Tuấn, CMND số 017317148 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Khánh, CMND số 210023809 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Thương, CMND số 181893715 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Lượng, CMND số 233096735 sở hữu 0 cổ phần Em Phan Đức Tài, CMND số 181976395 sở hữu 4.642 cổ phần

Ông Trần Anh Tuấn	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	01/04/1958

Nơi sinh	Yên Bái	
Số CMTND	013314650 do Công An Hà Nội cấp ngày 23/09/2010	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Nghĩa Phương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	
Địa chỉ thường trú	80A/124 Âu Cơ - Tứ Liên - Tây Hồ - Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04 22205158	
Trình độ văn hóa	10/10	
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác		
03/1981	11/1983	Cán bộ Chi nhánh NHĐT&XD Chi nhánh Gia Lai - Kon Tum
11/1983	09/1986	Phó Trưởng phòng tín dụng Chi nhánh NHĐT&XD Chi nhánh Gia Lai - Kon Tum
09/1986	10/1987	Trưởng phòng tín dụng Chi nhánh NHNN tỉnh Gia Lai Kon Tum
10/1987	08/1988	Giám đốc NHNN và Giám đốc NHCT TX Kon tum
08/1988	07/1989	Phó Giám đốc NHPT Nông nghiệp Tỉnh Gia Lai Kon Tum
07/1989	03/1991	Giám đốc Chi nhánh NHĐT&XD Tỉnh Gia Lai Kon Tum
03/1991	10/1991	Giám đốc Chi nhánh NHĐT&PT Tỉnh Gia Lai Kon Tum
10/1991	09/1998	Giám đốc Chi nhánh NHĐT&PT Tỉnh Gia Lai
09/1998	10/2006	Phó Tổng giám đốc – NHĐT&PT Việt Nam
10/2006	01/2008	UVHĐQT - NHĐT&PT Việt Nam
01/2008	04/2012	Tổng Giám đốc - NHĐT&PT Việt Nam
04/2012	05/2012	Tổng Giám đốc – NH TMCP ĐT&PT Việt Nam
05/2012	Nay	Thành viên HĐQT – NH TMCP ĐT&PT Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không	
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ	64.746 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 Cổ phần cá nhân nắm giữ: 64.746 cổ phần	

Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 28.203 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Vợ Đặng Thị Thu Hà, CMND số 012558002 sở hữu 0 cổ phần - Con Trần Thị Kim Anh, CMND số 012395142 sở hữu 24.554 cổ phần - Con Trần Thành Linh, CMND số 012418775 sở hữu 12.215 cổ phần - Em Trần Anh Hải, CMND số 230305424 sở hữu 5.629 cổ phần - Em Trần Hưng Hà, CMND số 025179391 sở hữu 8.113 cổ phần

Ông Nguyễn Huy Tựa	UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Giới tính	Nam	
Ngày tháng năm sinh	16/10/1957	
Nơi sinh	Hà Nội	
Số CMTND	011561772 do Công An Hà Nội cấp ngày 12/02/2007	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	
Địa chỉ thường trú	Khu TT Nhà máy in tiền Quốc Gia - Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04 22200445	
Trình độ văn hóa	10/10	
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác		
08/2002	: 02/2005	Giám đốc Ban Quản lý Tín dụng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
03/2005	: 09/2006	Giám đốc Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
10/2006	: 11/2006	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
12/2006	:12/2006	Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát kiêm

		Giám đốc Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2007	: 20/10/2011	Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 02 thành viên Đầu tư Phát triển Quốc tế (IID). - Phó Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam
Số lượng cổ phần BIDV đang nắm giữ		23.653 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 Cổ phần cá nhân nắm giữ: 23.653 cổ phần
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 28.203 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Không
Những người có liên quan		<p>Vợ Ngô Thị Hoàn, CMND số 010641370 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con Nguyễn Huy Tuấn, CMND số 012750254 sở hữu 1.496 cổ phần</p> <p>Con Nguyễn Huy Tú, CMND số 012845953 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Nguyễn Huy Lương, CMND số 010633870 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Nguyễn Thị Tý, CMND số 010633542 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Nguyễn Thị Dần, CMND số 010542599 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Nguyễn Thị Bé, CMND số 010633621 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Nguyễn Thị Mai, CMND số 010633869 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Nguyễn Thị Thành, CMND số 011554166 sở</p>

	hữu 0 cổ phần
--	---------------

Ông Trần Thanh Vân		ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính		Nam
Ngày tháng năm sinh		01/01/1961
Nơi sinh		Hà Nội
Số CMTND		200057314 do Công An TP Đà Nẵng cấp ngày 10/05/2007
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Hoà Châu, Hoà Vang, Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú		190, Phố Núi Thành, TP Đà Nẵng
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04 22200233
Trình độ văn hóa		12/12
Trình độ chuyên môn		Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
01/10/1991	: 31/03/2004	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
01/04/2004	: 31/08/2008	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
01/09/2008	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: 25/04/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
26/04/2013	: 31/12/2013	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/01/2014	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		- - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH 02 TV Đầu tư và Phát triển quốc tế (IID) - (BEDC)
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ		40.191 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0

	Cổ phần cá nhân nắm giữ: 40.191 cổ phần
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	Mẹ Trần Thúy An, CMND số 200074271 sở hữu 0 cổ phần Vợ Phan Thị Kim Phụng, CMND số 200732428 sở hữu 0 cổ phần Con Trần Phan Bảo Trâm, CMND số 201668385 sở hữu 0 cổ phần Em Trần Hải Vân, CMND số 201183753 sở hữu 13.244 cổ phần

Ông Tô Ngọc Hưng	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP	
Giới tính	Nam	
Ngày tháng năm sinh	09/01/1955	
Nơi sinh	Nam Định	
Số CMTND	010968760 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 27/11/2000	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Vân Dương, Quế Võ, Bắc Ninh	
Địa chỉ thường trú	Phòng 801, B5 TT Trường Cao cấp nghiệp vụ NH, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		
Trình độ văn hóa	10/10	
Trình độ chuyên môn	PGS, TS Kinh tế	
Quá trình công tác		
07/1980	: 12/1992	Giảng viên Trường cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng.
01/1993	: 12/1993	Phó chủ nhiệm bộ môn Tiền tệ tín dụng Trường cao cấp

		ng nghiệp vụ Ngân hàng.
01/1994	: 12/1994	Phụ trách Bộ môn NHTM & các TCTD của Trung tâm đào tạo và NCKH ngân hàng.
01/1995	: 03/1998	Chủ nhiệm Bộ môn NHTM & các TCTD của Trung tâm đào tạo và NCKH ngân hàng.
04/1998	: 02/2002	Chủ nhiệm Khoa Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng, Học viện Ngân hàng.
8/2/2002	: 07/2004	Phó giám đốc Học viện Ngân hàng, Phó Bí thư Đảng ủy Học viện Ngân hàng.
08/2004	: 02/2015	Giám đốc, Bí thư Đảng ủy (6/2010), Tổng biên tập Tạp chí Khoa học và Đào tạo (8/2006) Học viện Ngân hàng.
1/3/2015	: 04/2015	Tổng biên tập Tạp chí KH&ĐT Ngân hàng
Chức vụ công tác hiện nay		UV HĐQT Độc lập BIDV
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ		- Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 0
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		Không
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Không
Những người có liên quan		- Mẹ Vũ Thị Linh Dung, CMND số 161420031 cấp ngày 17/11/1989, CA Tỉnh Nam Định sở hữu 0 cổ phần - Chị Tô Thị Việt Hằng, CMND số 160061064 cấp ngày 29/03/2006, CA Tỉnh Nam Định sở hữu 0 cổ phần - Chị Tô Thị Bích Nga, CMND số 273279600 cấp ngày 21/12/2004, CA Bà Rịa - Vũng Tàu sở hữu 0 cổ phần - Chị Tô Thị Thu Hà, CMND số 161366921 cấp ngày

	21/06/2004, CA Tỉnh Nam Định sở hữu 0 cổ phần - Em Tô Quốc Thịnh, CMND số 161420029 cấp ngày 07/09/2012, CA Tỉnh Nam Định sở hữu 0 cổ phần - Em Tô Thị Tường Vân, CMND số 162005264 cấp ngày 16/06/1991, CA Tỉnh Nam Định sở hữu 0 cổ phần - Em Tô Quốc Đạt, CMND số 011680961 cấp ngày 20/11/2008, CATP Hà Nội sở hữu 0 cổ phần - Em Tô Thị Tuyết Khanh, CMND số 011300054 cấp ngày 19/07/2007, CATP Hà Nội sở hữu 0 cổ phần - Vợ Trần Thị Kim Lan, CMND số 011816206 cấp ngày 27/5/2010, CATP Hà Nội sở hữu 0 cổ phần - Con Tô Quốc Vinh, CMND số 012480284 cấp ngày 2/6/2010, CATP Hà Nội sở hữu 0 cổ phần - Con Tô Thùy Dương, CMND số 012905246 cấp ngày 12/7/2006, CATP Hà Nội sở hữu 0 cổ phần
--	--

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh		ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		06/03/1961
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		010103626
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Xã Thạch Trị – Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:		Số 8 Đường Thành – Quận Hoàn Kiếm – TP Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Tiến sỹ TCNH
Quá trình công tác:		
12/1998	: 11/2008	Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ
12/2008	: 04/2015	Viện trưởng Viện Chiến lược Ngân hàng, NHNN
04/2015	: nay	Thành viên HĐQT BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:	807.607.206 cổ phần
Trong đó:	
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:	807.607.206 cổ phần
Cổ phần cá nhân nắm giữ:	
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	
Những người có liên quan:	Chồng Chu Mạnh Hùng, sở hữu 0 cổ phần BIDV. Con Chu Thanh Tú, sở hữu 0 cổ phần BIDV. Chu Mạnh Toàn, sở hữu 0 cổ phần BIDV Anh Nguyễn Văn Bình, sở hữu 0 cổ phần BIDV Chị Nguyễn Thị Thuận Hòa, sở hữu 0 cổ phần BIDV.

13.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

37: Danh sách thành viên Ban kiểm soát BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1	Bà Võ Bích Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	1967	011399528
2	Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên chuyên trách	1965	011814791
3	Ông Cao Cự Trí	Thành viên chuyên trách	1966	011814791

Nguồn: BIDV

Sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

Bà Võ Bích Hà	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	1967

Nơi sinh	Hà Nội	
CMND:	011399528 cấp ngày 12/04/2007	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Xã Tịnh Hiệp, Huyện Xuân Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 2, dãy 6, Khu Vườn Cọ, Phường Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04.22205544	
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh	
Quá trình công tác:		
04/1997	: 08/1997	Phó Trưởng phòng Kế toán tài chính BIDV
09/1997	: 03/2000	Phó Trưởng phòng Nguồn vốn Kinh doanh
04/2000	: 04/2002	Phó Trưởng phòng phụ trách Nguồn vốn Kinh doanh
05/2002	: 9/2006	Trưởng phòng Đầu tư - BIDV
10/2006	: 04/2015	Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư BIDV
04/2015	: nay	Trưởng Ban kiểm soát – BIDV
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Không	
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:	09	
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		

	: 10.000 Công ty
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Những người có liên quan:	Mẹ Vũ Thị Tuyết, CMND số 010165692, sở hữu 0 cổ phần Chồng Nguyễn Xuân Hòa, CMND số 011621870, sở hữu 14.659 cổ phần Anh Võ Văn Quảng, CMND số 011060942, sở hữu 0 cổ phần Em Võ Thị Hồ 011470898 sở hữu 0 cổ phần Em Võ Thị Phương sở hữu 0 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Tâm	THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	25/10/1965
Nơi sinh	Hải Dương
Số CMTND	011814791 do Công An Hà Nội cấp ngày 15/06/2009
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương

Địa chỉ thường trú		3/106 Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		
Trình độ văn hóa		12/12
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác		
10/05/1991	: 21/03/2000	Cán bộ Trụ Sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
22/03/2000	: 01/04/2006	Trưởng phòng Kế toán Điện toán - Ngân hàng LD Lào Việt Hà Nội
01/04/2006	: 14/06/2007	Phó trưởng Phòng Kiểm toán - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/06/2007	: 31/08/2008	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Giám sát và Tổng hợp - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/9/2008	: 25/03/2009	Trưởng phòng Phòng Giám sát - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
26/03/2009	: 30/04/2012	Trưởng phòng Phòng Giám sát, Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không
Số cổ phần nắm giữ		, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0 - Cổ phần cá nhân nắm giữ: 7.869 cổ phần
Sở hữu chứng khoán ở các công ty khác		Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam: 25.711 cổ phần Công ty CP Than Núi Béo – Vinacomin: 11.532 cổ phần Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Bắc Á: 21.000 cổ phần Công ty CP sản xuất và kinh doanh kim khí: 22.700 cổ phần Công ty CP SX Thương mại Dịch vụ Phú Phong: 1.650 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội: 1.815 cổ phần

	<p>Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín 10.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP Khoáng sản Quang Anh: 3.000 cổ phần</p> <p>Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt nam: 25.145 cổ phần</p> <p>Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam: 6.500 cổ phần</p> <p>Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt: 3.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP chứng khoán Kim Long: 34.050 cổ phần</p> <p>Công ty CP Sông Đà 10: 2.400 cổ phần</p> <p>Ngân hàng TMCP Á Châu: 13.431 cổ phần</p> <p>Công ty CP Xi măng VICEM Hoàng Mai: 3.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex: 1.200 cổ phần</p> <p>Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP.HCM: 21.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre: 1.108 cổ phần</p> <p>Công ty CP Cao su Đà Nẵng: 5.558 cổ phần</p> <p>Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển: 2.666 cổ phần</p> <p>Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí: 1000 cổ phần</p> <p>Công ty CP Dầu thực vật Tường An: 9.300 cổ phần</p> <p>Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Tân Tạo: 3.790 cổ phần</p> <p>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom: 5.420 cổ phần</p> <p>Ngân hàng TMCP Quân đội: 26.841 cổ phần</p> <p>Công ty CP Cơ điện lạnh: 37.660 cổ phần</p> <p>Công ty CP Sữa Việt Nam: 3.182 cổ phần</p> <p>Công ty CP Tập đoàn Sao Mai: 12.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn: 25.600 cổ phần</p> <p>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 8.421 cổ phần</p> <p>Tập đoàn Vingroup – Công ty cổ phần: 3.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP XNK Thủy sản Cửu Long: 3.840 cổ phần</p> <p>Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 12.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP FPT: 2.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh: 140</p>
--	--

	<p>cổ phần</p> <p>Công ty CP Thép Nam Kim: 3.490 cổ phần</p> <p>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 3.655 cổ phần</p> <p>Công ty CP Dược phẩm Cửu Long: 2.000 cổ phần</p> <p>Công ty CP XD Công nghiệp Dân dụng Dầu khí: 5.000 cổ phần</p> <p>Tổng công ty Khí Việt Nam: 1.000 cổ phần</p>
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	<p>Bố Nguyễn Trọng Hiếu, CMND số 140011209 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chồng Nguyễn Văn Lâm, CMND số 011290150 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con Nguyễn Thùy My, CMND số 013286340 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Nguyễn Thị Bích Hạnh, CMND số 162833218 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Nguyễn Thị Thư Chi, CMND số 142265453 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Nguyễn Trọng Tiến, CMND số 90027704 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Nguyễn Thị Thanh Phúc, CMND số 141898962 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Nguyễn Thị Thủy Chung, CMND số 013039111 sở hữu 371 cổ phần</p> <p>Em Nguyễn Trọng Dũng, CMND số 011911748 sở hữu 0 cổ phần</p>

Ông Cao Cự Trí	THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	04/10/1966
Nơi sinh	Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Số CMTND	012500432, do Công An Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/04/2002	
Quốc tịch	Việt Nam	
Dân tộc	Kinh	
Quê quán	Diễn Bình, Diễn Châu, Nghệ Tĩnh	
Địa chỉ thường trú	Phòng 3, nhà A1, Tập thể Đại học KTQD, Phường Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà nội.	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan	04.22205544	
Trình độ văn hóa	12/12	
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế	
Quá trình công tác		
01/10/1984	: 30/06/2002	Công tác tại Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An, NHNN Trung ương)
01/07/2002	: 14/02/2004	Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/02/2004	: 30/09/2006	Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/10/2006	: 28/02/2009	Phó Giám đốc - Sở Giao dịch 3 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (trong đó từ 20/07/2007 – 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định chế, Kiêm Trưởng Phòng Thẩm định và Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Sở Giao dịch)
01/03/2009	: 30/04/2012	Phó Trưởng Ban Kiểm Soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm BIDV	
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ	3.298 cổ phần, trong đó: - Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ: 0	

	Cổ phần cá nhân nắm giữ: 3.298 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác	Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2: 7.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan	Bố Cao Cự Bội, CMND số 010197611, sở hữu 0 cổ phần Mẹ Đậu Thị Thanh Liêm, CMND số 012557347, sở hữu 0 cổ phần Vợ Tạ Thị Kiều Anh, CMND số 013178197, sở hữu 0 cổ phần Con Cao Cự Nhật Minh, CMND số 013166525, sở hữu 0 cổ phần Em Cao Thị Lý, CMND số 012083858, sở hữu 0 cổ phần Em Cao Thị Ý Nhi, CMND số 012118043, sở hữu 0 cổ phần

13.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc

38: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
1.	Ông Phan Đức Tú	Tổng Giám đốc	1964	211109236
2.	Ông Quách Hùng Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	1969	011733037
3.	Ông Trần Xuân Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	1965	025549817
4.	Ông Trần Lục Lang	Phó Tổng Giám đốc	1967	215281334
5.	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc	1973	013045909
6.	Ông Đoàn Ánh Sáng	Phó Tổng Giám đốc	1961	210111747
7.	Ông Phạm Quang Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1971	012227020
8.	Ông Lê Kim Hòa	Phó Tổng Giám đốc	1965	240254320
9.	Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	1964	024788171

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND
10	Ông Lê Ngọc Lâm	Phó Tổng Giám đốc	1975	011893263

Nguồn: BIDV

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đức Tú	TỔNG GIÁM ĐỐC
Xem mục HĐQT	

Ông Quách Hùng Hiệp	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	23/09/1969	
Nơi sinh:	Hà Nội	
CMND:	011733037 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 17/11/2003	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Cao Xá – Thanh Oai – Hà Tây	
Địa chỉ thường trú:	Đốc Ngữ, Phường Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 22201162	
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:		
01/06/1999	: 31/07/2002	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB)
01/08/2002	: 31/03/2005	Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/12/2004	: 08/03/2010	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID- Public
01/04/2005	: 31/10/2006	Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/11/2006	: 31/12/2006	Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/01/2007	: 01/03/2011	Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
16/10/2010	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển

	Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần tài chính IDCC Châu Âu (IDCE)
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ	32.302 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2: 3.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan:	Bố Quách Chắp Hoàng, CMND số 011499679 sở hữu 0 cổ phần Vợ Phạm Thị Mai Anh, CMND số 011888135 sở hữu 0 cổ phần Chị Quách Thị Hồng Lợi, CMND số 012385567 sở hữu 0 cổ phần Chị Quách Thị Minh Hương, CMND số 010406186 sở hữu 0 cổ phần

Ông Trần Xuân Hoàng	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/10/1965
Nơi sinh	Hải Phòng
CMND:	025549817 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2011
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Căn hộ B25.1, CC Phú Hoàng Anh I, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Nhà Bè TP HCM.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 22201162
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:		
01/07/1996	: 14/07/2006	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai
15/07/2006	: 14/08/2008	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2
15/08/2008	: 30/04/2012	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ		
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Không
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		<p>Vợ Hoàng Thị Giang Hà, CMND số 025223210 sở hữu 10.543 cổ phần</p> <p>Con Trần Hồng Quân, CMND số 025223211 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Trần Xuân Ba, CMND số 010790309 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Trần Xuân Tư, CMND số 230085992 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Trần Thị Minh Phượng, CMND số 230314689 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Trần Thị Kim Hoa, CMND số 230397401 sở hữu 0 cổ phần</p>

Ông Trần Lục Lang	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	21/06/1967

Nơi sinh:	TP Quy Nhơn, Bình Định	
CMND:	215281334 do Công An TP Bình Định cấp ngày 19/05/2009	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định	
Địa chỉ thường trú:	279 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế	
Quá trình công tác:		
21/01/2002	: 14/07/2006	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định
14/07/2006	: 30/09/2006	Quyền Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài
01/10/2006	: 31/05/2011	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài
01/06/2011	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB); Phó Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Bảo hiểm Lào – Việt (LVI)
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Công ty CP Thủy điện VS-SH: 2.265 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Mẹ Phạm Thị Lực, CMND số 210224349 sở hữu 0 cổ phần Vợ Phạm Thị Tuyết Mai, CMND số 211509655 sở hữu 0 cổ phần

	<p>phần</p> <p>Anh Trần Đại Lang, CMND số 210224522 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Trần Nhị Lang, CMND số 210224528 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Trần Tam Hoa Quân, CMND số 210224493 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Trần Tứ Phương Quân, CMND số 211006327 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Trần Ngũ Anh Quân, CMND số 211660866 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Trần Thất Diễm Quân, CMND số 225423380 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Trần Bát Lang, CMND số 025438243 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Trần Cửu Lang, CMND số 215281792 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Trần Thập Kiều Quân, CMND số 025217888 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Trần Thập Nhất Trinh Quân, CMND số 024566024 sở hữu 0 cổ phần</p>
--	--

Ông Trần Phương		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		27/12/1973
Nơi sinh		Bắc Giang
CMND:		013045909 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 12/03/2008
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An
Địa chỉ thường trú:		Phòng 211, C10, Tập thể Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04. 22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:		
01/2006	: 06/2006	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
07/2006	: 12/2006	Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển– Ban Kế hoạch Phát

		triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2007	: 08/2008	Phó Giám đốc, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
08/2008	: 04/2012	Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:		- Giám đốc Công ty TNHH 01 TV Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC); - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC).
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 10.400 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Bố Trần Khanh, CMND số 122064827 sở hữu 0 cổ phần Mẹ Nguyễn Thị Thu Nhung, CMND số 013322574 sở hữu 0 cổ phần Vợ Phạm Thị Kim Oanh, CMND số 011942246 sở hữu 5.675 cổ phần Em Trần Hoài Phương, CMND số 012845189 sở hữu 0 cổ phần

Ông Đoàn Ánh Sáng	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	02/03/1961
Nơi sinh	Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
CMND:	210111747 do CA Bình Định cấp ngày 25/12/1998
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Quê quán:		Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:		Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		08.38215038
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình đạo chuyên môn:		Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:		
01/1994	: 09/1999	Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Bình Định
10/1999	: 11/2001	Quyền Giám đốc và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Bình Định
12/2001	05/2002	Điều động về Ngân hàngĐT&PT VN chờ nhận nhiệm vụ mới
06/2002	: 09/2002	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2
10/2002	: 12/2012	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 2
01/2013	: 11/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Sở Giao dịch 2
12/2013	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC) Chủ tịch HĐQT Công ty lương thực Campuchia – Việt nam (Cavifood) Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC).
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Công ty CP Đầu tư hạ tầng và Đô thị dầu khí: 10.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
		: Vợ Võ Thị Cẩm Thúy, CMND số 024097126 sở hữu 0 cổ

	phần Con Đoàn Thanh Thuỳ, CMND số 024097125 sở hữu 0 cổ phần Con Đoàn Thanh Thanh, CMND số 025342745 sở hữu 0 cổ phần Anh Đoàn Anh Nhơn, CMND số 023283768 sở hữu 786 cổ phần Chị Đoàn Thị Lệ Ánh, CMND số 023504725 sở hữu 0 cổ phần Em Đoàn Thị Lệ Thủy, CMND số 212609912 sở hữu 0 cổ phần Em Đoàn Thị Lệ Thúy, CMND số 024908584 sở hữu 0 cổ phần Em Đoàn Thị Lệ Thùy, CMND số 211132123 sở hữu 58 cổ phần
--	---

Ông Phạm Quang Tùng	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	12/09/1971	
Nơi sinh	Hà Nội	
CMND:	012227020 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 27/04/1999	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Hải Dương	
Địa chỉ thường trú:	902 CT1 Vimenco, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 22201169	
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế	
Quá trình công tác:		
01/05/2003	: 01/03/2005	Phó Giám đốc Ban Tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
04/2005	: 10/2005	Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
11/2005	: 12/2005	Phó Tổng Giám đốc Công ty LD Bảo hiểm Việt – Úc
01/2006	: 30/09/2010	Quyền Giám đốc/Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)

01/10/2010	: 15/10/2010	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
16/10/2010	: 27/04/2011	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
28/04/2011	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Tổng công ty CP Bảo hiểm NHTMCP ĐT&PT Việt Nam: 253.000 cổ phần Ngân hàng TMCP Quân đội: 500.157 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 437 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Bố Phạm Huy Chiền, CMND số 140870609 sở hữu 0 cổ phần Mẹ Nguyễn Thị Diễm, CMND số 142693266 sở hữu 0 cổ phần Vợ Đào Thúy Nga, CMND số 012227021 sở hữu 0 cổ phần Con Phạm Quỳnh Chi, CMND số 013175842 sở hữu 0 cổ phần Con Phạm Quang Đức sở hữu 0 cổ phần Con Phạm Quang Minh sở hữu 0 cổ phần Em Phạm Quốc Huy, CMND số 013103467 sở hữu 0 cổ phần

	Em Phạm Trung Dũng, CMND số 012537013 sở hữu 0 cổ phần
--	--

Ông Lê Kim Hòa		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		08/10/1965
Nơi sinh		ĐăkLăk
CMND:		240254320
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:		2/15A Cao Thắng – P.5 – Quận 3 – TP HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ QTKD
Quá trình công tác:		
05/1997	: 10/2002	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐăkLăk
11/2002	: 07/2007	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐăkLăk
08/2007	: 08/2008	Giám đốc Ban tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
09/2008	: 02/2009	Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
03/2009	: 04/2009	Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh
05/2009	: 08/2013	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh
09/2013	: 05/2014	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh
06/2014	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không

Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:	
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Những người có liên quan:	<p>Vợ Nguyễn Thị Thanh, CMND số 025548184 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con Lê Nguyễn Bình Nhi, CMND số 241352755, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con Lê Phương Anh, (chưa có CMND), sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Lê Kim Thái, CMND số 240080205 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Lê Kim Phi, CMND số 240254334 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Lê Kim Hùng, CMND số 240201743 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Lê Kim Lợi, CMND số 240080399 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Lê Thị Lan, CMND số 191877140 sở hữu 0 cổ phần</p>

Ông Lê Trung Thành	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/09/1964
Nơi sinh	An Giang
CMND:	024788171
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	An Giang
Địa chỉ thường trú:	Lô C, P413, C/C Phạm Việt Chánh, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
08/1993	: 08/2002
Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang	

09/2002	: 01/2004	Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang
02/2004	: 11/2004	Trưởng ban chuyên trách phát triển mạng lưới kinh doanh BIDV tại Thành Phố HCM
12/2004	: 07/2014	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Kỳ Khởi Nghĩa
07/2014	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		<p>Vợ Tô Thị Hồng Loan, CMND số 025269000 sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Con Lê Hồng Nhật Hạ, CMND số 025269001, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Lê Thị Kim Yến, CMND 020939463, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Lê Thị Kim Phượng, CMND 352329010, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Lê Thị Kim Phụng, CMND 350395398, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Lê Thị Tuyết Sương, CMND 350349176, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Lê Thị Tuyết Vân, CMND 350349178, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Chị Lê Thị Tuyết Hồng, CMND 350349196, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Lê Trung Nghĩa, CMND 352053032, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Anh Lê Trung Hiếu, sở hữu 0 cổ phần</p> <p>Em Lê Trung Chánh, CMND 023861890, sở hữu 0 cổ phần</p>

Ông Lê Ngọc Lâm		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		23/07/1975
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		011893263
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:		Số 1, F18, Tập thể Tổng cục II, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:		
03/2009	: 10/2010	Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
10/2010	: 03/2012	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Sở Giao dịch 1
04/2012	: 04/2013	Giám đốc ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
04/2013	: 01/2015	Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2015	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		UVHĐQT Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam UVHĐQT Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		-

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không

Bà Tạ Thị Hạnh		KẾ TOÁN TRƯỞNG
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		05/05/1972
Nơi sinh		Xã Việt Hoà, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
CMND:		012287440 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 19/10/1999
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Xã Việt Hoà, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:		Số nhà 14, ngõ 432/20 Phố Đội Cấn, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, TP Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Ngân hàng
Quá trình công tác:		
01/11/2006	: 31/12/2009	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
01/01/2010	: 31/10/2011	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/06/2011	: 30/10/2011	Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/11/2011	: 30/04/2012	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Không
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ	
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	: 10.000 cổ phần Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ CMC: 5.002 cổ phần Công ty cổ phần chứng khoán dầu khí: 50 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan:	Bố Tạ Văn Đảo, CMND số 145717872 sở hữu 0 cổ phần Mẹ Nguyễn Thị Đáo, CMND số 145717873 sở hữu 0 cổ phần Chồng Dương Xuân An, CMND số 011344117 sở hữu 0 cổ phần Con Dương Đức Minh, CMND số 013288990 sở hữu 0 cổ phần Anh Tạ Văn Đảo, CMND số 145719085 sở hữu 0 cổ phần Anh Tạ Văn Quỳnh, CMND số 141748200 sở hữu 0 cổ phần Chị Tạ Thúy Quỳnh, CMND số 141466932 sở hữu 0 cổ phần Chị Tạ Thị Chính, CMND số 011677265 sở hữu 0 cổ phần Chị Tạ Thị Nhiễu, CMND số 145717706 sở hữu 0 cổ phần Chị Tạ Thị Thanh, CMND số 145719300 sở hữu 0 cổ phần

14. Tài sản

14.1. Tài sản cố định

39: Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2014

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
I. TSCĐ hữu hình	6.197	2.739	3.458	56%
1.Nhà cửa, vật kiến trúc	2.959	659	2.300	78%
2.Máy móc thiết bị	2.242	1.514	728	32%
3.Phương tiện vận tải	867	509	358	41%
4.TSCĐ hữu hình khác	129	57	72	56%
II. TSCĐ vô hình	3.719	505	3.214	86%
1.Quyền sử dụng đất	3.101	122	2.979	96%
2.Phần mềm vi tính, bản quyền, bằng sáng chế	618	383	235	38%
Tổng	9.916	3.244	6.672	67%

Nguồn: BIDV

14.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất BIDV đang quản lý và sử dụng tính đến thời điểm 31/12/2014: 452.163,125 m² với 331 địa điểm đất. Các địa điểm đất hầu hết đều đang được sử dụng (hoặc đang trong quá trình đầu tư xây dựng trụ sở) để làm trụ sở làm việc, giao dịch, nhà nghỉ công vụ, nhà khách, nhà kho, nhà để xe phục vụ hoạt động của Hội sở chính và cho các chi nhánh, đơn vị thành viên trong hệ thống.

40: Tình hình sử dụng đất tại 31/12/2014

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Số địa điểm đất
1	Đất được Nhà nước giao	94.787,130	79
2	Đất thuê trả tiền 1 lần	36.749,130	14
3	Đất thuê trả tiền hàng năm	276.736,300	163
4	Đất nhận chuyển nhượng QSD đất	40.961,955	72
5	Đất khác	2.928,610	3
	Tổng cộng	452.163,125	331

Nguồn: BIDV

14.3. Tình hình quản lý đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc, và hệ thống công nghệ thông tin

Nhà cửa, vật kiến trúc

Phần lớn các công trình BIDV đầu tư xây dựng được sử dụng làm trụ sở phục vụ cho hoạt động kinh doanh của BIDV theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao. Hội sở chính BIDV trước năm 2010 đặt tại tòa tháp A Vincom 191 Bà Triệu, từ năm 2010 trở lại đây đặt tại tháp BIDV tại 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội (thuê của Công ty Liên doanh tháp BIDV). Trụ sở tại tòa tháp A Vincom được sử dụng làm văn phòng cho các đơn vị thành viên như Chi nhánh Sở Giao dịch I, Trụ sở chính của Tổng công ty CP bảo hiểm BIDV (BIC) và một số Trung tâm và Ban tại Hội sở chính (Ban Kế toán; Ban Vốn và kinh doanh vốn; Trung tâm Thẻ; Trung tâm thanh toán,...). Tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 2009-2010 BIDV cũng đã đầu tư công trình trụ sở cho Văn phòng đại diện BIDV và các đơn vị thành viên BIDV khu vực phía Nam tại 472 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3.

Cùng với sự phát triển mở rộng hoạt động, kể từ năm 2003, BIDV đã tăng cường đầu tư xây dựng nhiều trụ sở chi nhánh. Tính đến 31/12/2014, BIDV đã có mạng lưới chi nhánh và các công ty thành viên tại tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước với tổng số lên tới 136 chi nhánh. Để đảm bảo ổn định kinh doanh và tăng trưởng bền vững, 90% các chi nhánh đang hoạt động đều được đầu tư xây dựng trụ sở mới ở tất cả các tỉnh thành phố trên cả nước với các tòa nhà 5-10 tầng trở lên với quy mô khoảng từ 3000~6000 m² sàn xây dựng/chi nhánh, được trang bị các hệ thống kỹ thuật phụ trợ hiện đại, đồng bộ và đầy đủ như: hệ thống điều hòa không khí, camera quan sát; báo cháy, báo động chống đột nhập, hệ thống chống sét lan truyền, hệ thống mạng vi tính và điện thoại tích hợp đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn ngân hàng hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Trụ sở Phòng giao dịch/điểm giao dịch: hầu hết có quy mô từ 300~600m² sàn xây dựng/Phòng giao dịch. Các công trình này cũng được trang bị các hệ thống kỹ thuật phụ trợ hiện đại, đồng bộ, đầy đủ như: hệ thống điều hòa không khí, camera quan sát; báo cháy, báo động chống đột nhập, hệ thống chống sét lan truyền, mạng vi tính và điện thoại tích hợp đảm bảo theo tiêu chuẩn của một phòng Giao dịch, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả, an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Một số công trình (chiếm khoảng 10%) đang trong quá trình xây dựng trụ sở mới và đang trong quá trình làm thủ tục phá dỡ để xây dựng. Một phần diện tích nhỏ được sử dụng làm Trung tâm tập huấn nghỉ dưỡng, nhà công vụ, nhà khách.

Hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống CNTT hiện đại đã bao trùm hầu hết các hoạt động nghiệp vụ với cơ sở dữ liệu tập trung, các giao dịch được cập nhật trực tuyến, hệ thống thanh toán đáp ứng yêu cầu thanh toán và được tự động hoá cao, hệ thống an ninh bảo mật đã được trang bị đồng bộ nhằm đảm bảo an ninh đối

với hệ thống CNTT và hoạt động ngân hàng. 100% hệ thống giao dịch chính của tất cả các chi nhánh được thực hiện quản trị tập trung tại Trung tâm xử lý.

Hệ thống ngân hàng cốt lõi (SIBS) của BIDV được triển khai từ năm 2003, thường xuyên được chính hãng Silverlake bảo trì, cập nhật phiên bản mới và tối ưu sử dụng. Hiện BIDV đang triển khai lộ trình cho việc chuyển đổi/nâng cấp hệ thống Ngân hàng cốt lõi SIBS phù hợp, đồng bộ trong lộ trình Chuyển đổi tổng thể hệ thống CNTT.

Hệ thống máy chủ bao gồm trên 1400 máy chủ phục vụ các ứng dụng CNTT (tại Trung tâm xử lý, trung tâm dự phòng và các chi nhánh). Hệ thống mạng truyền thông bao gồm mạng WAN và trên 400 mạng cục bộ (LAN), với hàng nghìn thiết bị truyền thông, thiết bị bảo mật (Router, Switch, Modem, Firewall, HSM, ...). Toàn hệ thống có gần 1.503 máy ATM, 14.344 POS.

Để đảm bảo kinh doanh liên tục, BIDV đã xây dựng Trung tâm dự phòng thảm họa với đầy đủ cơ sở hạ tầng tương tự như trung tâm xử lý chính nhằm dự phòng trong các trường hợp có sự cố xảy ra (như hỏa hoạn, động đất, ...).

Để đảm bảo cho việc lưu trữ và sao lưu dữ liệu cho tất cả các hệ thống ứng dụng, Ngân hàng đã trang bị các hệ thống lưu trữ SAN và các phương tiện để sao lưu dữ liệu. Các hệ thống này đều được trang bị tại Trung tâm dữ liệu và Trung tâm dự phòng để phục vụ cho các hoạt động lưu trữ và sao lưu dữ liệu hàng ngày.

Các thành tích trong hoạt động CNTT:

Với sự nỗ lực trong các hoạt động phát triển và ứng dụng CNTT vào các hoạt động kinh doanh, BIDV được đánh giá là ngân hàng có hệ thống CNTT phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ được các tổ chức quốc tế và Việt nam ghi nhận:

- ✦ Liên tiếp được đánh giá vị trí số 1 về mức độ sẵn sàng cho ứng dụng CNTT (Vietnam ICT Index) trong khối các Ngân hàng thương mại Việt nam từ năm 2007 đến nay (do Hội Tin học Việt nam đánh giá).
- ✦ Liên tiếp nhận được giải thưởng quốc tế danh tiếng “Ngân hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí Asiamoney trao tặng các năm 2007, 2008, 2009, 2013 và 2014.
- ✦ Giải thưởng Ngân hàng điện tử tiêu biểu 2014 do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) phối hợp Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG) tổ chức.
- ✦ Giải thưởng "Ngân hàng điện tử hàng đầu Việt Nam 2014" dành cho dịch vụ BIDV Online; Giải thưởng đặc biệt cho dịch vụ Nộp thuế điện tử.
- ✦ Giải thưởng Top 5 ngân hàng được quan tâm nhất – chương trình giải thưởng Ngân hàng điện tử yêu thích – MyEbank 2014 do báo điện tử VnExpress tổ chức.
- ✦ Giải thưởng “Sản phẩm vàng - Dịch vụ Vàng” năm 2013 dành cho dịch vụ Sản phẩm

Thu chi hệ điện tử và sản phẩm Tiết kiệm Tích lũy Bảo an.

- 🏆 Giải thưởng “Lãnh đạo CNTT xuất sắc khu vực Đông Nam Á năm 2013”.
- 🏆 Giải thưởng Nhân tài đất Việt 2012 cho “Hệ thống công thanh toán trực tuyến với các công ty chứng khoán - BIDV@SECURITIES” .
- 🏆 Giải thưởng Top 100 sản phẩm dịch vụ Tin và Dùng 2012 cho “Dịch vụ ngân hàng điện tử BIDV Online”.
- 🏆 Giải thưởng “Top 10 Sản phẩm Vàng, dịch vụ Vàng của Việt Nam năm 2012 cho dịch vụ thu chi hệ điện tử”.v.v
- 🏆 Đạt giải thưởng quốc gia “Doanh nghiệp lớn ứng dụng CNTT hiệu quả nhất năm 2010 do Bộ Thông tin và Truyền thông trao tặng nhằm tôn vinh các tổ chức, doanh nghiệp xuất sắc của ngành CNTT-TT Việt Nam và các mô hình ứng dụng CNTT-TT hiệu quả.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của năm 2015 như sau:

- 🏆 Lợi nhuận trước thuế: 7.500 tỷ đồng
- 🏆 Tỷ lệ nợ xấu: <3%, phần đầu ≤ 2,5%
- 🏆 ROA: 0,85%
- 🏆 ROE: 14%-15%
- 🏆 Tỷ lệ chi trả cổ tức: > 9%

Về quy mô, BIDV dự kiến tăng trưởng tín dụng năm 2015 là 16% (bao gồm các chương trình tín dụng ưu tiên, theo chỉ đạo của Chính Phủ và NHNN), huy động vốn tăng trưởng tối thiểu 16,5%, tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng tài sản (ROA) là 0,85% và Tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) từ 14%-15%.

Trên cơ sở triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, BIDV dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

41: Kế hoạch năm 2015



Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015
----------	----------




	Kế hoạch	% tăng (giảm) so với năm 2014
Thu nhập lãi thuần	20.200	20%
Lợi nhuận sau thuế	5.920	19%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	29%	n/a
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14-15%	n/a
Cổ tức	>9%	n/a

Nguồn: BIDV

15.2. Căn cứ để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

-  Năm 2015, dự báo kinh tế toàn cầu sẽ bước vào giai đoạn ổn định hơn song vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn, diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Theo Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ, mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2015 là khoảng 6,2%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 5%; kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%. Trên cơ sở lường đón những biến động của kinh tế thế giới và khu vực, BIDV đã xây dựng kịch bản điều hành KHKD năm 2015 phù hợp với khả năng phục hồi của nền kinh tế và năng lực vốn tự có của BIDV.
-  Về quy mô, BIDV dự kiến tăng trưởng tín dụng năm 2015 là 16%, huy động vốn tăng trưởng 16,5%. Trên cơ sở kế hoạch tăng trưởng về quy mô, tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng tài sản (ROA) phấn đấu đạt 0,85% và Tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) từ 14%-15%.

Các biện pháp nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2015:

-  Đối với hoạt động tín dụng: Tập trung nguồn vốn đầu tư có chọn lọc, ưu tiên đối với các lĩnh vực được khuyến khích phát triển. Tăng trưởng tín dụng có hiệu quả gắn với cơ cấu lại danh mục tín dụng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, trích đủ dự phòng rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống.
-  Đối với hoạt động huy động vốn và cân đối nguồn vốn - sử dụng vốn: Bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường, khả năng tăng trưởng tín dụng để quyết định quy mô và lãi suất huy động vốn cạnh tranh, đồng thời kiểm soát rủi ro lãi suất trong hạn mức chấp nhận của BIDV; Chủ động, linh hoạt giữa các kênh tạo nguồn, chuyển đổi tài sản thành tiền mặt để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng, đảm bảo thanh khoản an toàn, hiệu quả.
-  Đối với hoạt động dịch vụ: đẩy mạnh phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, tập trung vào phân khúc bán lẻ; tăng trưởng bán chéo các sản phẩm dịch vụ phi

ngân hàng, bảo hiểm, chuyển dịch mạnh kênh phân phối sang các kênh phân phối hiện đại (IBMB, thẻ,...) để gia tăng tiện ích cho khách hàng, tiết kiệm chi phí so với các kênh truyền thống.

- 🔴 Áp dụng các biện pháp hữu hiệu để tiết kiệm chi phí hoạt động.
- 🔴 Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, tạo điều kiện giảm dự phòng rủi ro phải trích đổi với hoạt động tín dụng.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của BIDV.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của BIDV, BSC cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của BIDV dự kiến cho năm 2015 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của BIDV.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của BIDV

17.1. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Chi tiết các khoản nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra tại ngày 31/12/2014 của BIDV như sau:

Bảng 42: Chi tiết các khoản nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra tại 31/12/2014 của BIDV

Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	97.063
1. Bảo lãnh vay vốn	1.001
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	29.067
3. Bảo lãnh khác	66.995
II. Các cam kết đưa ra	21.583
1. Cam kết khác	21.583

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2014

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi khách hàng của Ngân hàng (bên được bảo lãnh) vi phạm các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Thư tín dụng là cam kết thanh toán của ngân hàng tới người thụ hưởng thư tín dụng khi người thụ hưởng xuất trình bộ chứng từ phù hợp với các điều khoản và điều kiện của thư tín dụng.

Thư tín dụng trả ngay/ trả chậm là thư tín dụng theo đó ngân hàng cam kết thanh toán ngay/thanh toán vào ngày đến hạn trong tương lai khi nhận được bộ chứng từ phù hợp.

Giao dịch thư tín dụng sẽ phát sinh rủi ro khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không thanh toán cho người thụ hưởng và ngân hàng phải thanh toán ngay. Các khoản thanh toán thay này được ngân hàng ghi nhận là khoản vay bắt buộc đối với khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

ung của các công cụ tài chính ngoại

bả

17.2. Các cam kết khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông BIDV số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/03/2012, BIDV dự kiến bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược với tỉ lệ phát hành cổ phần tối đa 15% vốn điều lệ sau khi phát hành. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị BIDV quyết định các nội dung liên quan tới đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới BIDV mà có thể ảnh hưởng đến việc phát hành cổ phiếu

Không có.

PHẦN 5. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

1. Giới thiệu chung về tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi

- **Tên tiếng Việt:** Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- **Tên tiếng Anh:** Mekong Housing Bank
- **Tên viết tắt:** MHB
- **Logo:**



- **Vốn điều lệ:** 3.369.211.000.000 đồng (Bằng chữ: *Ba ngàn ba trăm sáu mươi chín tỷ, hai trăm mười một triệu đồng*)
- **Trụ sở chính:** 09 Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- **Điện thoại:** (84.8) 39302501
- **Fax:** (84.8) 39302506
- **Website:** www.mhb.com.vn
- **Mã số thuế:** 0301502740
- **Đăng ký kinh doanh:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301502740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 03/01/1998, đăng ký sửa đổi lần thứ 7 ngày 02/04/2014.

2. Ngành nghề kinh doanh:

Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long đăng ký hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau: tiền tệ, tín dụng, ngoại hối, thanh toán, và kinh doanh chứng khoán,.. theo Luật các TCTD. Ngành nghề kinh doanh cụ thể được quy định tại Điểm 3, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301502740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 02/04/2014.

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Bảng 43: Chặng đường phát triển của MHB

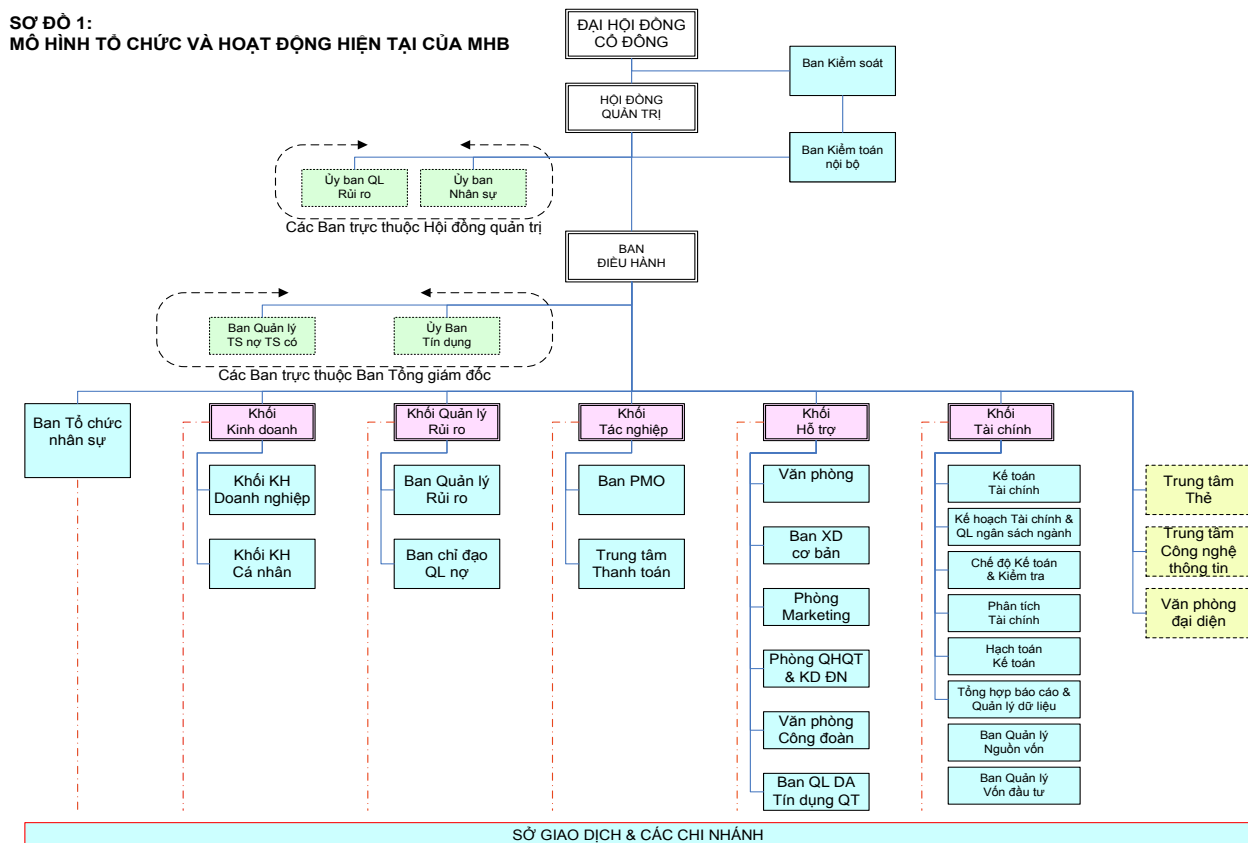
Năm	Sự kiện
1998	Ngày 08/04/1998 chính thức đi vào hoạt động với vốn ban đầu 300 tỷ VNĐ; Hội sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh; Với 95 cán bộ công nhân viên
1999	Thành lập 3 chi nhánh đầu tiên tại: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ; Với 164 cán bộ công nhân viên.

Năm	Sự kiện
2003	Vốn điều lệ tăng lên 750 tỷ đồng. Ngày 21/08/2003 tiếp nhận Tổng công ty vàng bạc đá quý Việt Nam, nâng tổng số chi nhánh lên thành 64.
2008	Ngày 06/04/2008 kỷ niệm 10 năm hoạt động ngân hàng và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì. Tổng tài sản tăng hơn 100 lần. Tổng số chi nhánh và phòng giao dịch là 164.
2009	Tổng tài sản 39.712 tỷ đồng. Mạng lưới gồm 40 chi nhánh với 209 điểm giao dịch.
2010	<p>Tổng tài sản 51.400 tỷ đồng.</p> <p>Ngày 01/02/2010 triển khai thành công hệ thống CoreBanking, tạo ra những thay đổi lớn trong giao dịch và quản lý.</p> <p>Tăng vốn điều lệ lên hơn 3.000 tỷ đồng.</p> <p>Trở thành Top 7 ngân hàng có mạng lưới rộng nhất tại Việt Nam với gần 220 chi nhánh và phòng giao dịch trải rộng trên 30 tỉnh thành trên khắp cả nước.</p>
2011	<p>Ngày 20/07/2011 đã diễn ra phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) thành công.</p> <p>Được Ngân hàng Nhà nước xếp hạng nhóm 1 – là nhóm ngân hàng hoạt động lành mạnh, ổn định và an toàn.</p> <p>Là Ngân hàng được khách hàng tín nhiệm và đạt được các Chỉ số an toàn cao nhất do Kiểm toán Nhà nước Việt Nam công bố.</p> <p>Lần thứ 5 liên tiếp nhận giải thưởng thương hiệu mạnh.</p>
2012	<p>Ngày 08/06/2012 Đại hội cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>Được Ngân hàng Nhà nước xếp vào nhóm những tổ chức tín dụng hoạt động lành mạnh, ổn định, an toàn và được cấp mức tăng trưởng tín dụng cao nhất trong năm 2012.</p>
2014	<p>Mạng lưới gần 240 điểm giao dịch.</p> <p>Nằm trong top 6 trong 26 tổ chức thực hiện tốt các hoạt động thông tin tín dụng</p> <p>Top 10 Ngân hàng dẫn đầu về quản lý dự án Tài chính nông thôn do World Bank tài trợ.</p> <p>Vinh dự nhận được các danh hiệu “Thương hiệu mạnh và phát triển bền vững 2014”, “Thương hiệu nổi tiếng ASEAN 2014”, Thương hiệu Á Đông, và là năm thứ 8 liên tiếp MHB nhận giải Thương hiệu mạnh tại Việt Nam.</p>

4. Cơ cấu tổ chức quản lý của MHB

4.1. Cơ cấu tổ chức

Hình 8: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của MHB



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

4.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của MHB, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường và qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

4.2.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông giám sát hoạt động MHB nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của MHB.

4.2.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị MHB, có quyền nhân danh MHB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MHB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

4.2.4. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của ngân hàng, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4.2.5. Các phòng chức năng

Văn phòng:

Văn phòng có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động hành chính tại Hội sở; Theo dõi, tổng hợp, báo cáo để đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban Lãnh đạo MHB được thông suốt, hiệu quả; Quản lý tài sản, công tác quản trị, đầu tư mua sắm tại Hội sở và trong toàn hệ thống; Tiếp nhận và trình Ban lãnh đạo giải quyết văn thư, tờ trình của các tổ chức, đơn vị và cá nhân; Quản lý và thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, truyền thông, in ấn và công tác bảo mật theo quy định của pháp luật và của MHB; Quản lý và sử dụng con dấu MHB theo chế độ quy định hiện hành; Tham mưu và tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến hoạt động của MHB; Cập nhật và hệ thống các văn bản pháp lý hiện hành của các cơ quan Nhà nước có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng để làm cơ sở cho các đơn vị điều chỉnh hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật.

Ban Tổ chức nhân sự:

Ban tổ chức nhân sự có nhiệm vụ: Xây dựng qui chế tổ chức và hoạt động của các Đơn vị tại Hội sở, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc; Tham mưu, thu hút, duy trì và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo hoạt động của MHB; Quản lý, phát triển nguồn nhân lực cho toàn Ngân hàng; Quản lý, theo dõi và đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị mạng lưới, đề xuất biện pháp để củng cố hoạt động của các Đơn vị yếu kém; Đầu mối trong việc xây dựng, triển khai, theo dõi và đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của các Đơn vị và đề xuất xem xét lương, thưởng, thi đua cho các đơn vị và cá nhân trong toàn hệ thống; Đề xuất kế hoạch phát triển và củng cố hệ thống mạng lưới theo chủ trương, định hướng của MHB từng thời kỳ; Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực để thực hiện tốt chiến lược kinh doanh của MHB.

Ban Quản lý nguồn vốn

Ban Quản lý Nguồn vốn có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược quản lý nguồn vốn hệ thống MHB; Theo dõi, giám sát và báo cáo cho Hội đồng ALCO, Tổng giám đốc tình hình nguồn vốn, sử dụng vốn của toàn hệ thống; Thực hiện công tác điều hòa vốn, xác định chi phí vốn và đề xuất các chính sách lãi suất huy động vốn, phí điều hòa vốn nội bộ; Quản lý trả lãi theo ủy quyền của Tổng Giám đốc đầu tư tài chính theo định hướng của Hội đồng ALCO và trong phạm vi được Tổng giám đốc cho phép, ủy quyền; Thực hiện các nghiệp vụ thị trường tiền tệ với Ngân hàng nhà nước; Tổ chức thực hiện quản lý rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường trong toàn hệ thống.

▲ Khối khách hàng Doanh nghiệp

Khối Khách hàng Doanh nghiệp (KHDN) có chức năng nghiên cứu, xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh và mở rộng thị phần của MHB phù hợp với các quy định của pháp luật, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng MHB, theo phân cấp ủy quyền của Tổng Giám đốc; Xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống; Phát triển các sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp và cá nhân; Thực hiện các công việc liên quan đến thẩm định/tái thẩm định khách hàng vay; Phối hợp với Ban Tổ chức - Nhân sự trong việc đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh.

▲ Khối Khách hàng cá nhân

Khối Khách hàng Cá nhân (KHCN) có chức năng nghiên cứu, xây dựng tổ chức, triển khai, theo dõi đánh giá chiến lược kinh doanh bán lẻ nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh và mở rộng thị phần bán lẻ của MHB phù hợp với các quy định của pháp luật, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của MHB, theo phân cấp ủy quyền của Tổng giám đốc; Kết hợp với đối tác bên ngoài và phòng/ban, đơn vị tại Hội sở tiến hành nghiên cứu về ngành và thị trường để tìm kiếm cơ hội bán sản phẩm và dịch vụ của ngân hàng; Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu cập nhật các thông tin thị trường liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ của Ngân hàng; Phối hợp với bộ phận đào tạo nguồn nhân lực trong việc đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên trong lĩnh vực bán lẻ.

▲ Ban Quản lý rủi ro

Ban Quản lý rủi ro có nhiệm vụ thực hiện hoặc phối hợp với các bộ phận, phòng, ban nghiệp vụ xây dựng và tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác quản lý rủi ro đối với các mặt hoạt động của MHB bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý, rủi ro uy tín; Tham mưu giúp Ủy ban rủi ro, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật công tác quản lý rủi ro trong hệ thống MHB; Phối hợp cùng các phòng, ban trong hệ thống MHB trong công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý rủi ro các cấp nhằm củng cố và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý rủi ro ngày càng hoàn thiện hơn.

▲ Ban Xây dựng cơ bản

Ban Xây dựng cơ bản có chức năng tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình trong toàn hệ thống Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm hiệu quả và đúng theo quy định pháp luật.

▲ Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ có chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, thích hợp, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và đề xuất nhằm góp phần cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và hoạt động của MHB; đảm

bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ; Đưa ra khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy chế, quy định, quy trình, góp phần bảo đảm MHB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật;

▲ Ban Quản lý các dự án tín dụng Quốc tế

Ban Quản lý các dự án tín dụng Quốc tế

áo trong việ

liên quan theo đúng qui định và đạt hiệu quả cao nhất.

▲ Ban Chỉ đạo quản lý nợ

Ban Chỉ đạo quản lý nợ có chức năng thực hiện hoặc phối hợp với các bộ phận Phòng, Ban, Đơn vị, Sở giao dịch và Chi nhánh trong công tác quản lý nợ và xử lý nợ (“nợ” là các khoản cấp tín dụng, đầu tư, góp vốn kém hiệu quả hoặc các khoản phải thu quá hạn, nợ xấu, khó đòi khác) của MHB; Tham mưu cho Ban lãnh đạo trong công tác xử lý nợ và hạn chế nợ xấu của các đơn vị trên cơ sở các tổng hợp, phân tích và đánh giá tình hình tín dụng toàn hệ thống của các phòng ban chức năng; Giám sát, đốc thúc và hỗ trợ các chi nhánh trong việc xử lý, thu hồi nợ (bao gồm thu gốc, lãi, lãi treo, dự thu) theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo; Xây dựng kế hoạch và phương án xử lý nợ hàng năm theo chỉ đạo của Ban lãnh đạo và phù hợp với tình hình thực tế tại các đơn vị.

▲ Phòng Quan hệ quốc tế và kinh doanh đối ngoại:

Phòng Quan hệ quốc tế và kinh doanh đối ngoại có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành các quan hệ quốc tế và nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại; tổ chức thực hiện và làm đầu mối thiết lập quan hệ với các ngân hàng, tổ chức tài chính nước ngoài.

▲ Phòng Kế hoạch tài chính & Quản lý ngân sách ngành:

Phòng Kế hoạch tài chính và quản lý ngân sách ngành có chức năng tham mưu cho Kế toán trưởng và Tổng giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chủ trương, chính sách về tài chính, quản lý tài sản, vật tư, vốn và các quỹ trong quá trình hoạt động kinh doanh và sử dụng kinh phí trong toàn hệ thống MHB; Phối hợp với các Phòng, Ban, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, kế hoạch chiến lược của MHB và tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc phân bổ kế hoạch tài chính cho các đơn vị trong hệ thống;...

▲ Phòng Chế độ kế toán và kiểm tra:

Phòng Chế độ kế toán và kiểm tra có chức năng nghiên cứu và tham mưu cho Kế toán trưởng, Tổng giám đốc trong việc xây dựng các văn bản chế độ liên quan đến chính sách, các qui định, chế độ về kế toán, thanh toán, quản lý tài chính và ngân quỹ trong hệ thống MHB theo đúng quy định pháp luật; chỉ đạo thực hiện và tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chế độ, chính sách về kế toán, thanh toán, quản lý tài chính và ngân quỹ trong hệ thống; Phối hợp với các Phòng, ban, các đơn vị liên quan và làm đầu mối tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về kế toán, thanh toán, quản lý tài chính, ngân quỹ và tổ chức Hội nghị liên quan đến công tác kế toán toàn hệ thống.

▲ Phòng Tổng hợp báo cáo và quản lý dữ liệu:

Phòng Tổng hợp báo cáo và quản lý dữ liệu có chức năng tham mưu; Xây dựng, ban hành chế độ báo cáo thống kê, và trực tiếp thừa hành công tác báo cáo, thống kê và quản lý dữ liệu thống nhất trong toàn hệ thống theo chỉ đạo của Kế toán trưởng, Tổng giám đốc từng thời kỳ; chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện công tác báo cáo, thống kê trong toàn hệ MHB.

▲ Phòng Hạch toán kế toán:

Phòng Hạch toán kế toán có chức năng tham mưu và trực tiếp thừa hành công tác theo dõi, hạch toán các khoản cho vay, đi vay, mua bán giấy tờ có giá, đầu tư tài chính của MHB với các Ngân hàng, tổ chức tài chính khác; hạch toán điều hòa vốn trong nội bộ; hạch toán mua bán ngoại tệ trong và ngoài hệ thống theo quy định; hạch toán các loại vốn, các quỹ của MHB; Tổng hợp cân đối tài khoản và báo cáo kế toán định kỳ (tháng, quý, năm) của các đơn vị kế toán tại Hội sở MHB.

▲ Phòng Kế toán tài chính:

Phòng Kế toán tài chính có chức năng tham mưu và trực tiếp thừa hành công tác kế toán tài chính và ngân quỹ tại Hội sở chính theo sự chỉ đạo của Tổng giám đốc MHB; Tổ chức thực hiện chế độ kế toán, chế độ báo cáo kế toán và hạch toán kế toán theo đúng luật kế toán, thống kê của Nhà nước, quy định của Bộ Tài chính, của MHB;

▲ Phòng Phân tích tài chính:

Phòng Phân tích tài chính có chức năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình tài chính của MHB, từ đó tham mưu, đề xuất các biện pháp với Kế toán trưởng và Tổng giám đốc để chỉ đạo, điều hành hoạt động của MHB đạt hiệu quả nhất.

▲ Trung tâm Thanh toán:

Trung tâm thanh toán có chức năng tham mưu và trực tiếp thừa hành công tác thanh toán, chuyển tiền trong và ngoài nước; theo dõi, hạch toán và quản lý tài khoản tiền gửi thanh toán của MHB tại NHNN và các TCTD khác; thực hiện hạch toán các dự án tín dụng quốc tế tại MHB; Tổ chức, theo dõi, vận hành toàn bộ hệ thống thanh toán, chuyển tiền của MHB; Làm đầu mối, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các chi nhánh thực hiện các quy định, nghiệp vụ về thanh toán, chuyển tiền trong toàn hệ thống để đảm bảo công tác thanh toán chuyển tiền nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

▲ Ban Quản lý vốn đầu tư:

Ban Quản lý vốn đầu tư có chức năng nghiên cứu, đề xuất và thừa lệnh Tổng Giám đốc trong việc xây dựng chiến lược, xúc tiến, tổ chức thẩm định, triển khai, quản lý các khoản đầu tư tài chính của MHB nhằm tăng cường hiệu quả của nguồn vốn đầu tư dài hạn. Mọi tiến trình thực hiện phải đảm bảo theo đúng những quy định của pháp luật và quy định của MHB.

▲ Phòng Marketing:

Phòng Marketing (MKT) có chức năng nghiên cứu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc phát triển và quảng bá hình ảnh thương hiệu của ngân hàng, xây dựng và triển khai chiến lược

MKT để đạt được các mục tiêu kinh doanh của ngân hàng cho các mảng thị trường mục tiêu (khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và các định chế tài chính), phụ trách công tác chăm sóc khách hàng, phù hợp với các qui định của pháp luật, theo Điều lệ và tổ chức hoạt động của MHB, theo phân cấp ủy quyền của Tổng Giám đốc.

▲ Ban Văn phòng triển khai chiến lược:

Ban Văn phòng triển khai chiến lược có chức năng tham mưu và trực tiếp thừa hành công tác hỗ trợ các đơn vị kinh doanh phân tích và phát triển nghiệp vụ; quản trị các dự án công nghệ thông tin liên quan đến phát triển sản phẩm chiến lược, quản lý thông tin kinh doanh và hệ thống báo cáo quản trị của MHB.

▲ Trung tâm Thẻ:

Trung tâm Thẻ có trách nhiệm là đầu mối triển khai hoạt động kinh doanh các dịch vụ thẻ, tham gia các dự án xây dựng, phát triển các sản phẩm thẻ và các dịch vụ ngân hàng điện tử khác của MHB; Đầu mối làm việc với các tổ chức thẻ, các nhà cung cấp dịch vụ Ngân hàng điện tử để triển khai và hướng dẫn các đơn vị thực hiện các quy định, quy trình nghiệp vụ liên quan đến dịch vụ thẻ; Tham mưu. Đề xuất Ban lãnh đạo các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh các dịch vụ thẻ và các dịch vụ Ngân hàng điện tử;

▲ Trung tâm Công nghệ thông tin:

Trung tâm Công nghệ thông tin có chức năng tham mưu, giúp Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý các mặt liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, an toàn bảo mật thông tin (ATBMTT) trong phạm vi toàn hệ thống MHB; Xây dựng, trình Hội đồng Công nghệ thông tin và Tổng giám đốc chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn bảo mật thông tin của MHB sau khi tham khảo ý kiến Ban Quản trị các dự án công nghệ; Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ban lãnh đạo tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các quy hoạch, chương trình đề án, dự án chuyên ngành đã được phê duyệt;

5. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 31/03/2015

Nhà nước là cổ đông lớn của MHB, nắm giữ 307.482.672 cổ phần, tương đương với 91,26% vốn điều lệ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại MHB.

5.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng 44: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2015

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước	1	307.482.672	91,26%
Trong nước	3.764	29.438.428	8,74%
<i>Cá nhân</i>	3.751	13.556.200	4,02%
<i>Tổ chức</i>	13	15.882.228	4,72%
Nước ngoài	0	0	0%
Tổng cộng	3.765	336.921.100	100%

5.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Toàn bộ cổ đông hiện nay của MHB là cổ đông sáng lập.

6. Danh sách công ty liên quan

6.1. Danh sách công ty mẹ của MHB:

Không có.

6.2. Danh sách công ty con của MHB:

Bảng 45: Danh sách các công ty con của MHB

STT	Tên Công ty	Lĩnh vực hoạt động	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần chứng khoán MHB (MHBS)	Chứng khoán	170	102	60

6.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của MHB:

Không có.

6.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi

Nhà nước là cổ đông lớn của MHB, nắm quyền kiểm soát và chi phối đối với MHB.

7. Quá trình tăng vốn của MHB

Từ sau khi bắt đầu hoạt động dưới hình thức Ngân hàng TMCP, MHB chưa thực hiện đợt tăng vốn nào.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Sản phẩm kinh doanh chính

▲ Về sản phẩm huy động vốn:

- Nhận tiền gửi \leq 12 tháng, có kỳ hạn của tổ chức kinh tế, cá nhân.
- Nhận tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, có kỳ hạn của cá nhân.
- Nhận tiền gửi, đầu tư tiền gửi, đi vay, cho vay trên thị trường liên ngân hàng.

▲ Về sản phẩm tín dụng:

Trong lĩnh vực tín dụng sản phẩm kinh doanh chính của MHB là cho vay doanh nghiệp, hộ cá thể bổ sung vốn lưu động kinh doanh đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cho vay tiêu dùng phục vụ đời sống.

▲ Sản phẩm cho vay doanh nghiệp:

- Cho vay bổ sung vốn lưu động
- Cho vay đầu tư TSCĐ
- Cho vay kinh doanh BĐS
- Cho vay đảm bảo bằng chứng từ có giá
- Tài trợ XNK
- Chiết khấu chứng từ có giá
- Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu
- Cho vay đồng tài trợ

▲ Sản phẩm Cho vay cá thể:

- Cho vay tiêu dùng
- Cho vay mua, xây dựng, sửa chữa nhà ở đất thổ
- Cho vay mua xe ô tô
- Cho vay bổ sung vốn lưu động
- Cho vay đầu tư TSCĐ
- Cho vay nông, lâm, ngư, diêm, nghiệp
- Cho vay tiểu thương
- Cho vay đảm bảo bằng chứng từ có giá
- Cho vay kinh doanh BĐS
- Chiết khấu chứng từ có giá
- Cho vay CB CNV
- Cho vay du học, làm việc nước ngoài

8.1.1. Hoạt động huy động vốn

Bảng 46: Cơ cấu, tỷ trọng của hoạt động huy động vốn

Đơn vị: đồng

Huy động vốn	2013		2014	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Trong nước	32.509	99,98%	37.196	99,97%
Ngoài nước	7	0,02%	10	0,03%

Nguồn: MHB

Bảng 47: Cơ cấu, tỷ trọng của hoạt động huy động vốn

Đơn vị: tỷ đồng

Huy động vốn	2013		2014	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	5.049	13,46%	3.444	8,49%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	7.440	19,83%	7.929	19,55%
Tiền gửi của khách hàng	25.026	66,71%	29.185	71,96%
Tổng cộng	37.515	100%	40.588	100%

Nguồn: MHB

Năm 2014, tổng lượng huy động vốn của MHB tăng trưởng 8,11%. Trong đó tiền gửi của khách hàng có sự tăng trưởng lớn nhất 16,62%.

Bảng 48: Cơ cấu tiền gửi khách hàng

Đơn vị: tỷ đồng

Huy động vốn	2013		2014	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	3.180	12,71%	3.953	13,54%
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	21.790	87,07%	25.150	86,17%
Tiền ký quỹ	55	0,22%	73	0,25%
Tiền gửi vốn chuyên dùng	0,22	0%	5	0,02%
Tiền gửi tiết kiệm khác	1	0%	2	0,01%
Tổng cộng	25.026	100%	29.185	100%

Nguồn: MHB

Trong cơ cấu tiền gửi khách hàng, tiền, vàng gửi có kỳ hạn chiếm tỷ trọng cao nhất với 87% năm 2013 và 86% năm 2014. Tiền và vàng gửi không kỳ hạn cũng chiếm tỷ lệ cao với 13% năm 2013 và 14% năm 2014. Các loại tiền gửi khác chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng tiền gửi khách hàng của MHB.

8.1.2. Hoạt động tín dụng

Bảng 49: Cơ cấu, tỷ trọng của hoạt động tín dụng

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Phân loại nợ	Năm 2013	Năm 2014
I	Tổng dư nợ	26,894	29,853
1	Nhóm 1	24,308	27,512
2	Nhóm 2	1,871	1,530
II	Nợ xấu	714	812
III	Tỷ lệ nợ xấu	2.66%	2.72%
1	Nhóm 3	159	335
2	Nhóm 4	136	72
3	Nhóm 5	420	405

Nguồn: MHB

Nợ xấu để 31/12/2014 ở mức 812 tỷ đồng, tăng 98 tỷ so với năm 2013 (714 tỷ đồng). Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của MHB tại thời điểm 31/12/2014 ở mức 2,72%, tăng không đáng kể so với mức 2,66% năm 2013.

Tỷ lệ dự phòng rủi ro/tổng dư nợ xấu của MHB là tương đối thấp so với mức bình quân toàn ngành: Tại thời điểm 31/12/2013, tỷ lệ này là 44%; tại thời điểm 31/12/2014 là 42%.

Về cơ cấu theo ngành nghề: Cơ cấu cho vay của NH khá ổn định từ 2010 đến 2014. Cơ cấu cho vay một số ngành nghề có tỷ trọng lớn của MHB tại thời điểm 31/12/2014: (i) Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô xe máy chiếm tỷ trọng 31,8%; (ii) Ngành xây dựng chiếm tỷ trọng 18,6%; (iii) Ngành nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13%; (iv) Kinh doanh BĐS chiếm tỷ trọng 5,7%; (v) Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình 9,9%.

Theo lĩnh vực kinh tế, dư nợ của MHB khá tập trung ở khu vực nông nghiệp - nông thôn, tại thời điểm 31/12/2014, dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn chiếm khoảng 70% tổng dư nợ của MHB.

Do mạng lưới hoạt động của MHB chủ yếu tập trung tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long nên dư nợ tại khu vực này cũng luôn chiếm tỷ trọng cao hơn nhiều so với các khu vực khác trên toàn quốc. Năm 2013, tỷ trọng cho vay khu vực đồng bằng sông Cửu Long chiếm 46% tổng dư nợ. Điều này phản ánh đúng vai trò, chức năng của MHB là phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long.

Bảng 50: Dư nợ của MHB theo ngành nghề

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Ngành kinh tế	Năm 2013	Năm 2014
1	Nông nghiệp và lâm nghiệp	2.999	3.890
2	Công nghiệp khai thác mỏ	21	27
3	Công nghiệp chế biến	1.442	1.613
4	Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	22	26
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	65	66
6	Xây dựng	5.115	5.554
7	Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	8.343	9.502
8	Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	388	447
9	Khách sạn và nhà hàng	492	544
10	Thông tin và truyền thông	26	27
11	Hoạt động tài chính	2.319	2.042
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1.793	1.696
13	Hoạt động khoa học và công nghệ	28	14
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	724	822
15	Giáo dục và đào tạo	49	52
16	Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	56	88
17	Hoạt động văn hóa thể thao	11	12
18	Hoạt động dịch vụ khác	472	483
19	Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	2.528	2.950
	Tổng cộng	26.894	29.853

8.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

▲ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ:

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ, đặc biệt là đồng nhân dân tệ (CNY), tăng trưởng mạnh trong 2 năm 2013 và 2014, với doanh số mua ngoại tệ đạt 11.183 tỷ đồng năm 2013 và 16.280 tỷ đồng năm 2014, doanh số bán ngoại tệ đạt 11.229 tỷ đồng năm 2013 và 16.529 tỷ đồng năm 2014, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ đạt 4 tỷ đồng trong năm 2013 và 15,3 tỷ đồng trong năm 2014.
- Nhờ có nguồn USD dồi dào từ hoạt động thanh toán biên mậu, MHB đã đáp ứng được nhu cầu thanh toán nhập khẩu của các khách hàng với chính sách tỷ giá hợp

lý.

▲ Thanh toán quốc tế:

- Dịch vụ thanh toán quốc tế bao gồm cả mảng thanh toán biên mậu và chuyển tiền kiều hối đạt được mức tăng trưởng cao trong 02 năm trở lại đây, đạt mức 552 triệu USD năm 2013 và 675 triệu USD trong năm 2014.
- Với hoạt động chuyển tiền kiều hối, mức tăng trưởng đạt trên 25% năm và là một trong số nhưng ngân hàng có mạng lưới chi trả rộng và phát triển nhanh.
- Tổng doanh số thanh toán Chuyển tiền quốc tế, L/C, nhờ thu năm 2014 đạt 204.8 triệu USD, tăng 5% so với năm 2013, đạt 109% kế hoạch năm. Tổng phí dịch vụ thu được từ hoạt động này là 11.2 tỷ, trong đó thu từ hoạt động chuyển tiền và nhờ thu là 8.26 tỷ và từ L/C là 2.96 tỷ.
- Năm 2014 doanh số TTBM đạt hơn 450 triệu USD, tăng 33% so với cùng kỳ năm 2013 và đạt 113% kế hoạch được giao.

8.1.4. Hoạt động ngân hàng đại lý

Tính đến hết 31/12/2014 MHB có duy trì quan hệ đại lý với 274 định chế tài chính trên toàn thế giới trong đó có 02 tài khoản USD tại các ngân hàng Mỹ, 02 tài khoản EUR, 1 tài khoản cho mỗi loại tiền tệ JPY, AUD, SGD.

Với độ phủ sóng rộng bao gồm gần 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, mạng lưới này giúp MHB đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế, chuyển tiền và cung cấp cách dịch vụ bảo lãnh theo yêu cầu đa dạng của khách hàng.

8.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.2.1. Rủi ro thanh khoản:

▲ Rủi ro thanh khoản là rủi ro MHB sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

▲ MHB ông Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

▲ Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. MHB đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho ngân hàng thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các

khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;

- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của MHB, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của MHB.

8.2.2. Rủi ro thị trường:

Ngân hàng chịu các rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của MHB gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất:

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Vì vậy, nếu xảy ra rủi ro lãi suất thì khả năng ngân hàng phải đối mặt với việc suy giảm lợi nhuận hoặc tổn thất về tài sản do thay đổi lãi suất.
- MHB quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.
- Phương pháp đo lường rủi ro lãi suất dựa trên quyết định của Ủy ban quản lý rủi ro. Ngân hàng đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn...
- Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, MHB đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALM nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:
 - Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này cho phép MHB có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường: Ngân hàng MHB đang thực hiện quản lý rủi ro lãi suất qua việc điều hành chính sách về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với xu hướng thay đổi của lãi suất trên thị trường. Các Hợp đồng tín dụng ký với khách hàng hầu hết đều áp dụng lãi suất thả nổi đối với cho vay trung dài hạn hoặc có thể điều chỉnh theo qui

định của NHNN và MHB từng thời kỳ, từ đó có thể tránh việc suy giảm lợi nhuận hay tổn thất về tài sản;

- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước.

▲ Rủi ro tiền tệ:

- Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. MHB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của MHB cũng là VND. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của MHB chủ yếu bằng VND, một phần bằng đô la Mỹ. Một số tài sản khác của MHB lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND và Đô la Mỹ.
- MHB vận hành hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MHB sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. MHB ưu tiên : tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.
- Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, MHB đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:
 - Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
 - Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
 - Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.
 - Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

8.2.3. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là nguy cơ tiềm tàng gắn liền với việc cấp tín dụng cho khách hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh trong trường hợp khách hàng không trả đủ cả gốc và lãi của khoản vay hoặc thanh toán nợ gốc và lãi không đúng kỳ hạn cam kết trong hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng MHB đã và đang tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro tín dụng tập trung:

- ▲** Xây dựng mô hình phê duyệt tín dụng tập trung tại Hội sở và Khu vực; chú trọng kiểm soát sau các điều kiện tín dụng đã phê duyệt theo định kỳ hàng quý (tối thiểu 30% hồ sơ):
 - Từ quý 2/2014, Ngân hàng MHB đã áp dụng cơ chế Ủy quyền phê duyệt (UQPQ) mới, tăng chủ động cho những chi nhánh quản lý chất lượng tín dụng tốt và tăng

- cường mức độ phê duyệt tín dụng tập trung tại Hội sở và Khu vực đối với những chi nhánh mới và/hoặc quản lý yếu kém.
- Quản lý rủi ro tập trung nhiều hơn vào kiểm soát sau phê duyệt. Ban QLRR kiểm tra tối thiểu 30% hồ sơ phê duyệt tại Hội sở. Khối KHDN kiểm soát sau 30% hồ sơ phê duyệt thuộc mức UQPQ chi nhánh. Phòng QLRR chi nhánh kiểm tra tối thiểu 30% danh mục tín dụng của các POS tại chi nhánh.
 - ▲ Hội sở tăng cường cảnh báo các dấu hiệu rủi ro cho chi nhánh, kiểm soát khách hàng có NQH. Kiểm soát nợ quá hạn được xác định là nhiệm vụ hàng đầu và thường xuyên của quản lý chất lượng tín dụng kể từ năm 2014 nhằm chủ động phòng ngừa sớm trước khi phát sinh nợ xấu, tuân thủ đúng theo các giai đoạn áp dụng Thông tư 02 và 09.
 - ▲ Hoàn thiện, hướng dẫn và phối hợp chi nhánh kiểm soát chặt chẽ bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng của từng chi nhánh và toàn hệ thống định kỳ (tháng/quý/năm):
 - ▲ MHB đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng tín dụng toàn hệ thống cũng như tại từng chi nhánh như: nợ quá hạn, nợ xấu, dự thu, lãi treo, kết quả thu hồi nợ. Trên cơ sở đó, Ban điều hành có các chỉ đạo kịp thời để thường xuyên cải thiện chất lượng tín dụng.
 - ▲ Phân cấp quản lý:
 - Hội sở (Ban QLRR) kiểm soát đánh giá chất lượng tín dụng toàn hệ thống và từng Chi nhánh, hàng tháng/quý đề xuất với Ban Lãnh đạo MHB Phương án quản lý và thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu nhằm đạt mục tiêu kiểm soát nợ xấu 3%.
 - Chi nhánh (Phòng QLRR) kiểm soát đánh giá chất lượng tín dụng từng POS tại Chi nhánh, có báo cáo cho Ban Giám đốc Chi nhánh và Ban QLRR.
 - ▲ Kiểm soát đặc biệt và điều chỉnh nhân sự tại chi nhánh yếu kém:
 - Các chi nhánh thuộc diện kiểm soát đặc biệt có mức UQPQ riêng, thấp nhất trong các mức ủy quyền và không ủy quyền cấp tín dụng tín chấp.
 - Hội sở tăng tần suất đôn đốc thu hồi nợ, trả lương kinh doanh trên cơ sở kết quả thu nợ có vấn đề, điều chỉnh và bổ sung các nhân sự chủ chốt của các chi nhánh thuộc diện này.

8.3. Thị trường hoạt động

8.3.1. Mạng lưới chi nhánh và công ty trực thuộc gồm:

Tại thời điểm 31/3/2015, mạng lưới chi nhánh và công ty trực thuộc của MHB như sau:

- ▲ Văn phòng đại diện Hà nội và Khu vực MiềnTrung;
- ▲ 01 Trung Tâm thẻ; 01 Trung tâm Công nghệ thông tin;

- ▲ 01 Sở giao dịch, 43 chi nhánh và 187 phòng giao dịch;
- ▲ 01 công ty con: Công ty cổ phần chứng khoán MHB (MHBS). Chi tiết theo phục lục đính kèm.

8.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng-

Mạng lưới khách hàng đối với các sản phẩm của MHB là tại địa bàn nơi các Chi nhánh MHB trú đóng, MHB có nền khách hàng bán lẻ khá, đối tượng khách hàng phần lớn là cá nhân, hộ kinh doanh nhỏ lẻ. Cho vay khách hàng cá nhân và hộ gia đình chiếm xấp xỉ 60% tổng dư nợ trong nhiều năm qua.

Các loại dịch vụ kèm theo cho khách hàng vay vốn khá phong phú như thẻ ATM, chuyển tiền, SMS banking, thanh toán tiền điện, nước, điện thoại ...

8.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

▲ Thị phần

Với quy mô vốn chủ sở hữu nhỏ, MHB chưa có điều kiện để đẩy mạnh phát triển thị trường. Cho vay khách hàng tại thời điểm 31/12/2014 của MHB đạt 29.853 tỷ đồng, mức thấp so với quy mô toàn thị trường. MHB có thị phần cho vay đứng thứ 22/44 và thị phần huy động đứng thứ 25/44 trong nhóm các ngân hàng thương mại. Mức độ nhận diện thương hiệu trên thị trường còn hạn chế.

▲ Khả năng cạnh tranh

Tuy là một trong 5 Ngân hàng TMCP do nhà nước nắm quyền sở hữu chi phối, khả năng cạnh tranh của MHB còn nhiều hạn chế:

- Trình độ phát triển công nghệ được đánh giá là chậm so với các NHTMCP do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.
- Khả năng huy động tiền gửi còn nhiều hạn chế, tỷ lệ cho vay/huy động trong những năm qua tương đối cao.
- Khả năng sinh lời thấp (ROE ~3%, ROA ~0,27-0,28%). Cơ cấu thu nhập phụ thuộc đáng kể vào nguồn thu từ lãi nên chưa bền vững.
- Tỷ lệ chi phí/thu nhập tăng do chi phí tăng nhanh hơn thu nhập.
- Chất lượng tài sản ở mức trung bình thấp so với các ngân hàng thương mại trên thị trường.
- Đã xây dựng được cơ chế chính sách quản lý rủi ro, có các Phòng/Ban chuyên trách về QLRR, tuy nhiên, chủ yếu mới là QLRRTD, công tác QLRR thị trường, thanh khoản và tác nghiệp còn chưa được phát triển.

8.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

- ▲ Dự án cho vay tạm trữ lúa gạo
- ▲ Dự án cho vay trong chuỗi liên kết ngắn hạn tác với Vinafoods2

▲ Cho vay theo nghị định 67

▲ Cho vay nhà ở xã hội.

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2013 - 2014

Bảng 51: Một số chỉ tiêu tài chính trong các năm gần đây

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		2014	
	Giá trị	% Tăng giảm	Giá trị	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	38.820	1,13%	45.142	17,49%
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1.385	N/A	1.386	0%
Thuế và các khoản phải nộp	67	N/A	65	-3%
Lợi nhuận trước thuế	166	N/A	165	0%
Lợi nhuận sau thuế	130	N/A	130	0%

Nguồn: MHB

9.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của MHB trong năm báo cáo

▲ Thuận lợi trong hoạt động kinh doanh

Cùng với sự phục hồi của kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam cũng đạt được một số kết quả tốt trong năm 2014. Kinh tế vĩ mô phát triển ổn định, đạt mức tăng trưởng khá cao (gần 6%). Các chỉ số vĩ mô khác như mức sống và thu nhập của người dân, lạm phát đều ở mức tốt. Theo báo cáo về môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam xếp hạng 78/189, tăng 21 bậc so với năm 2013. Những thuận lợi này giúp Việt Nam thu hút đầu tư dự án, góp phần phát triển ngành tài chính ngân hàng.

MHB là một trong 5 Ngân hàng TMCP do nhà nước nắm quyền chi phối; điều này tạo ra sự tin tưởng cho đối tác trong các hoạt động kinh doanh. Phân khúc thị trường khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu của MHB. Với đặc điểm quy mô dân số Việt Nam lớn nhưng tỷ lệ sử dụng dịch vụ ngân hàng vẫn còn thấp, phân khúc thị trường này còn nhiều tiềm năng phát triển MHB có thể tận dụng.

▲ Khó khăn trong hoạt động kinh doanh

Tuy diễn biến kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong những năm gần đây đã có chuyển biến tích cực, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. Tăng trưởng kinh tế còn chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao. Sự phục hồi của các doanh nghiệp diễn ra chậm và thận trọng, dẫn tới nhu cầu tín dụng và dịch vụ ngân hàng tăng chậm. Tiến độ

xử lý nợ xấu chưa cao do thiếu các công cụ mua bán nợ cũng làm giảm sự hiệu quả trong hoạt động tài chính ngân hàng.

Sự hội nhập và mở cửa của ngành ngân hàng tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng nước ngoài phát triển tại Việt Nam. Nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng nước ngoài gây áp lực cạnh tranh lên toàn bộ hệ thống tín dụng của Việt Nam và tạo ra một số khó khăn trong một số mảng hoạt động của MHB.

10. Vị thế của MHB so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của MHB trong ngành;

Được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1998, đến nay sau 17 năm hoạt động MHB đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật được Ngân hàng Nhà nước xếp vào nhóm những tổ chức tín dụng hoạt động lành mạnh, ổn định, an toàn và được cấp mức tăng trưởng tín dụng cao nhất trong năm 2012. Năm 2014, Ngân hàng MHB nằm trong top 6 trong 26 tổ chức thực hiện tốt các hoạt động thông tin tín dụng, Top 10 Ngân hàng dẫn đầu về quản lý dự án Tài chính nông thôn do World Bank tài trợ, vinh dự nhận danh hiệu **“Thương hiệu mạnh và phát triển bền vững 2014”**, **“Thương hiệu nổi tiếng ASEAN 2014”** và là năm thứ 8 liên tiếp MHB nhận giải **Thương hiệu mạnh** tại Việt Nam.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành;

Xem mục 9.2 phần 4.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Trong suốt thời gian hoạt động, MHB luôn bám sát định hướng của ngành, Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ để hoàn thành tốt nhiệm vụ của một tổ chức tài chính có uy tín. Ngoài ra, Ngân hàng MHB còn đẩy mạnh, tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh các mô hình kinh doanh mới nhằm đáp ứng với sự thay đổi liên tục của môi trường Tài chính và kinh tế.

Với lợi thế về kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long, MHB Sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ và cho vay lĩnh vực nông nghiệp trong thời gian tới theo đúng định hướng của Chính phủ và NHNN.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động

Tổng số lao động (trong định biên) của toàn hệ thống MHB tại thời điểm 31/03/2015 là 3.468 người và lao động khoán là 330 người, với cơ cấu như sau:

Bảng 52: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/03/2015

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo giới tính	3.798	100%
Nam	1.686	44,4%
Nữ	2.112	55,6%
Theo trình độ	3.798	100%
Đại học và trên đại học	2.913	76,7%
Cao đẳng, trung cấp	356	9,4%
Lao động có tay nghề	471	12,4%
Lao động phổ thông	58	1,5%
Loại hợp đồng lao động	3.798	100%
Không thời hạn	2.357	62,1%
Có thời hạn	1.441	37,9%

Nguồn: MHB

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

11.2.1. Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Đào tạo được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của MHB, nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực, tố chất và kỹ năng đủ để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của công việc. Nội dung đào tạo mang tính thực tiễn cao, gắn với chiến lược kinh doanh của MHB.

MHB thường xuyên tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo để nâng cao kỹ năng quản lý điều hành, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn.... Các khóa đào tạo chủ yếu do đội ngũ giảng viên nội bộ nhiều kinh nghiệm của MHB đảm trách và/hoặc liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín chuyên sâu về lĩnh vực tài chính ngân hàng như Viện Nhân lực ngân hàng tài chính (BTCI), Trường Đào tạo cán bộ ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), Cơ quan hợp tác chuyên gia công nghệ Luxembourg (ATTF) và các trung tâm đào tạo khác.

11.2.2. Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Đối với người lao động, MHB thực hiện chính sách lương thưởng hợp lý, chế độ đãi ngộ, phúc lợi rõ ràng, môi trường làm việc thân thiện; cơ hội nghề nghiệp, thăng tiến công bằng, đảm bảo tạo động lực phấn đấu cho tất cả những nhân viên tốt đặc biệt đối với những cán bộ đã gắn bó và nỗ lực khẳng định bản thân tại MHB.

12. Chính sách cổ tức

Đang trình và chờ Ngân hàng Nhà nước phê duyệt Chính sách cổ tức cho 2 năm gần nhất của MHB lần lượt là:

- Năm 2014: 2,5%
- Năm 2013: 2%

Sau khi sáp nhập, mức cổ tức sẽ được trả theo lợi nhuận cũng như quyết định của ĐHĐCĐ.

13. Tình hình tài chính

53: Chi tiết chỉ tiêu tài chính năm 2013-2014

Chỉ tiêu	2013	2014
1. Vốn tự có	3.419	3.521
Vốn điều lệ	3.369	3.369
Tỷ lệ an toàn vốn	17,30%	16,57%
2. Chất lượng tài sản		
Tỷ lệ nợ xấu	2,65%	2,71%
Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng+các khoản cho vay TCTD khác)/Tổng tài sản	75,55%	70,59%
TS có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	90,8%	91,9%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	4,13%	4,58%
Thu nhập dịch vụ ròng/Tổng thu nhập	1,69%	2,89%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	15,06%	24,24%
4. Khả năng thanh khoản		
Tài sản Có thanh toán ngay trên Nợ phải trả	18,48%	25,29%
Khả năng chi trả trong 7 ngày tới		
VND	1,317	1,205
USD	7,15	2,43
Nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn	21,78%	27,49%

14. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

14.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 54: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Năm sinh	Số CMTND
1	Huỳnh Nam Dũng	Chủ tịch HĐQT	1956	021866544
2	Nguyễn Phước Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1956	024086128
3	Nguyễn Văn Lộc	Thành viên HĐQT	1959	264000044
4	Đặng Xuân Sinh	Thành viên HĐQT	1957	024036483
5	Trần Văn Vẹn	Thành viên HĐQT độc lập	1949	334517399

Nguồn: MHB

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Ông Huỳnh Nam Dũng		CHỦ TỊCH HĐQT
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		05/06/1956
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		021866544 do Công An TP. HCM cấp ngày 07/03/2001
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú:		215A Hoàng Văn Thụ, phường 8, Q.Phú Nhuận, TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		08.39302515
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Kỹ sư tự động hóa Thạc sĩ kinh tế, tài chính
Quá trình công tác:		
1980	1982	Phục vụ trong quân đội tại Quân khu 9
1983	1995	Chuyên viên Sở Ngoại vụ Thành phố.Hồ Chí Minh
1995	1997	Công tác tại Văn phòng Chính phủ
1997	1997	Ủy viên Ban trụ bị thành lập Ngân hàng MHB
1998	2002	Phó tổng giám đốc Ngân hàng MHB
2002	2011	Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng MHB
2011	nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán MHB, Công ty CP Bất động sản Mekong, Công ty CP Phát triển đô thị Sen Vàng
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:	123.044.370 cổ phần (trong đó đại diện sở hữu 122.993.070 cổ phần)
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	1.096.808.000 đồng
Những người có liên quan:	Con Huỳnh Nam Trung sở hữu 20.000 cổ phần

Ông Nguyễn Phước Hòa	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	28/09/1956	
Nơi sinh	TP. Hồ Chí Minh	
CMND:	024086128	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	TP. Hồ Chí Minh	
Địa chỉ thường trú:	Sky Garden, lối 11E, lầu 3, phòng 1, Phú Mỹ Hưng, P Tân Phong, Q7, TP. HCM	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	08.39302516	
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Đại học Ngân hàng	
Quá trình công tác:		
02/1976	12/1986	Cán bộ NHNN tỉnh Tây Ninh
11/2002	: 07/2007	Phó giám đốc NHNN tỉnh Tây Ninh
08/2007	: 08/2008	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Tây Ninh
09/2008	: 02/2009	Phó giám đốc thường trực Ngân hàng NN&PTNT SGD II tại TP. HCM
03/2009	: 04/2009	Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng NN&PTNT – VPĐD miền Nam
05/2009	: 08/2013	Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng NN&PTNT II tại TP. HCM

09/2013	: 05/2014	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng MHB
06/2014	: nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng MHB kiêm phụ trách điều hành Hội đồng quản trị
		Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
		Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng MHB
		Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		92.306.201 cổ phần (trong đó đại diện sở hữu 92.244.801 cổ phần)
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có
Các khoản nợ đối với MHB:		Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		1.052.936.000 đồng
Những người có liên quan:		Không nắm giữ cổ phần MHB

Ông Nguyễn Văn Lộc	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	16/05/1959
Nơi sinh	Ninh Thuận
CMND:	264000044
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Ninh Thuận
Địa chỉ thường trú:	153/23 Cao Thắng, Quận 10, TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0913882074
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:	

04/1982	10/1984	Cán bộ NHNN xã Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Thuận Hải
10/1984	10/1987	Trưởng phòng Tín dụng NHNN xã Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Thuận Hải
10/1987	06/1988	Phó giám đốc Ngân hàng Nhà nước thị xã Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Thuận Hải
06/1988	04/1990	Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Thuận Hải
04/1990	01/1991	Trưởng phòng Đầu tư phát triển tỉnh Thuận Hải - Ngân hàng Đầu tư và xây dựng
05/2009	: 08/2013	Phó giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Thuận Hải
09/2013	: 05/2014	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Ninh Thuận
06/2014	: nay	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Ninh Thuận
		Ủy viên chuyên trách Hội đồng quản trị Ngân hàng MHB
		Thành viên Hội đồng thành viên Ngân hàng MHB
		Thành viên Hội đồng quản trị MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:		17.900 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có
Các khoản nợ đối với MHB:		Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		877.447.000 đồng
Những người có liên quan:		Không nắm giữ cổ phần MHB

Ông Đặng Xuân Sinh	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/04/1957
Nơi sinh	Thanh Hóa
CMND:	024036483
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:		6E1 Vĩnh Viên, Quận 10, TP. HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0917103611
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân Tài chính
Quá trình công tác:		
08/1980	04/1983	Cán bộ tín dụng NH Công nghiệp TW cơ sở 2 tại TP. HCM
04/1983	10/1991	Giáo viên khoa Tiền tệ - Tín dụng Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng TPHCM
10/1991	12/1998	Chuyên viên - Phó trưởng phòng - Trưởng phòng Tổng hợp Đối ngoại VPĐD NHNN tại TPHCM
12/1998	07/2002	Trưởng phòng Nghiên cứu Kinh tế VPĐD NHNN tại TP. HCM
07/2002	04/2014	Trưởng phòng Tổng hợp – Nghiên cứu Kinh tế VPĐD NHNN tại TP.HCM kiêm giúp việc Phó Thống đốc NHNN trực tại TPHCM
04/2014	: nay	Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		92.244.801 cổ phần (trong đó đại diện sở hữu 92.244.801 cổ phần)
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không có
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		511.844.000 đồng
Những người có liên quan:		Không nắm giữ cổ phần MHB

Ông Trần Văn Vện	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/11/1949
Nơi sinh	Trà Vinh
CMND:	334517399

Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Trà Vinh
Địa chỉ thường trú:		10 Trần Phú, Tiểu Cần, Trà Vinh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0919172320
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân đại học Mở TP. HCM
Quá trình công tác:		
02/1968	06/1973	Thư ký huyện lỵ Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh
1973	1976	Trưởng Ban Tuyên huấn huyện lỵ, Chánh trị viên Đội biệt động, Bí thư huyện lỵ Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh
1976	1981	Huyện Ủy viên, Trưởng phòng Thương nghiệp huyện Tiểu Cần, tỉnh Cửu Long
1981	1982	Phó bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Tiểu Cần, tỉnh Cửu Long
1982	1990	Bí thư Huyện ủy Tiểu Cần, Giám đốc công ty Cây có dầu tỉnh Cửu Long
1990	1992	Tỉnh ủy viên, Phó chủ tịch UBND tỉnh Cửu Long
1992	1999	Tỉnh ủy viên, Phó chủ tịch UBND tỉnh Cửu Long
1999	2000	Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch tỉnh Trà Vinh
2001	2004	Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch tỉnh Trà Vinh
2004	2011	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Lương Thực miền Nam
2011		Nghỉ hưu
2012	nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Hội đồng quản trị độc lập MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		100.000 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có
Các khoản nợ đối với MHB:		Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		614.212.000 đồng
Những người có liên quan:		Không sở hữu cổ phần MHB

14.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 55: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Năm sinh	CMTND
1	Lữ Thị Thanh Phương	Trưởng Ban Kiểm soát	1968	022264311
2	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	1960	024876327
3	Đỗ Văn Sế	Thành viên Ban Kiểm soát	1960	273602927

Nguồn: MHB

Sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

Bà Lữ Thị Thanh Phương		TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		30/07/1968
Nơi sinh		Phnom-penh (Campuchia)
CMND:		022264311
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Cà Mau
Địa chỉ thường trú:		758/35 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q.Bình Thạnh, TPHCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0903914293
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:		
10/1990	09/1991	Ngân hàng XNK VN Eximbank
10/1991	09/2006	Ngân hàng liên doanh Indovina Tp.HCM
10/2006	11/2006	Cán bộ Ban trù bị Thành lập Công ty chứng khoán MHB
12/2006	12/2010	Ban Kiểm toán nội bộ Ngân hàng MHB
12/2010	08/2012	Bổ nhiệm Phó Ban Kiểm toán nội bộ Ngân hàng MHB
08/2012	05/2014	Phó Ban Kiểm toán nội bộ kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát MHB
05/2014	nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:		4.400 cổ phần

Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Các khoản nợ đối với MHB:	Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	526.648.000 đồng
Những người có liên quan:	Em Lữ Thị Thanh Bình sở hữu 1.300 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	
Giới tính:	Nữ	
Ngày tháng năm sinh:	10/10/1961	
Nơi sinh	Tiền Giang	
CMND:	024876327	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Đồng Tháp	
Địa chỉ thường trú:	184/38/31/11 Âu Dương Lân, quận 8, Tp.HCM	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0918408918	
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân đại học Luật và đại học Ngân hàng	
Quá trình công tác:		
12/2002	05/2005	Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quận 6
05/2005	08/2012	Phó trưởng phòng Kiểm tra nội bộ Ngân hàng MHB
08/2012	nay	Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát MHB
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát MHB	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Không có	
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:	7.900 cổ phần	
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có	
Các khoản nợ đối với MHB:	Không có	
Lợi ích liên quan đối với MHB:	Không có	

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	350.979.000 đồng
Những người có liên quan:	Không nắm giữ cổ phần MHB

Ông Đỗ Văn Sế		THÀNH VIÊN BẢN KIỂM SOÁT
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		30/3/1960
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		273602927
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Hà Nội
Địa chỉ thường trú:		69/14 Lê Hồng Phong, Phường 7, TP Vũng Tàu
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0919676789
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân đại học Ngân hàng
Quá trình công tác:		
04/1984	05/1989	Cán bộ tín dụng kế hoạch - tổng hợp
05/1989	10/1989	Phó phòng Tín dụng kế hoạch - tổng hợp Ngân hàng Ngoại thương Đặc khu Bà Rịa- Vũng Tàu
10/1989	12/1989	Phó phòng Kế toán tài vụ Công ty phát triển kinh tế Côn Đảo - đặc khu Vũng Tàu
12/1989	12/1990	Phó giám đốc Trung tâm tài chính - tín dụng Côn Đảo Công ty PTKT Côn Đảo
12/1990	08/1991	Giám đốc Trung tâm tài chính - tín dụng Côn Đảo Công ty Phát triển kinh tế Côn Đảo
08/1991	03/1993	Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ xuất nhập khẩu EDC4 - Công ty Phát triển kinh tế Côn Đảo
03/1993	09/1995	Trợ lý giám đốc Công ty Phát triển kinh tế Côn Đảo
09/1995	08/2000	Chuyên viên Kinh tế - Ban Tài chính Tỉnh ủy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
08/2000	08/2003	Cán bộ tổng hợp, phụ trách phòng tiếp dân thuộc Văn phòng Tỉnh Ủy tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
08/2003	03/2004	Phó Văn phòng cơ quan Văn phòng Đảng ủy khối Kinh tế Bà Rịa Vũng Tàu
03/2004	03/2009	Giám đốc Ngân hàng MHB CN Bà Rịa - Vũng Tàu
03/2009	08/2012	Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng MHB Chi nhánh Đà

		Năng
08/2012	nay	Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:		22.700 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có
Các khoản nợ đối với MHB:		Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		350.979.000 đồng
Những người có liên quan:		Không nắm giữ cổ phần MHB

14.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc

Bảng 56: Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Năm sinh	CMTND
1	Nguyễn Phước Hòa	Tổng Giám Đốc	1956	024086128
2	Bùi Thanh Hưng	Phó Tổng Giám đốc	1956	334850685
3	Nguyễn Ngọc Tâm	Phó Tổng Giám đốc	1965	024257454
4	Nguyễn Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc	1972	022617934
5	Trần Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	1960	011426249
6	Nguyễn Văn Thanh	Kế toán trưởng	1961	360076485

Nguồn: MHB

Sơ yếu lý lịch các thành viên BGD

Ông Nguyễn Phước Hòa	TỔNG GIÁM ĐỐC
Xem mục 14.1	

Ông Bùi Thanh Hưng	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	16/06/1956
Nơi sinh	Trà Vinh
CMND:	334850685
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Trà Vinh
Địa chỉ thường trú:		39 5B xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp.HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0913922380
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:		
1981	1985	Công tác tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Cửu Long
1985	1987	Phụ trách Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Cửu Long
1987	1990	Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Cửu Long
1990	1992	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Cửu Long
1992	1999	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển tỉnh Trà Vinh
1999	nay	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:		28.000
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có
Các khoản nợ đối với MHB:		Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không có
Những người có liên quan:		Không nắm giữ cổ phần MHB

Ông Nguyễn Ngọc Tâm	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	25/06/1965
Nơi sinh	Bình Định
CMND:	024257454
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Bình Định
Địa chỉ thường trú:		59/29B Phạm Viêt Chánh, Q1, TPHCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0913918829
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân đại học ngân hàng
Quá trình công tác:		
01/1983	04/1989	Kế toán tại Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước huyện Vân Canh
04/1989	06/1989	Trưởng phòng Đại diện Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghĩa Bình tại Huyện Vân Canh
06/1989	02/1993	Thanh tra viên Phòng thanh tra Chi nhánh NHNN Tỉnh Nghệ Bình
02/1993	09/1999	Phòng đại diện thanh tra Ngân hàng Trung Ương
09/1999	01/2000	Cán bộ phòng Kiểm tra nội bộ Hội sở chính Ngân hàng MHB
01/2000	10/2000	Phó phòng Kế toán ngân quỹ Sở giao dịch Ngân hàng MHB
10/2000	10/2002	Trưởng phòng Kế toán ngân quỹ Sở giao dịch Ngân hàng MHB
10/2002	05/2004	Phó Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng MHB
05/2004	11/2012	Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn thuộc Ngân hàng MHB
11/2012	nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:		22.800 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có
Các khoản nợ đối với MHB:		Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:		Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		853.725.000 đồng
Những người có liên quan:		Em Nguyễn Thị Hồng sở hữu 2.100 cổ phần Em Nguyễn Ngọc Công sở hữu 1.200

Bà Nguyễn Thiên Kim		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		15/04/1972
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		022617934
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Hà Nội
Địa chỉ thường trú:		20 Nguyễn Cảnh Chân, Quận 1, TPHCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0913836349
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân kinh tế Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:		
11/1994	1995	Cán bộ Văn phòng II - Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam tại Tp.HCM
1995	02/2001	Thanh toán viên – Phòng TTQT – Sở giao dịch II – NHNN&PTNT Việt Nam
02/2001	05/2001	Cán bộ phòng Quan hệ quốc tế và kinh doanh đối ngoại MHB
05/2001	11/2001	Phó trưởng phòng kinh doanh đối ngoại Sở giao dịch MHB
11/2001	10/2002	Quyền Trưởng phòng Quan hệ quốc tế và kinh doanh đối ngoại MHB
10/2002	11/2009	Trưởng phòng Quan hệ quốc tế và kinh doanh đối ngoại MHB
11/2009	09/2011	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và đào tạo MHB
09/2011	10/2012	Trưởng Ban Quản trị nhân sự MHB
10/2012	nay	Phó tổng giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó tổng giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:		11.600
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có

Các khoản nợ đối với MHB:	Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	853.725.000 đồng
Những người có liên quan:	Không nắm giữ cổ phần MHB

Ông Trần Quang Huy		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		12/02/1960
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		011426249
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Hà Nội
Địa chỉ thường trú:		D1/22 Giảng Võ, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0913201141
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác:		
1985	1988	Kỹ sư nhà máy chế tạo máy công cụ số 1 – Bộ Cơ khí và luyện kim
1988	1989	Thực tập sinh cao cấp ở Tiệp Khắc
1989	1992	Nghiên cứu sinh ở Tiệp Khắc
1992	1995	Giám đốc kỹ thuật Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
1995	1996	Chuyên viên Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư – Vụ Quản lý dự án
1996	2003	Chuyên viên Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Vụ Quản lý dự án đầu tư nước ngoài
2003	2005	Trưởng Văn phòng đại diện Ngân hàng MHB tại Hà Nội
2005	nay	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng giám đốc Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:		12.800

Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Các khoản nợ đối với MHB:	Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	597.608.000 đồng
Những người có liên quan:	Không nắm giữ cổ phần MHB

Ông Nguyễn Văn Thanh	KẾ TOÁN TRƯỞNG	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	27/11/1961	
Nơi sinh	Cần Thơ	
CMND:	360076485	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Cần Thơ	
Địa chỉ thường trú:	41 đường số 3, KDC Him Lam, Quận 7, TP. HCM	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0913773856	
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác:		
1981	03/1999	Công tác tại Ngân hàng Nhà Nước Chi nhánh Cần Thơ qua các vị trí: Phó phòng, Trưởng phòng Kế toán
03/1999	03/2004	Phó giám đốc Ngân hàng MHB Chi nhánh Cần Thơ
03/2004	06/2004	Trưởng phòng Kế toán tài chính Hội sở Ngân hàng MHB
06/2004	07/2005	Trưởng Ban Kế toán Ngân hàng MHB
07/2005	nay	Kế toán trưởng Ngân hàng MHB
Chức vụ công tác hiện nay:		Kế toán trưởng Ngân hàng MHB
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không có
Số cổ phần MHB cá nhân đang nắm giữ:		22.900
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có

Các khoản nợ đối với MHB:	Không có
Lợi ích liên quan đối với MHB:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	853.725.000 đồng
Những người có liên quan:	Em Nguyễn Thị Bé Sáu sở hữu 1.800 cổ phần

15. Tài sản

15.1. Tài sản cố định

57: Chi tiết tài sản cố định tại 31/12/2014

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
I. TSCĐ hữu hình	911	334	577	63,29%
1.Nhà cửa, vật kiến trúc	459	72	388	84,42%
2.Máy móc thiết bị tin học	132	71	61	46,24%
3. Máy móc thiết bị khác	191	107	85	44,19%
3.Phương tiện vận tải	23	12	11	49,06%
4.Thiết bị dụng cụ quản lý	87	64	23	26,21%
5.TSCĐ hữu hình khác	18	9	9	49,58%
III. TSCĐ vô hình	604	66	538	89,09%
1.Quyền sử dụng đất	491	32	459	93,49%
2.Phần mềm vi tính, bản quyền, bằng sáng chế	111	33	78	70,22%
3.TSCĐ vô hình khác	1,4	0,7	0,7	49,74%
Tổng	1.515	400	1.114	73,57%

Nguồn: MHB

15.2. Tình hình sử dụng đất

Tổng diện tích đất MHB đang quản lý và sử dụng tính đến thời điểm 31/12/2014: 91.968 m² với 123 địa điểm đất. Các địa điểm đất hầu hết đang được sử dụng làm Hội sở chính hoặc các chi nhánh giao dịch.

58: Tình hình sử dụng đất tại 31/12/2014

STT	ĐIỂM	Diện tích
AN GIANG		2,989
1	15 Tôn Đức Thắng,P.Mỹ Bình, TP Long Xuyên	363.0
2	2 Nam Cái Dầu, Châu Phú	256.0
3	217 Tôn Đức Thắng,TT Tân Châu	400.0
4	Nguyễn Hữu Cảnh,Chợ Mới	400.2
5	TTTTM Thị Trấn Phú Mỹ - H.Phú Tân (<i>Khu các đường còn lại ngoài khu TM</i>)	392.0
6	272 Lý Thái Tổ - Mỹ Long -Long Xuyên (CN TỈNH)	903.0
7	Đường Tôn Đức Thắng, TT Núi sập, Thoại sơn (2 khu đất liền kề)	274.8
BÀ RỊA - VŨNG TÀU		998
1	77 Trung Nhị - Phường1- Tp Vũng Tàu	110.2
	75 Trung Nhị - Phường1- Tp Vũng Tàu	120.0
2	23 Lý Thường Kiệt-phường 1-TP Vũng Tàu (nhà xưởng)	687.1
3	99, Lê Quý Đôn, P. Phước Trung, Tx. BR (PGD BÀ RỊA)	80.8
BẠC LIÊU		898
1	201 QL1A,Ấp 2 - TT Hộ Phòng (PGD GIÁ RAI)	138.0
2	Ấp TT A-TT Hòa Bình-H.Hòa Bình (PGD HÒA BÌNH)	176.4
3	Khóm 2, p7, Tp.Bạc Liêu	584.0
BẾN TRE		3,003
1	59 đại lộ Đồng khởi-P2-TP Bến Tre (CN TỈNH)	1,602.5
2	1198 Phú Quới (QL57), xã Đa Phước Hội (PGD MỎ CÀY)	1,400.0
BÌNH DƯƠNG		381
1	131 Đoàn Trần Nghiệp TX TDM (PGD THỦ DẦU MỘT)	96.2
2	08 Nguyễn Thái Học- Phú Cương-TX TDM	120.4

STT	ĐỊA ĐIỂM	Diện tích
3	QL 13,Xã Định Hòa- TX TDM	7.4
4	Đường Phú Lợi, P.Phú Hòa -TX TDM	34.2
5	04 Bạch Đằng - Phường Phú cường- TX TDM	73.0
6	338 CMT8 - Phú Cường-TX TDM	49.8
CÀ MAU		1,717
1	27 Ngô Quyền P2, Tp.Cà Mau	956.9
2	Đường Hùng Vương, khóm I, TT Năm Căn	760.0
CẦN THƠ		3,219
1	05 Phan Đình Phùng P.Tân An,Q.Ninh Kiều (CN TỈNH)	2,491.5
2	60-62 Phan Đình Phùng, P.Tân An,Q.Ninh Kiều	128.0
3	Số 76, Quốc lộ 91, P.Châu Văn Liêm,Q Ô Môn (<i>Cầu Ông Tằm-Cầu sắt Ô Môn</i>)	600.0
CHÂU ĐỐC		964
1	190 Thủ Khoa Nghĩa -Châu Đốc	482.1
2	368A-Bạch Đằng	481.7
ĐỒNG NAI		8,783
1	37-39 Nguyễn Thị Hiền, phường Thanh Bình, TP Biên Hòa	127.2
2	30 CMT8- P.Thanh Bình- TP Biên Hòa (CN TỈNH)	389.6
3	38/1 Phạm Văn Thuận-P.Tam Hòa - Tp Biên Hòa	58.8
4	Đường Hùng Vương, Phường Xuân Bình, TX Long Khánh	861.2
5	PGD Thị trấn Định Quán- H.Định Quán	276.4
6	PGD xã Xuân Thạnh- H.Thống Nhất	3,034.0
7	Xã Long Giao- Cẩm Mỹ	3,540.0
8	Khu phố I, Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	496.0
ĐỒNG THÁP		2,941

STT	ĐỊA ĐIỂM	Diện tích
1	Số 33, Lý Thường Kiệt ,P2, TP Cao Lãnh (<i>Góc LTK -Nguyễn Huệ</i>)	222.5
2	Số 1, Lô C, khu 500 căn ,P.Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh (CN TỈNH)	256.0
3	Lê Thị Riêng, P1, TP Cao Lãnh	2,000.0
4	Khu dân cư thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	317.4
5	Thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	145.4
ĐỒNG THÁP MƯỜI		854
1	Giao Lộ Hùng Vương- 30/4 TT Mộc Hoá (CN TỈNH)	853.6
GIA ĐỊNH		229
1	238 Nguyễn Thái Sơn-P4-Gò Vấp	229
GIA LAI		2,853
1	90 Hùng Vương, P.Hội Thương, TP.Pleiku (CN TỈNH)	265.7
2	Đất trụ sở CN Gia Lai đường Nguyễn Tất Thành, phường Phù Đổng, TP.Pleiku (CN TỈNH)	1,070.7
3	92 Trần Hưng đạo Thị xã Ayunpa (PGD AJUNPA)	144.0
		422.0
4	571 Quang Trung, TT An Khê, H.An Khê (<i>Đoạn từ Hoàng Văn Thụ đến Ngô Thời Nhiệm</i>)	103.7
5	796 Hùng Vương, TT Chư Sê, Gia Lai (Từ Nguyễn Trãi đến Phan Đình Phùng)	847.0
HẢI DƯƠNG		4,175
1	Khu đất đường Thanh Niên, P.Bình Hàn, TP H.Dương (<i>Đoạn từ đường Sắt đến đường 5</i>) (CN TỈNH)	2,710.0
2	QL5A,TT Lai Cách,H.Cầm Giàng (PGD CẦM GIÀNG)	1,465.2
HẬU GIANG		4,100
1	Đường 3/2 (QL61), KV2, P5, TX Vị Thanh (<i>Đoạn từ Ngô Quốc Trị đến Cầu Miếu</i>)	518.4
2	147 đường 3/2 (QL61) KV2, P5, TX Vị Thanh (<i>Đoạn từ Ranh dây phân cách 3/2 đến hết dây phân cách 3/2</i>)	593.5

STT	ĐỊA ĐIỂM	Diện tích
3	Giao lộ Tây Sông Hậu -D1, P5,TX Vị Thanh (CN TỈNH)	2,988.0
HỘI SỞ		2,998
1	Hội sở- 09 Võ văn Tần	2,654.0
2	30-32 Hàm Nghi,Bến Thành,Q1	
3	153 HBT,P6, Q3	344.0
KHÁNH HÒA		474
1	14 Hai Bà Trưng, P.Vạn Hạnh, TP Nha Trang	128.5
2	11 Quang Trung,P.Vạn Hạnh, TP Nha Trang	345.0
KIÊN GIANG		656
1	25 Bạch Đằng,P.Vĩnh Thanh Tân, Rạch Giá	238.7
2	Đất Z46 - 49 Khu đô thị mới Kiên Lương H Kiên Lương	417.5
LÂM ĐỒNG		191
1	28 Khu Hòa Bình+21 Tăng Bạt Hổ, P1- Tp Đà Lạt	191.0
LẠNG SON		3,522
1	22 Trần Hưng Đạo, P Chi Lăng, Tp Lạng Sơn (<i>Đoạn từ Quang Trung đến Nguyễn Thái Học</i>)	522.3
	Nhà cấp 4 tường rào, 22 Trần Hưng Đạo (PGD TRẦN HƯNG ĐẠO)	
2	204 Trần Đăng Ninh Tp Lạng Sơn (PGD KỶ LỬA)	55.5
3	Khu Chính,TT Đồng Mỏ H Chi Lăng	130.8
4	40 Lê Lợi, P.Vĩnh Trại , TP Lạng Sơn(<i>Từ Bà Triệu đến Chu Văn An</i>) (CN TỈNH)	2,813.5
LÀO CAI		140
1	60 Phan Đình Phùng-P.Phố Mới-TP Lào Cai (PGD PHỐ MỚI)	140.0
LONG AN		4,722
1	Ô 7 Khu B-Tỉnh Lộ 823 TT Hậu Nghĩa -H Đức Hòa	1,228.2
2	97 Nguyễn Trung Trực P1-Tân An (PGD TÂN AN)	186.0
3	20 Lê Lợi, P1, TP Tân An	16.0

STT	ĐỊA ĐIỂM	Diện tích
4	144 Nguyễn Đình Chiểu P1-Tân An (PGD Số 2)	51.2
5	01 Huỳnh Châu SỔ TT Bến Lức H Bến Lức	78.5
6	25 đường Trà Quý Bình-P2-TP Tân An	1,718.0
7	26 đường Trà Quý Bình-P2-TP Tân An (CN TỈNH)	125.6
8	Đường Nguyễn Hữu thọ, TT Bến Lức H Bến Lức (PGD BẾN LỨC)	1,120.7
9	Lô B1-B2 đường số 22 Khu tái định cư -dân cư Xuyên Á, H.Đức Hòa	197.5
MÓNG CÁI		934
1	CN MÓNG CÁI- P.Hòa Lạc-Móng cái	934.0
NGHỆ AN		2,744
1	05 Nguyễn Sỹ Sách Tp Vinh (CN TỈNH)	1,175.5
2	08 Cao Thắng, P.Hồng Sơn, Tp Vinh (PGD CHỢ VINH)	151.2
3	PQD Quỳnh Lưu, QL1A, khối 5, TT Cầu Giát, H.Quỳnh Lưu (PGD QUỲNH LƯU)	251.3
4	PGD NGHĨA ĐÀN, TT Thái Hòa, H.Nghĩa Đàn	158.0
5	Quốc Lộ 1A, gần ngã 4 TT Diễn Châu, cách TP Vinh 35km)	
6	Nhà Đô Lương	
7	QL46, TTĐô Lương (PGD ĐÔ LƯƠNG)	1,007.5
PHÚ QUỐC		1,780
1	174 Nguyễn Trung Trực ,KP5,TT Dương Đông (CN PHÚ QUỐC)	1,780.0
PHÚ THỌ		6,092
1	1464, Đlộ Hùng Vương,P.Tiên Cát, Việt Trì (<i>Bưu điện Tiên Cát đến đường tàu cắt ngang của P.Tiên Ngang</i>)(CN TỈNH)	3,096.4
2	68A, Phong Châu, Phù Ninh, PT (PGD PHÙ NINH)	2,551.2
3	1592 Hùng Vương, P.Gia Cẩm, PTThọ (PGD VIỆT TRÌ)	372.0

STT	ĐỊA ĐIỂM	Diện tích
4	Lô số 05A- Trần Nguyên Hãn-Việt Trì (PGD THỌ SƠN)	72.0
QUẢNG NINH		5,013
1	74 Trần Hưng Đạo-Tp Hạ Long (CN TỈNH)	675.0
2	Đường 10-TT Quảng Yên, huyện Yên Hưng(PGD YÊN HƯNG)	676.0
3	Đường 18A-p.Cẩm Bình-TX Cẩm phá (PGD CẨM PHẢ)	1,574.0
4	PGD Uông Bí-P.Quang Trung-TP Uông Bí	2,088.0
SA ĐÉC		470
1	Số 9, Lạc Long Quân,Khu TTTM, P2,TX Sa Đéc (Đường Lạc Long Quân-Khu TTTM)(Điểm giao dịch)	56.0
2	Số 74, Hùng Vương, P2, TX Sa Đéc (Nguyễn Sinh Sắc -cầu Rạch Rắn)	414.0
SÓC TRĂNG		3,625
1	57 Đường 3/2, P1,Tp Sóc Trăng(PGD ĐỒNG KHỞI)	158.3
2	21Trần Hưng đạo,K7,P3,TP. Sóc Trăng(CN TỈNH)	2,131.7
3	Đường Đặng Quang Minh, Ấp 3, TT. Long Phú, H.Long Phú. (PGD LONG PHÚ)	1,335.0
TIỀN GIANG		2,496
1	92 Ngô Quyền P1 - TP Mỹ Tho (CN TỈNH)	200.0
2	34-36 Lê Lợi P1 - TP Mỹ Tho (PGD MỸ THO)	174.0
3	36/6 Lê Lợi, Phường 1, TP Mỹ Tho, TG (Thủ Khoa Huân->Ngô Quyền)	52.4
4	36/7 Lê Lợi, Phường 2, TP Mỹ Tho, TG (Thủ Khoa Huân->Ngô Quyền)	51.0
5	4-6 Nguyễn Huệ P1 TP Mỹ Tho	155.7
6	09 Võ Tánh P1 -TP Mỹ Tho	45.5
7	104 Lê Lợi P1-TX Gò Công	92.4
8	208 Nguyễn Chí Liêm Khu 2 ,TT Cai lập (Toàn tuyến đường Nguyễn Chí Liêm)	200.0
9	Lương Hòa Lạc - H Chợ Gạo (Chợ Lương Hòa Lạc từ đình Lương Phú B đến Cầu Tư	57.7

STT	ĐỊA ĐIỂM	Diện tích
10	Rót) Gồm 2 lô đất	59.9
11	Lô 3-4 đường số 9, KDC Long Thành Hưng, xã Long Bình Điền, H Chợ Gạo (Đường tỉnh 879C)	250.3
12	Đường Trần Hưng Đạo, khu phố 2, P2 - Tx Gò Công (Hai Bà Trưng - Ngã 3 Cầu Tàu)	1,156.9
TRÀ VINH		3,475
1	57 Phạm Hồng Thái P3, TX. Trà Vinh (CN TỈNH)	1,093.8
2	57/5 Phạm Hồng Thái P3, TX. Trà Vinh	45.7
3	74-76 Lê Lợi, P2, TX Trà Vinh	112.9
4	QL53, Khóm 2, TT Càng Long	229.5
5	Đường 30/4 (QL54), Khóm 1, TT Cầu Kè	441.2
6	Khóm Minh Thuận A, TT Cầu Ngang, H. Cầu Ngang	399.0
7	35 Võ Thị Sáu (QL60), Khóm 1, TT Tiểu Cần, H. Tiểu Cần (Đoạn từ đường Trường cấp I Tiểu Cần đến đường đèo Xóm Gió) (PGD TIỂU CẦN)	299.7
8	QL54 (đường 3/2), khóm 5, TT Trà Cú, H. Trà Cú (Đoạn từ Xí Nghiệp thủy nông đến ngã 3 Bảy Sào)	552.8
9	Khóm 1 TT Duyên Hải-H. Duyên Hải	300.8
VĨNH LONG		4,533
1	26 Đinh Tiên Hoàng P8-TX Vĩnh Long	1,867.7
2	219 tổ 16, ấp Thanh Mỹ, xã Thanh Đức, H. Long Hồ	75.0
3	220 tổ 16, ấp Thanh Mỹ, xã Thanh Đức, H. Long Hồ	70.5
4	Khóm 2 TT Tam Bình-H. Tam Bình-Vĩnh Long	2,371.0
5	PGD Song Phú-Lô A1-A2, Ấp Phú Ninh, xã Song Phú, huyện Tam Bình	149.1
Cộng		81,968

15.3. Tài sản khác (quản lý đầu tư, vật kiến trúc, hệ thống công nghệ thông tin, nếu có)

Ngoài các tài sản kể trên, MHB còn sở hữu Hệ thống Core Banking, Hệ thống mạng LANWAN phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

PHẦN 6. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu

Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

2. Loại cổ phiếu:

Cổ phiếu phổ thông

3. Mệnh giá:

10.000 đồng/cổ phiếu

4. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành:

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 336.921.100 cổ phiếu

5. Tỷ lệ hoán đổi

Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1 (01 cổ phiếu của MHB sẽ được hoán đổi thành 01 cổ phiếu của BIDV)

6. Căn cứ xác định tỷ lệ chuyển đổi

Căn cứ hoạt động kinh doanh của hai ngân hàng, theo đó sau 17 năm hoạt động, tổng tài sản của MHB tăng hơn 110 lần so với ngày đầu thành lập; chất lượng tài sản được đảm bảo, nằm trong top 10 ngân hàng có mạng lưới lớn nhất Việt Nam, dư nợ tín dụng dành cho ĐBSCL chiếm 50% dư nợ toàn hệ thống. Các báo cáo tài chính qua kiểm toán những năm vừa qua cho thấy MHB luôn kinh doanh có lãi, không năm nào lợi nhuận dưới 100 tỷ đồng.

Mặt khác, hiện nay BIDV đang có chiến lược thâm nhập vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chú trọng chăn nuôi quy mô lớn và nông nghiệp canh tác trên công nghệ của Israel và Nhật Bản. Trong khi đó trong lĩnh vực này MHB lại có rất nhiều kinh nghiệm, khi sáp nhập với MHB sẽ góp phần giúp BIDV sớm cụ thể hóa để triển khai chiến lược này. Việc sáp nhập MHB vào BIDV không chỉ giúp BIDV mở rộng mạng lưới, nền khách hàng mà còn tăng cường năng lực của BIDV trong mảng nông nghiệp nông thôn, góp phần nâng cao vai trò, vị trí của BIDV trở thành định chế tài chính Việt Nam vững mạnh, có chất lượng hoạt động, quản trị rủi ro theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đủ năng lực cạnh tranh và hội nhập với các ngân hàng trong khu vực và thế giới.

Trên cơ sở cơ cấu cổ đông cùng là ngân hàng cổ phần Nhà Nước nắm tỷ lệ chi phối, việc sáp nhập phù hợp với chủ trương của Chính Phủ trong việc tái cấu trúc hệ thống ngân hàng qua đó hình thành một định chế tài chính lớn trong khu vực.

Ngoài ra, căn cứ theo giá trị sổ sách của hai ngân hàng tại thời điểm sáp nhập, trong đó giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2014 của BIDV đạt 11.835 đồng/cp và của MHB đạt 10.460 đồng/cp, Hội đồng quản trị các bên đã lựa chọn mức giá hợp lý, hài hòa giữa lợi ích của các cổ đông ngắn hạn và mục tiêu phát triển dài hạn của doanh nghiệp và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đại hội đồng cổ đông các bên tham gia sáp nhập đã thông qua tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu MHB và BID với kết quả như sau:

Tỷ lệ hoán đổi 1:1, nghĩa là cổ đông nắm giữ 01 cổ phiếu MHB sẽ có quyền được đổi thành 1 cổ phiếu BIDV

7. Đối tượng chuyển đổi



Toàn bộ cổ đông sở hữu cổ phiếu của MHB tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để hoán đổi cổ phiếu.

8. Thời gian dự kiến phát hành

Thời gian dự kiến thực hiện: Tháng 5/2015.






9. Phương thức phân phối

Theo phương án sáp nhập, tỷ lệ hoán đổi giữa cổ phiếu BIDV và cổ phiếu MHB là 1:1. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam sẽ phát hành thêm cổ phiếu (mã chứng khoán BID) cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu của MHB vào ngày chốt quyền để hoán đổi cổ phiếu với các cổ đông này.

-  Đối với các cổ đông đã thực hiện lưu ký: làm thủ tục nhận cổ phiếu hoán đổi tại công ty chứng khoán mở tài khoản lưu ký.
-  Đối với các cổ đông chưa thực hiện lưu ký: làm thủ tục nhận cổ phiếu hoán đổi tại trụ sở MHB.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nghị định 01/2014/NĐ-CP quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần tại một ngân hàng thương mại Việt Nam không quá:

-  5% vốn điều lệ đối với một cá nhân nước ngoài
-  15% vốn điều lệ đối với một tổ chức nước ngoài
-  20% vốn điều lệ đối với một nhà đầu tư nước ngoài và những người có liên quan của nhà đầu tư đó
-  20% vốn điều lệ đối với một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài
-  Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30%

Sau sáp nhập, dự kiến nhà nước sẽ sở hữu 2.999.506.693 cổ phần, tương đương với 95,28% vốn điều lệ của BIDV. Vì vậy, việc sáp nhập không vi phạm các quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

11. Cam kết tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2005, Luật cạnh tranh 2004 về sáp nhập doanh nghiệp

BIDV cam kết tuân thủ các quy định và thủ tục về sáp nhập doanh nghiệp được quy định tại điều 153 Luật Doanh nghiệp 2005. Sau sáp nhập, điều lệ Công ty nhận sáp nhập (BIDV) sẽ được sửa đổi cho phù hợp với quy mô mới và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

BIDV cam kết tuân thủ các quy định và thủ tục về sáp nhập doanh nghiệp được quy định tại Mục 2 Điều 11 Luật Cạnh tranh 2004. Sau sáp nhập, BIDV sẽ không lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí độc quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Do cổ phần hiện tại mà các cổ đông MHB nắm giữ là cổ phần của cổ đông sáng lập (bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày MHB chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (từ ngày 23 /7/2012), nên theo phương án sáp nhập, các cổ phần BIDV phát hành để hoán đổi cho cổ đông hiện hữu của MHB bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 23/07/2015.

13. Các loại thuế có liên quan

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo các quy định của pháp luật về thuế GTGT hiện hành.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 18 tháng 06 năm 2014, mức thuế thu nhập doanh nghiệp BIDV phải chịu là 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế. Mức thuế này sẽ được giảm xuống 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế khác:

Ngoài thuế GTGT và thuế Thu nhập doanh nghiệp, BIDV thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

PHẦN 7. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Tên công ty : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Địa chỉ : Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 22205544 Fax: (84.4) 22200399

2. TỔ CHỨC BỊ SÁP NHẬP:

Tên công ty : Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long
Địa chỉ : 9 Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 39302501 Fax: (84.8) 39302506

3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tên công ty : Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Địa chỉ : Tầng 12A, Toàn nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 62883568 Fax: (84.4) 62885678

4. TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Tên công ty : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)
Trụ sở chính : Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ : Lầu 9, Toà nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

Ý kiến của Tổ chức tư vấn

Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long có hạn chế về quy mô hoạt động và tiềm lực tài chính; vì vậy, MHB không có điều kiện triển khai các dịch vụ tiện ích, đầu tư công nghệ, và giảm thiểu chi phí hoạt động. Tuy quy mô và năng lực cạnh tranh chưa cao, MHB có đối tượng khách hàng cho vay và hệ số an toàn vốn tốt.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là một trong bốn ngân hàng lớn nhất Việt Nam về tài sản. Với mục tiêu trở thành một ngân hàng thương mại đạt trình độ khu vực về quy mô cũng như khả năng cạnh tranh, BIDV cần tập trung củng cố nội lực, trong đó tăng cường năng lực tài chính và mở rộng mạng lưới là hai vấn đề thiết yếu.

Việc sáp nhập BIDV và MHB sẽ giúp nâng cao vai trò, vị trí của BIDV trong nhiệm vụ dẫn dắt thị trường, đảm bảo vai trò là lực lượng chủ đạo trong hệ thống các tổ chức tín dụng cũng như tăng khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế. MHB có thể tận dụng nguồn lực của BIDV để đẩy mạnh hiệu quả hoạt động và tận dụng năng lực sẵn có của MHB một cách hiệu quả hơn. Việc sáp nhập 2 ngân hàng MHB và BIDV là hợp lý và đi theo chủ trương tái cơ cấu hệ thống ngân hàng của Nhà nước.

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2015

Đại diện Tổ chức phát hành
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



TRẦN BẮC HÀ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



PHAN DỨC TÚ

Tổng Giám đốc

A blue ink handwritten signature of Võ Bích Hà.

VÕ BÍCH HÀ

Trưởng Ban Kiểm soát

A blue ink handwritten signature of Tạ Thị Hạnh.

TẠ THỊ HẠNH

Kế toán trưởng

Đại diện Tổ chức tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐT&PT VIỆT NAM



[Handwritten signature in blue ink]

TRẦN THỊ THU THIÊN *[initials]*
Phó Tổng Giám đốc

PHẦN 9. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty

Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán

Phụ lục IV: Các báo cáo tài chính

Phụ lục V: Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu pháp lý của dự án đầu tư